

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Vu Lan — Mùa Báo Hiếu

69

THÁNG 08.2017



CHÁNH PHÁP

HOẲNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: MartyNZ (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **ƯỚC MƠ** (thơ Hoang Phong), trang 7
- ◆ **Ý NGHĨA LỄ VU LAN** (HT. Thích Minh Châu), trang 8
- ◆ **NGHIỆP DĨ** (thơ ĐNT Tin Nghĩa), trang 9
- ◆ **SỰ HIẾU LÀM VÊ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 11
- ◆ **VẤN ĐỀ PHỤC VỤ** (NS. Thích Nữ Trí Hải), trang 15
- ◆ **LỄ ĐỘNG THỔ XÂY CÁT TAM QUAN CHÙA BÁT NHÃ** (Bình Sa), trang 16
- ◆ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ◆ **VĂN TẾ SIÊU ĐỘ ẨM LINH** (thơ TNT Mặc Giang), trang 18
- ◆ **TRANH LUẬN VỀ HIẾU GIỮA PHẬT GIÁO VÀ KHÔNG GIÁO** (Nguyễn Hiệp dịch), trang 20
- ◆ **HOÀN TỤC** (thơ Tánh Thiện), trang 23
- ◆ **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ RỰC SÁNG VÙNG ĐÔNG BẮC HOA KỲ** (Thích Nguyên Siêu), trang 24
- ◆ **ANANDA METTEYYA** (HT. Thích Trí Chơn), trang 27
- ◆ **GIEO TRỒNG DUYÊN LÀNH** (thơ Chúc Hiền), trang 30
- ◆ **CẢM ƠN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ** (Vĩnh Hào), trang 31
- ◆ **HIẾU KÍNH VỚI CHA MẸ – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ◆ **NGHIỆP, NGHIỆP BÁO – CHÁNH BÁO, Y BÁO - Phật Pháp Thứ Năm** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 33
- ◆ **SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 35
- ◆ **LỜI MẸ KHUYÊN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 37
- ◆ **ĐẠO PHẬT, KHOA HỌC, LÝ TRÍ VÀ TÌNH CẢM** (Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 38
- ◆ **VU LAN ĐẶC BIỆT** (Nguyễn Văn Sâm), trang 41
- ◆ **MẸ ĐỪNG BỎ CON** (Bùi Thanh Xuân), trang 42
- ◆ **THIỆN TẬP KHI MANG THAI** (Nguyễn Giác), trang 47
- ◆ **NHỚ MẸ** (thơ Bạch Xuân Khỏe), tr. 49
- ◆ **RẦM THÁNG BẢY – NGÀY CHA MẸ** (Chân Minh), trang 50
- ◆ **MẸ CHO CON MÙA XUÂN** (thơ Mặc Phương Tử), trang 51
- ◆ **VƯỜN ĐÈM** (Hạnh Chi), trang 52
- ◆ **DINH DƯỠNG VỚI VIÊM KHỚP XƯƠNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ◆ **GẤM, CHẤY TRỜI, NHỚ THƯƠNG, ĐỂ DÀNH** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 55
- ◆ **TRUYỀN NGÂN TRĂM LINH TÂM CHỦ** (Steven N.), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: BÁNH KHOAI TÂY CHAY** (Hồng Hương), trang 57
- ◆ **CHA LÀ NGỌN NÉN** (Diệu Thanh), trang 58
- ◆ **MẸ KÈ, MƯA DÀM, NHƯ, THỜ CÙNG TÔI** (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 59
- ◆ **MỘT GIỌT MÁU ĐÀO** (Lam Khê), tr. 60
- ◆ **STORY OF TISSA** (Daw Mya Tin), trang 63
- ◆ **HÌNH ANH LỄ KHAI GIẢNG KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7** (Võ Văn Tường), trang 72
- ◆ **HÀNH TRÌNH CỦA MỘT CHIẾC LÁ** (Chơn Hạnh), trang 66
- ◆ **THÁNG CHÍN VÀO THU NHỚ MẸ HIỀN, ĐẤT NƯỚC TÔI (III)** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 67
- ◆ **LÒNG MẸ** (Thích Nữ Như Thủy), tr. 68
- ◆ **AN CƯ KIẾT HẠ CHÙA HUỆ QUANG** (Việt Báo), trang 69
- ◆ **QUÊ HƯƠNG** (thơ TN Giới Định), tr. 70
- ◆ **TƯỜNG NIỆM ĐỨC ĐỆ TỬ TĂNG THÔNG ĐLHT THÍCH HUỖN QUANG** (Việt Báo), trang 71
- ◆ **BA MANG MÙA THƯƠNG NHỚ ĐI XA** (thơ Nguyễn Phan Thủy Chi), trang 73
- ◆ **KHÉ CƠ** (Đồng Thiện), trang 74
- ◆ **VU LAN BUỒN** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 75
- ◆ **BỤI ĐƯỜNG – chương 1, t.t.** (Vĩnh Hào), trang 76
- ◆ **HOẲNG TỬ HIẾU THẢO** (Thích Minh Chiêu sưu tầm), trang 79



Báo Chánh Pháp số 69, tháng 08 năm 2017, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phi. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

GIẢI TRỪ KHỔ ĐAU, NGƯỢC ĐÃI

Khát vọng tự do là khát vọng muôn thuở của con người kể từ khi những cá nhân và gia đình, vì nhu cầu an sinh mà tiến đến việc sống quần tụ trong bộ lạc, xã hội, lãnh thổ, quốc gia. Sự quần cư càng lớn, luật lệ chung càng phức tạp và gò bó hơn theo thời gian. Người ta đã phải đánh đổi một phần tự do của mình để được bảo vệ trong khuôn khổ đời sống tập thể. Đến khi khung luật tập thể bị lạm dụng quá mức bởi những kẻ tự cho mình có quyền chế tác, ban hành và giải thích tùy tiện theo quyền lợi cá nhân và đảng phái, thì bất công xã hội càng sâu dày, khiến cho thống khổ chìm ngập con người dưới mức không thể chịu đựng được nữa. Khát vọng tự do bật lên thành tiếng nói, và dẫn đi vào hành động.

Đối với hành giả theo Phật, đó không chỉ là khát vọng mà là bản nguyện: giải thoát khổ đau tự bản chất (1), đồng thời hướng đến việc giải trừ những ngược đãi, bất công từ xã hội, bằng hành động thực tiễn (cứu khổ, ban vui), bằng ái ngữ (tiếng nói của thương yêu, cảm thông), và bằng đại bi tâm (từ bi vô lượng).

Tinh thần của Vu-lan (Ullambana), dù theo truyền thống nam hay bắc truyền, nên như thế: là bản nguyện cứu khổ, không chỉ cho người chết (như tín ngưỡng “xả tội vong nhân” nơi cõi âm), mà quan trọng nhất là cho nhân sinh, cho người sống.

Sống và dẫn thân vào đời ác-trực, người con Phật không thể đứng đưng, vô cảm trước nỗi thống khổ vô vàn của số đông.

Không có gì sai trái khi lên tiếng bảo vệ quyền sống của con người, của chúng sanh.

Không có gì mâu thuẫn giữa lòng từ bi và tiếng nói hay hành động uy dũng khi cần thiết, để phản tình những người vô minh xấu-ác bách hại sinh linh, tước đoạt quyền tự do của con người.

Lưu Hiểu Ba — khôi nguyên Nobel Hòa Bình năm 2010, người vừa mất vào ngày 13.7.2017 trong ngục tù Trung quốc vì bệnh ung thư gan — không phải là một

phật-tử đúng nghĩa, nhưng tiếng nói, hành động và lý tưởng đấu tranh cho tự do dân chủ của ông là hành xử của một bồ-tát.

Vị bồ-tát ấy đã nói thay cho những kẻ thấp cổ bé họng khát vọng tự do của con người trong thế giới ngập tràn thống khổ này. Tiếng nói không gươm đao, không bom đạn, không thù hận, không có kẻ thù (2). Tiếng nói của lòng từ bi bất bạo động tạo cảm hứng vươn dậy cho những thế hệ sau, và dư âm của nó có thể làm rung chuyển những cỗ máy độc tài bóp nghẹt tự do trên toàn hành tinh.

Vu-lan, thả một nén nhang tri ân cha mẹ và thầy dạy, đồng thời không quên tưởng nhớ những vị bồ-tát hữu danh, vô danh, một thời lừng lẫy hoặc âm thầm đi qua trần gian này để nói lên khát vọng tự do của con người trong mọi thời đại.

(1) Tam khổ (ba cái khổ) theo giáo lý nhà Phật: **Khổ-khổ** (thực trạng khổ đau), **Hoại-khổ** (khổ đau vì bản chất của mọi sự mọi vật là biến hoại, vô thường), và **Hành-khổ** (khổ đau từ vô minh, đầu mối nhân duyên của vòng sinh tử luân hồi). Có thể hiểu Khổ-khổ là thực trạng; Hoại-khổ và Hành-khổ là bản chất, nguyên do.

(2) "*No Enemies, No Hatred*" (Không Kẻ Thù, Không Thù Hận) là tác phẩm của Lưu Hiểu Ba (Liu Xiaobo, 1955-2017), gồm những bài xã luận và thơ được sưu tập và hiệu đính bởi Perry Link, Tienchi Martin-Liao and Liu Xia (vợ của Lưu Hiểu Ba, cũng là một nhà thơ), chuyển dịch bởi Jeffrey Yang, xuất bản năm 2012.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Đại học Yale tổ chức hội thảo về các bản dịch Phật giáo Hán văn thời kỳ đầu

News Haven, Connecticut – Khoa Nghiên cứu Tôn giáo tại trường Đại học Yale đã công bố rằng một hội thảo 3-ngày về các bản dịch Phật giáo tiếng Hán thời kỳ đầu sẽ được tổ chức từ ngày 13 đến 15-10-2017 tại trường.

Hội thảo mở rộng và miễn phí cho tất cả sinh viên tốt nghiệp và giảng viên có nguyện vọng.

Hội thảo sẽ đề cập cụ thể 2 phiên bản Hán văn bất thường của truyện về sự Thành đạo của Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Kiều Đàm Di), di ruột và là mẹ nuôi của Đức Phật. Hai phiên bản tiếng Hán này sẽ được so sánh với các phiên bản hiện có của truyện bằng Hán, Tạng và Phạn ngữ, trong nỗ lực đặt 2 bản này trong bối cảnh lịch sử của chúng.

(The Express Tribune – June 16, 2017)



Khoa Nghiên cứu Tôn giáo tại trường Đại học Yale
Photo: ccwe.wordpress.com

ĐÀI LOAN: Chùa Đại Phật Vương xây những cụm tượng Phật lớn

Đài Bắc, Đài Loan – Đứng sừng sững trên cảnh quan của quận Hsinchu thuộc khu vực

Fonggang là 22 pho tượng thần Phật cao bằng những tòa nhà 5 tầng. Đây là cụm đầu tiên của 7 cụm tượng như vậy sẽ được xây tại chùa Đại Phật Vương thuộc Tịnh Độ tông, tọa lạc trên núi Mitoushan ở thành phố Jhubei.

Sư trưởng của chùa này, Sư Sing-yan, nói rằng phong cách của những tượng nói trên gợi nhớ những tượng được tạo tác vào thời nhà Đường.

Chùa có kế hoạch xây 7 công trình và một bảo tàng khu vực, hy vọng rằng - thông qua kiến trúc, điêu khắc và kinh điển - chùa sẽ cung cấp nhiều hiểu biết hơn về Phật giáo và Tịnh Độ Tông.

Chùa Đại Phật Vương được thành lập cách đây 5 năm trên hơn 30,000 m2 đất.

(Taipei Times – June 16, 2017)



Sư trưởng chùa Đại Phật Vương đứng trước cụm tượng Phật lớn
Photo: Huang Mei-chu

TÍCH LAN: Cuộc họp của Ban Cố vấn Quốc gia dưới sự bảo trợ của Tổng thống

Ngày 15-6-2017, Ban Cố vấn Quốc gia đã tổ chức cuộc họp dưới sự bảo trợ của Tổng thống Maithripala Sirisena tại văn phòng Tổng thống.

Cuộc họp diễn ra với thảo luận chi tiết về sự tiến bộ của Ban Cố vấn Quốc gia. Đại Tăng Đoàn cảm ơn Tổng

thống đã thực hiện các quyết định được đưa ra tại Ban Cố vấn Quốc gia.

Tổng thống bày tỏ sự cảm kích về tiến bộ đã đạt được trong lĩnh vực giáo dục Pirivena trong thời gian gần đây. (Pirivena là những trường tiểu học và trung học dạy cho chư tăng và những học viên bình thường). Đại Tăng Đoàn đã thông báo với Tổng thống rằng đã tiến hành thiết lập một trung tâm đào tạo Pirivena để đào tạo các thầy giáo Pirivena.

(Lanka.lk – June 16, 2017)



Ban Cố vấn Quốc gia đã tổ chức cuộc họp dưới sự bảo trợ của Tổng thống Maithripala Sirisena tại văn phòng Tổng thống Maithripala Sirisena
Photo: Google

HONG KONG: Chương trình nghiên cứu Phật giáo của Quý Gia đình Robert H.N.Ho tặng thưởng cho 26 học giả và Học viện

Ngày 15-6-2017 Quý Gia đình Robert H.N.Ho đã công bố để trao giải thưởng cho 26 học giả và học viện theo Chương trình nghiên cứu Phật giáo của Quý Gia đình Robert H.N.Ho, một giải thưởng dành cho các ứng viên trên toàn thế giới.

Những người nhận giải đến từ các trường đại học và học viện hàng đầu, và việc nghiên cứu sâu xa của họ bao

gồm các ngành học và truyền thống Phật giáo khác nhau, cũng như các nước và khu vực khác nhau – bao gồm Miền Điện, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Kalmykia, Hàn Quốc, Thái Lan, Tây Tạng và Việt Nam.

Được khởi xướng vào năm 2014 và trao giải hàng năm, Chương trình nghiên cứu Phật giáo của Quỹ Gia đình Robert H.N.Ho do Hội đồng Học giả Hoa Kỳ (ACLS) quản lý. Những người nhận giải 2016/2017 đã được tuyển chọn từ 160 ứng viên thông qua cuộc xem xét kỹ lưỡng do ACLS tổ chức.

(Buddhistdoor Global – June 16, 2017)

HOA KỲ: Triển lãm mới “Thượng giới và Địa ngục” về Phật giáo Tịnh Độ tại Bảo tàng Nghệ thuật San Antonio

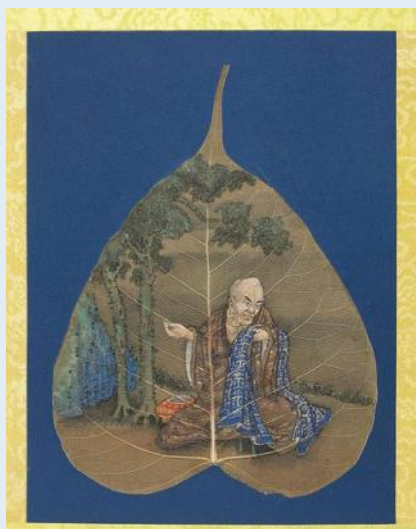
San Antonio, TX – Vào ngày 16-6-2017, Bảo tàng Nghệ thuật San Antonio đã khai mạc cuộc triển lãm “Thượng giới và Địa ngục : Sự cứu độ và trừng phạt trong Phật giáo Tịnh Độ”. Đây là triển lãm đầu tiên tại Hoa Kỳ để tìm hiểu chi tiết một trong những hình thức phổ thông nhất của Phật giáo trên khắp châu Á.

Giới thiệu khoảng 70 tác phẩm – bao gồm tranh, tác phẩm điêu khắc và các vật trang trí – triển lãm trưng bày những cái nhìn tương phản của thượng giới và địa ngục, những ý tưởng vốn là trung tâm của Phật giáo Tịnh Độ.

Diễn ra cho đến ngày 10-9-2017, triển lãm khám phá những sự tiếp cận vùng miền khác nhau, và sự tiến hóa của nghệ thuật công hiến khi Phật giáo Tịnh Độ truyền bá về phía đông đến khắp châu Á.

(artdaily.org – June 19, 2017)

Một số tác phẩm Phật giáo trưng bày tại triển lãm “Thượng giới và Địa ngục” ở Bảo tàng Nghệ thuật San Antonio, Texas (Hoa Kỳ):



Photos: expressnews.com

HONG KONG: Hội nghị lần thứ 15 của Hiệp hội Nữ Phật tử Quốc tế Sakyadhita

Hội nghị lần thứ 15 của Hiệp hội Nữ Phật tử Quốc tế Sakyadhita đã khai mạc vào ngày 22-6-2017 tại trường Đại học Hong Kong, với chủ đề “Phụ nữ Phật giáo Đương thời: Thiển, Giao lưu văn hóa và Hành động xã hội”. Chủ đề này nhấn mạnh sự đa dạng của phụ nữ Phật giáo đương đại trên khắp thế giới và sự cần thiết phải đoàn kết và chia sẻ những trải nghiệm và ý tưởng.

Diễn ra cho đến ngày 28-6, Hội nghị nhằm mục đích kết hợp các học giả, tăng ni và các thành viên của công chúng để tạo nên những con đường chuyển tiếp vì lợi ích và nhu cầu của nữ Phật tử không chỉ ở châu Á mà là trên khắp thế giới. Mỗi ngày sẽ có nhiều bài thuyết trình và hội thảo về các chủ đề khác nhau cũng như nhiều hoạt động văn hóa và tinh thần.

Lễ khai mạc hội nghị nhấn mạnh sự đa dạng và thống nhất của phụ nữ Phật giáo toàn thế giới, với phần tụng niệm cho thấy sự đa dạng phong phú của các dòng truyền thừa và các trường phái tham dự.

(Buddhistdoor Global – June 23, 2017)



Phần tụng niệm tại lễ khai mạc Hội nghị lần thứ 15 của Hiệp hội Nữ Phật tử Quốc tế Sakyadhita tại Hong Kong



Sau phần diễn văn, đại diện của các nhà tổ chức và tài trợ thấp liên hoa đăng dâng Đức Phật



Photos: Olivier Adam

BULGARIA: Phòng Triển lãm Quốc gia Bulgaria tổ chức triển lãm về Nghệ thuật Phật giáo Hi Mã Lạp Sơn

Sofia, Bulgaria – Một cuộc triển lãm độc đáo về Nghệ thuật Phật giáo từ vùng Hi Mã Lạp Sơn đã mở tại Phòng Triển lãm Quốc gia Bulgaria. Triển lãm bao gồm các tác phẩm từ bộ sưu tập riêng của Bảo tàng Quốc gia, cùng với các hiện vật từ Bảo tàng Lịch sử - Dimitrovgrad và các bộ sưu tập cá nhân của nhiếp ảnh gia- nhà văn Nikolay Genov và họa sĩ Tiến sĩ Lyudmil Veselinov.

Triển lãm trình bày một hành trình kỳ thú xuyên qua các thế giới bí ẩn của Hi Mã Lạp Sơn, và giúp khách tham quan làm quen với những hình ảnh của sự giác ngộ. Các tác phẩm của Phòng Triển lãm Quốc gia bao gồm các tượng từ Ấn Độ, Mông Cổ và Tây Tạng, trong khi Bảo tàng Lịch sử - Dimitrovgrad giới thiệu một phần của bộ sưu tập nghệ thuật Tây Tạng. Các vật tạo tác từ những bộ sưu tập của Nikolay Genov gồm các biểu tượng, vật nghi lễ và văn bản minh họa Phật giáo từ Mông Cổ và Tây Tạng, cùng với các ảnh chụp của Teodor Malchiev tại Bhutan, Ấn Độ, Nepal và Tây Tạng.

(buddhistdoor – June 22, 2017)

Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo Hi Mã Lạp Sơn tại Phòng Triển lãm Quốc gia Bulgaria (Sofia, Bulgaria)



Photos: Todor Mitov

NHẬT BẢN: Google Doodle kỷ niệm ngày sinh của nhà sư mù-học giả Hanawa Hokiichi

Hanawa Hokiichi, học giả và là tu sĩ Phật giáo thời Edo được tôn quý của Nhật Bản, sinh vào ngày này 271 năm trước – ngày 23-6.

Khung Google Doodle đã đăng hình tượng của Hanawa Hokiichi nhân ngày sinh của nhà sư. Hình ảnh miêu tả vị học giả này ngồi cạnh một học viên đang quỳ gối, với những ước mơ về sách vở đang trôi bên trên đầu của ông – ngụ ý rằng danh tiếng của ông như là mẫu mực của trí tuệ.

Hokiichi nổi tiếng với việc biên soạn hơn 500 tập Gunsho ruiju – một tuyển tập văn bản ngôn ngữ và văn học cổ điển lớn. Ông cũng được nhớ đến như một người kiên trì đối mặt với nghịch cảnh; thuở bé sau khi bị mù, Hokiichi đã gây ấn tượng đối với các học giả địa phương với trí nhớ phi thường của ông. Ông đã học về lịch sử, văn học, y khoa và luật khoa từ nhiều vị thầy.

Hokiichi cũng đã thành lập trường Wagakusho, nơi ông truyền lại kiến thức của mình cho một thế hệ học giả mới đang ngưỡng mộ của Nhật.

(time.com – June 23, 2017)



Google Doodle kỷ niệm 271 năm ngày sinh của nhà sư mù-học giả Hanawa Hokiichi
Photo: Google Doodle

PAKISTAN: Triển lãm di tích Gandhara tại Seoul, Hàn Quốc

Bốn mươi hiện vật thuộc nền văn minh Gandhara của Pakistan sẽ được trưng bày tại Seoul, Hàn Quốc trong cuộc triển lãm kéo dài 3 tháng – bắt đầu từ ngày 29-6-2017. Triển lãm mang tên “Gandhara thông qua hợp tác quốc tế”, giới thiệu các di tích mà bảo tàng Peshawar của Pakistan hiện đang trưng bày.

Các phái đoàn từ 50 quốc gia sẽ tham dự lễ khai mạc triển lãm tại Seoul, nơi sẽ có các cuộc thảo luận về các khía cạnh khác nhau của nền văn minh Gandhara. Triển lãm cũng sẽ giúp thu hút những khoản đóng góp cho các cuộc khai quật và bảo tồn các địa điểm khảo cổ.

Có khoảng 25 hiện vật dựa vào cuộc đời của Đức Phật trong số các di tích sẽ được vận chuyển đến Seoul để triển lãm lần này.

(tipitaka.net – June 28, 2017)



Di tích nền văn minh Gandhara của Pakistan sẽ được triển lãm tại Seoul, Hàn Quốc—Photo: tribune.com.lk

HÀN QUỐC: Triển lãm bức tranh Phật giáo hồi hương từ Hoa Kỳ

Vào ngày 23-6-2017, chùa Songgwang-sa khai mạc cuộc triển lãm trưng bày một bức tranh Phật giáo Hàn Quốc thế kỷ thứ 18 vốn bị đánh cắp gần 50 năm trước và hồi hương từ Hoa Kỳ vào tháng 12 năm ngoái.

Bức tranh có tiêu đề tiếng Hàn là Obuldo, nghĩa là Năm vị Phật, có niên đại từ năm 1725. Đây là một trong loạt tranh 53 vị Phật được vẽ bởi Uigyeom, một tu sĩ Phật giáo và là họa sĩ từ triều đại Joseon (1392-1910) – và là một phần của những tranh vẽ trang trí ngôi chùa nhỏ tại chùa Songgwang-sa.

Bức tranh này bị đánh cắp vào đầu thập niên 1970 từ chùa Songgwang-sa ở tỉnh Nam Jeolla, Hàn Quốc. Sau khi được trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật Portland, tranh đã hồi hương vào cuối năm ngoái và nay đã trở về bản tự.

Triển lãm mở cửa cho công chúng tại Bảo tàng Seongbo ở chùa Songgwang-sa và sẽ tiếp tục cho đến ngày 8-10-2017 (Buddhistdoor Global - June 26, 2017)



Bức tranh Obuldo hồi hương từ Hoa Kỳ vào ngày 14-12-2016
Photo: nationmultimedia.com

ẤN ĐỘ: Thủ tướng Mori hoạch định tương đài Đức Phật tại bang Gujarat

Gujarat, Ấn Độ - Thủ tướng Ấn Độ Narendra Mori đã tiết lộ các kế hoạch xây dựng một tượng đài Đức Phật lớn tại di tích của một tu viện Phật giáo ở bang Gujarat.

Phát biểu vào ngày 30-6-2017 tại một cuộc tập trung để khởi động các dự án cơ sở

hạ tầng để cung cấp nước uống, ông Modi nói với các đại biểu rằng ông mong muốn xây một đài tưởng niệm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lớn bên cạnh một khảo sát khảo cổ gần đây tại quận Aravalli của Gujarat. Đây là nơi các nhà nghiên cứu đã khai quật phế tích của một tu viện Phật giáo có niên đại từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 5. Cuộc khai quật ở gần ngôi làng Dev Ni Mori này cũng đã phát hiện một bình đựng xá lợi của Đức Phật.

(Buddhistdoor Global - July 3, 2017)



Ảnh trên: Thủ tướng Mori tại bang Gujarat

Ảnh dưới: Các nhà khảo cổ học đang làm việc tại phế tích một tu viện Phật giáo tại Gujarat



Photos: indianexpress.com

HOA KỲ: Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố New York triển lãm 'Chư Phật Vũ trụ luận tại Hi Mã Lạp Sơn'

Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố New York giới thiệu cuộc triển lãm 'Chư Phật Vũ trụ luận tại Hi Mã Lạp Sơn', giúp khám phá thế giới phức tạp của các tín ngưỡng Phật giáo Hi Mã Lạp Sơn - thông qua các tác phẩm tinh tế được trưng bày cho đến ngày 10-12-2017.

Triển lãm sẽ trình bày cấu trúc cốt lõi của tín ngưỡng Phật giáo ở Hi Mã Lạp Sơn bằng cách sử dụng phòng trưng bày như một phép ẩn dụ cho vũ trụ. Qua 18 tác

phẩm điêu khắc và hội họa tinh xảo được sáng tạo từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 19 tại vùng hiện nay là Nepal và Tây Tạng, cuộc triển lãm sẽ kể lại câu chuyện về 5 vị Phật khác nhau và một số biểu hiện quan trọng nhất của các vị, cũng như mối quan hệ của chư Phật với 4 tầng trời.

(UK.BLOUINARTINFO.COM - July 5, 2017)



Tranh Phật tại triển lãm 'Chư Phật Vũ trụ luận tại Hi Mã Lạp Sơn' –Photo: MET

ẤN ĐỘ: Người Tây Tạng tại Leh dự lễ sinh nhật thứ 82 của Đức Đạt lai Lạt ma

Leh, Jammu & Kashmir - Ngày 6-7-2017, hàng ngàn người Tây Tạng đã tham dự lễ kỷ niệm sinh nhật thứ 82 của Đức Đạt lai Lạt ma. Những đám đông lớn trong trang phục truyền thống bắt đầu tập trung từ sáng tại khu phức hợp Shiwatsel Phodrang ở ngoại ô Leh để dự lễ.

Đức Đạt lai Lạt ma tham dự các lễ cầu nguyện và ngài đã ban phước cho mọi người. Ngài sẽ lưu trú tại Shiwatsel Phodrang cho đến ngày 30-7.

Trong chuyến thăm của mình, Đức Đạt lai Lạt ma sẽ tham gia các nghi lễ tôn giáo, thực hiện khoá tu thiền và thuyết giảng tại Tu viện Diskit ở Thung lũng Nubra, Padum ở khu Zaskar và khu giảng dạy Shiwarsel tại Leh.

(Firstpost - July 6, 2017)

ÚC ĐẠI LỢI: Chùa Nam Thiên tổ chức lễ kỷ niệm sự giác ngộ của Quán Thế Âm Bồ Tát

Tại vùng Illawarra của bang New South Wales, Phật tử sẽ tổ chức một buổi lễ để đánh dấu sự giác ngộ của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Sư cô Maio You, ni trưởng của chùa Nam Thiên tại Wol-longong, nói Quán Thế Âm là một biểu tượng của vị bồ tát từ bi, “Đức Quán Thế Âm là đấng giác ngộ nghe thấu những âm thanh hoặc tiếng khóc của chúng sinh”.

“Nếu không có Đức Quán Thế Âm, tiếng khóc của Phật tử sẽ không được nghe thấy, và những đau khổ của họ sẽ không được cứu độ”.

“Đây là một ngày quan trọng đối với Phật tử”.

Chùa Nam Thiên thờ Bồ Tát Quán Thế Âm, là nơi buổi lễ sẽ được tổ chức vào Chủ nhật, 9-7-2017.

(abc.net.au – July 7, 2017)



Sư cô Maio You, ni trưởng của chùa Nam Thiên tại Wollongong, Úc Đại Lợi
Photo: ABC Illawarra

HOA KỲ: Hội Phật giáo Từ Tế Hoa Kỳ công bố chương trình lưu diễn nghệ thuật từ thiện Nghìn Bàn tay Cứu giúp 2017

Hội Phật giáo Từ Tế Hoa Kỳ công bố chương trình lưu diễn từ thiện Nghìn Bàn tay Cứu giúp 2017 của Đoàn Nghệ sĩ Khuyết tật Trung Quốc (CDPPAT), bắt đầu vào ngày 9-9 và kết thúc vào ngày 1-10, với tổng cộng 7 show diễn trên khắp Texas và California.

Sự chung sức của Từ Tế Hoa Kỳ cùng với CDPPAT có tính tượng trưng và có ý nghĩa sâu sắc. Thông qua chuyến lưu diễn này, Hội Từ Tế Hoa Kỳ hy vọng sẽ truyền cảm hứng và động viên mọi người cùng tham gia giúp đỡ những người kém may mắn và ít được phục vụ.

Từng trình diễn tại Đại hội Thể thao Người khuyết tật Thế giới và được UNESCO mệnh



ƯỚC MƠ

(Một thoáng xúc cảm vào dịp lễ Vu Lan, kính dâng Cha Mẹ)

«Tất cả đều trở về nguồn, tương tự như một người con quay về với mẹ.» (Thiền sư Sekito Kisen)

Mong sao chớ hóa thành mây,
Lang thang mây nẻo đường bay cuối trời.
Chỉ mơ hóa kiếp con người,
Ngả vào tay mẹ thưở ngày ấu thơ.
Lớn khôn biết tự bao giờ?
Cho tôi thấp nén hương hờ mộ cha.
Ước mơ làm một nụ hoa,
Thương sâu, thương lá nở ra tình người,
Tỏa hương gọi bướm, quện mây.
Ô kìa, nở rộ nụ này trong tôi!

HOANG PHONG

Saint Génies de Malgoirès
(một ngôi làng nhỏ miền nam nước Pháp)

đanh là Nghệ sĩ vì Hòa bình UNESCO, CDPPAT gồm những nghệ sĩ tài năng bị khiếm thị, khiếm thính hoặc suy yếu thể chất đã trình diễn tại 91 quốc gia.

(PRNewswire – July 7, 2017)

Poster của chương trình lưu diễn nghệ thuật từ thiện Nghìn Bàn tay Cứu giúp 2017
Photo: tzuchi.us



Tzu Chi USA presents

THOUSANDS OF HELPING HANDS

Sept-Oct 2017 Charity Art Performance

www.thh2017.us



Ý NGHĨA LỄ VU LAN

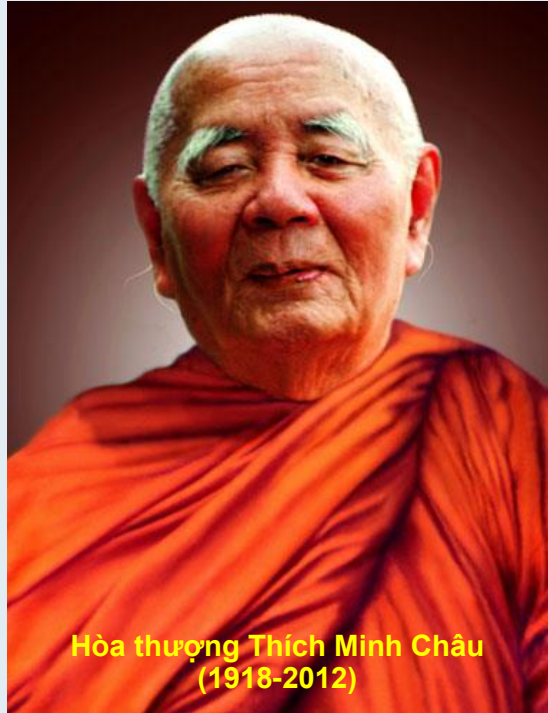
HT. Thích Minh Châu

Mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy Âm lịch, toàn thể Phật tử Việt Nam chúng ta và Phật tử khắp năm châu đều tổ chức long trọng lễ Vu Lan, cúng dường Phật và chúng Tăng, dựa vào uy lực và Giới đức của đức Phật và chúng Tăng, cầu nguyện cho cha mẹ đang còn sống được an lạc và cha mẹ đã quá cố được siêu thăng cõi Tịnh Độ.

Vu Lan là gọi tắt, nếu nói đầy đủ là Vu Lan Bồn. Vu Lan Bồn là cứu tội bị treo ngược, từ Sanskrit là Ulambana, hay là Avalamba nghĩa là "treo ngược." Có tác giả nói từ Bồn là từ Trung Quốc nghĩa là chậu, nghĩa là chậu đựng các thứ cúng dường đức Phật và chư Tăng.

Tôn giả Mục Kiền Liên là một đệ tử lớn của đức Phật, và được suy tôn là bậc thần thông đệ nhất. Sau khi chứng quả A la hán, Ngài dùng thiên nhãn quan sát khắp các cõi sống thì thấy mẹ mình đang bị nạn đói khát dày vò trong cõi sống quý đói. Tôn giả bèn cầm bát cơm xuống cõi quý đói đưa cho mẹ. Mẹ cầm lấy bát cơm đưa vào miệng, thì cơm hóa thành than hồng cháy đỏ không tài nào ăn được. Tôn giả Mục Kiền Liên không biết làm sao được, bèn trở về xin Phật ra tay cứu giúp. Đức Phật nói: "Mẹ ông bao nhiêu đời sống xan tham keo kiệt, nên phải chịu khổ báo là quý đói, một mình ông không thể cứu nổi mẹ đâu. Phải nhân ngày rằm tháng bảy tổ chức cúng dường đức Phật và chúng Thánh Tăng mười phương nhờ vào sức mạnh chú nguyện của đức Phật và chúng Tăng mười phương thì mẹ ông mới có thể siêu thoát được."

Tôn giả Mục Kiền Liên vâng lời đức Phật dạy, đến ngày rằm tháng bảy là ngày tự tử ra hạ của chư Tăng, đem thức ăn, đèn, sáp, hương hoa... đặt vào chậu lớn, cúng dường trai Tăng. Bà mẹ của Tôn giả Mục Kiền Liên nương nhờ vào uy lực của Giới đức và phước đức của chư Tăng mười phương, và cũng nương nhờ



Hòa thượng Thích Minh Châu
(1918-2012)

vào công đức bố thí và lòng chí thành của Tôn giả Mục Kiền Liên, mà sớm thoát khỏi nỗi khổ của quý đói, nỗi khổ ví như nỗi khổ của người bị treo ngược, siêu thăng lên các cõi lành. Nhân đó, đức Phật Thích Ca có lời dạy Tôn giả Mục Kiền Liên rằng: "Làm người đệ tử Phật có đức hiếu thuận, phải thường xuyên ghi lòng tạc dạ công ơn cha mẹ đời này cho đến cha mẹ bảy đời. Mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, hãy nên làm lễ Vu Lan Bồn, cúng dường đức Phật và chúng Tăng, để báo ơn sanh thành nuôi dưỡng của cha mẹ, cầu cho cha mẹ sống lâu trăm tuổi và sau khi mạng chung được sanh vào các cõi lành."

Kinh Vu Lan Bồn chủ yếu được lưu hành rộng rãi ở các nước Phật giáo Á Châu, là nơi có truyền thống hiếu kính cha mẹ và thờ phụng tổ tiên rất sâu đậm. Ngày lễ Vu Lan được nhân dân các xứ này tổ chức như một lễ lớn trong năm và trong cả nước, ngày lễ báo ơn báo hiếu đối với cha mẹ, ông bà, sư trưởng, cũng như đối với tất cả những người xứng đáng được tri ân, nhưng trước hết là công ơn cha mẹ và ông bà cho tội bảy đời.

Ở Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và nhiều nước khác ở Đông Nam Á, ngày lễ Vu Lan được quần chúng hưởng ứng rất rộng rãi. Có thể nói là mọi người kể cả những người không theo đạo Phật, những gia đình theo Nho giáo hay theo Lão giáo cũng đều làm lễ Vu Lan, nhân ngày lễ đó tưởng nhớ ông bà, cha mẹ đến bảy đời, công ơn thầy dạy, công ơn quốc gia cũng như công ơn của tất cả chúng sinh.

Trong kinh tạng Pàli của Phật giáo Nguyên thủy, chúng ta có thể đọc được những lời đức Phật dạy về chữ Hiếu thật là đầy đủ, sinh động và cụ thể, những lời mà chỉ có đức Phật là bậc đại trí tuệ mới có thể nói ra được.

"Này các Tỳ kheo, có hai hạng người, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Đó là mẹ và cha. Nếu một bên vai công mẹ, một



bên vai công cha, làm như vậy suốt một trăm năm cho đến khi cha mẹ trăm tuổi. Như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ để trả ơn cho mẹ và cha. Nếu đâm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gôi và dù tại đây, mẹ cha có vãi đại tiện, tiểu tiện, dù như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ để trả ơn mẹ và cha..." (Tăng Chi I, 75).

Các kinh Bắc tông nói về đạo hiếu cũng rất nhiều, ngoài Kinh Vu Lan Bồn ra, có thể kể các kinh khác như: Nhẫn Nhục Kinh, Đại Tập Kinh, Tứ Thập Nhị Chương Kinh... lời lẽ trong các kinh này cũng thống thiết, sinh động như trong các kinh Nguyên thủy vậy. Như Kinh Nhẫn Nhục nói: "Thiên cùng cực, không có gì hơn hiếu; ác cùng cực, không gì hơn bất hiếu." Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Phàm người phụng thờ quý thần, không bằng phụng thờ cha mẹ. Cha mẹ là vị thần tối thượng." Kinh Đại Tập nói: "Nếu ở đời không có Phật thì hãy khéo phụng thờ cha mẹ. Khéo phụng thờ cha mẹ cũng giống như khéo phụng thờ Phật."

Như vậy kinh điển của Phật giáo Nam Tông cũng như Bắc Tông đều nói đến đạo hiếu và rất coi trọng đạo hiếu. Trước đây và hiện nay vẫn còn có một số người chưa hiểu hết giáo lý giải thoát của nhà Phật, cho rằng các vị đi tu không có vợ con nên không có con nối dõi tông đường, họ cho là bất hiếu. Vì họ hiểu sai về lý tưởng xuất gia của đạo Phật. Xuất gia không phải là từ bỏ cha mẹ và người thân. Xuất gia chỉ có nghĩa là từ bỏ danh lợi thế gian, từ bỏ mọi tình cảm hẹp hòi vị kỷ, từ bỏ ba độc tham sân si. Sách Phật thường nói về sự xuất gia và lý xuất gia. Cạo tóc, mặc áo cà sa vào chùa ở chỉ mới là **sự xuất gia**. Từ bỏ được ân ái hẹp hòi, từ bỏ được danh lợi thế gian tầm thường, từ bỏ được mọi tham muốn thấp hèn về ăn uống, tiền tài danh sắc, ngủ nghỉ, từ bỏ được tham sân mới gọi là **lý xuất gia**.

Người tu sĩ sau khi xuất gia, chấp nhận tất cả chúng sinh, tất cả mọi người trong xã hội đều là cha mẹ, anh em, con cái của mình, và thương yêu với một tình thương không phân biệt. Đức Phật Thích Ca được tôn xưng là đấng

NGHIỆP DĨ

Mấy chục năm nay cố tu hành,
Thế nhưng nghiệp quả cứ vây quanh,
On chưa thấy trả, oan đã đến,
Oán vẫn còn nhiều, nghiệp hiện sinh.
Bốn phía ba bề đều thọ địch,
Làng trên xóm dưới chẳng lưu tình.
Tạo nghiệp bao đời nay gắng trả,
Chạy đâu cho khỏi kiếp nhân sinh.

Chọn kiếp nhân sinh có nghiệp rồi,
Tôi ngò tôi nghĩ cái thân tôi,
Tu hành cố gắng cho vui nghiệp,
Bái sám mong sao bớt khổ đời.
Vạch áo xem lưng, rồi cũng thế,
Bới lông tìm vết, chỉ vậy thôi,
Đó ai thay đổi cho tôi được?
Tôi tự sửa tôi, đủ lắm rồi!

Tôi tự sửa tôi kiếp của mình,
Trắng-đen, đen-trắng giữa trời xanh,
Công phu tu niệm xa thói xấu,
Bái sám trì kinh chọn đường lành.
Sớm tối sáu thời cần bái lạy,
Mai chiều ba bữa gắng trì kinh.
Đã làm ra nghiệp lo mà trả,
Kết quả do tu của chính mình.

thơ

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Đình Dậu Quý hạ, July 10, 2017



Từ phụ, tức là cha lành, vì Ngài thương yêu tất cả chúng sinh như con một của mình. Mọi người xuất gia cũng vậy, noi gương đức cha lành, cũng xem mọi người trong xã hội đều như cha mẹ anh em, bà con ruột thịt của mình.

Hơn nữa người xuất gia làm tròn đạo hiếu của mình bằng một cách khác. Tức là bằng cách xây dựng đức tin cho cha mẹ thiếu đức tin, khuyến khích cha mẹ bỏ ác làm lành, khuyến khích cha mẹ bố thí và tu học chánh pháp, đạt tới trí tuệ chơn chánh. Và làm như vậy, theo như lời đức Phật nói, chính là báo hiếu cha mẹ một cách đầy đủ trọn vẹn nhất.

Chữ báo hiếu không có nghĩa cha mẹ làm gì mình cũng tán thành, dù rằng làm ác, làm điều bất thiện. Ngay báo hiếu cũng phải có trí tuệ. Đạo Phật nói đến chữ Nhân và chữ Hiếu như đạo Nho, nhưng với một nội dung rộng lớn hơn nhiều, như có thể thấy qua câu mở đầu toát yếu toàn bộ ý tứ trong tập truyện thơ dân gian "Nam Hải Quan Âm," rất được ưa chuộng của dân chúng Việt Nam:

*"Chơn như đạo Phật rất mầu,
Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân,
Hiếu là độ được song thân,
Nhân là cứu vớt trăm luân muôn loài.*

...
*Trên thời hiếu báo sanh thành,
Dưới thời nhân cứu chúng sinh Ta bà."*

Độ thoát cha mẹ khỏi vòng sống chết luân hồi là cách thức báo hiếu cha mẹ đầy đủ nhất, hoàn hảo nhất, nhưng không phải ai cũng làm được. Bởi vì mình có tu hành chứng quả, độ thoát được mình, mới có thể độ thoát cho cha mẹ được. Đó là việc làm đức Phật bà Quán Âm Diệu Thiện trong truyện *Nam Hải Quan Âm*.

Thế nhưng tất cả chúng ta, dù xuất gia hay tại gia đều có thể trả ơn đầy đủ cho cha mẹ, nếu chúng ta học tập và thực hành theo lời đức Phật dạy trong *Tăng Chi bộ Kinh Tập I* trang 75:

"Những ai đền ơn bằng cách nuôi dưỡng, cúng dường cha mẹ với cải vật chất, tiền bạc thời không bao giờ đủ để trả ơn cha mẹ. Nhưng này các Tỳ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, thì khuyến khích cha mẹ an trú vào lòng tin; đối với cha mẹ theo ác giới, thì khuyến khích hướng dẫn cha mẹ an trú vào thiện giới; đối với cha mẹ xan tham, khuyến khích hướng dẫn cha mẹ an trú vào bố thí; đối với cha mẹ theo ác trí tuệ, thì khuyến khích cha mẹ an trú vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỳ kheo tức là làm đủ và trả ơn đủ cho cha và mẹ."

Những lời dạy đó của đức Phật, tất cả Phật tử chúng ta đều có thể thực hành được.

Chúng ta đều là đệ tử Phật, là con Phật. Chúng ta đều đã thọ Tam quy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nếu cha mẹ chúng ta chưa tin Tam bảo, thì chúng ta khéo léo hướng dẫn, khuyến khích cha mẹ đặt niềm tin ở Tam bảo,

và tiến dần tới Tam quy y. Phép quy y cũng có **sự quy y** và **lý quy y**. Làm lễ quy y Tam bảo mới chỉ là sự quy y. Chúng ta còn phải giảng giải cho cha mẹ rõ thế nào là Phật, Pháp, Tăng và quy y Phật, Pháp, Tăng có lợi ích như thế nào? Nếu cha mẹ có làm những điều ác bất thiện nơi thân hay nơi lời nói như sát, đạo, dâm, nói dối, nói chia rẽ, nói ác, nói lời vô nghĩa, thì chúng ta phải khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, khuyến khích cha mẹ phóng sanh, thay vì sát sanh; bố thí thay vì lấy của không cho; sống chánh hạnh thay vì tà hạnh; nói lời thật thay vì nói dối; nói lời đoàn kết thay vì nói chia rẽ; nói lời dịu hiền thay vì nói ác độc; nói lời có ý nghĩa thay vì nói vô nghĩa... Những lời dạy của đức Phật, mặc dù nói ra cách đây hơn hai ngàn rưỡi năm, nhưng vẫn mang tính thời sự nóng bỏng đối với xã hội chúng ta hiện nay. Những lời nói đó xứng đáng là khuôn vàng thước ngọc cho đời sống chúng ta, cho mọi cung cách ứng xử của chúng ta trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Tất cả chúng ta hãy sống theo lời dạy của đức Phật, tức khắc chúng ta sẽ được an lạc và hạnh phúc. Nếu làm ngược lại, chúng ta sẽ bất hạnh và đau khổ.

Vì lợi lạc của mọi người, của số đông, chúng ta hãy phổ biến rộng rãi những lời dạy vàng ngọc đó của đức Phật. Mỗi chúng ta, chứ không gì riêng Tăng sĩ, đều phải nói pháp, khéo nói pháp, có như vậy bánh xe pháp mới thường chuyển, ngọn đèn pháp mới ngày đêm sáng tỏ.

Đức Phật đã từng dạy rằng: *"Trong tất cả hình thức bố thí, thì bố thí pháp là đệ nhất."*

Cho nên tất cả chúng ta phải học nói pháp, biết nói pháp, khéo nói pháp. Đừng nên nghĩ rằng nói pháp phải là đăng đàn thuyết pháp, nói hai ba giờ liền và dẫn chứng nhiều kinh điển mới là thuyết pháp. Trong *Kinh Pháp Cú*, đức Phật đã từng răn dạy rằng: *"Nói trăm ngàn lời cũng không bằng nói một lời làm cho tâm người nghe được an tịnh."*

Học pháp là học những lời đức Phật dạy để biết rõ đâu là thiện, đâu là bất thiện; đâu là gốc rễ của thiện, của bất thiện. Không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham, không sân, có chánh kiến là thiện. Ngược lại là bất thiện. Tham sân si là gốc rễ của bất thiện. Ngược lại là thiện. Học rồi đem sở học ấy áp dụng vào nếp sống hàng ngày của chính mình và khuyến khích người khác áp dụng thì gọi là hành pháp.

Học pháp và hành pháp là nếp sống tu học song đôi của người Phật tử. Nếp sống ấy vừa phù hợp với đạo lý tu nhân tích đức của người Việt Nam, vừa nói lên ý nghĩa đúng đắn của một người con Phật biết sống vì mình vì người. Đó là cách báo hiếu báo ân tốt đẹp nhất của mỗi người Phật tử chúng ta.

(Bài thuyết giảng Đại Lễ Vu Lan PL. 2540)

SỰ HIỂU LẦM VỀ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO

HT. Thích Thắng Hoan

MỤC LỤC:
 I.- VÀO ĐỀ
 II.- VẤN ĐỀ VÔ NGÃ
 III.- NHẬN THỨC THUYẾT TỰ NGÃ
 a, Thuyết Nhân Quả Luân Hồi
 b, Giá Trị Thuyết Vô Ngã
 c, Nguyên Nhân Có Tự Ngã
 IV.- TỰ NGÃ QUAN HỆ LUÂN HỒI
 a, Tự Ngã Luân Hồi Theo Luật Nhân Quả
 b, Điều Kiện Biến Tướng Của Tự Ngã
 V.- TÓM LẠI

(Kỳ 1)

I.- VÀO ĐỀ:

Vấn đề Vô Ngã của Phật Giáo có sự hiểu lầm rất lớn. Một số người tin tưởng thuyết Atman (linh hồn) của Bà La Môn Giáo và thuyết Pudgala (tự ngã) của Độc Tử Bộ (Vatsiputriya) mà cho rằng con người phải có một Tự Ngã (Linh Hồn) thật thể tồn tại bất biến, nghĩa là Tự Ngã đây phải là hình tướng con người và Tự Ngã đó sau khi xả bỏ thân mạng luân hồi đến đâu như lên các cõi Trời để hưởng phước báo cũng vẫn là hình tướng con người, nếu đọa xuống Địa Ngục chịu quả khổ cũng vẫn là hình tướng con người. Tự Ngã theo họ không có hình tướng nào khác thay thế ngoài hình tướng con người. Sự hiểu lầm này được thấy như sau:

Theo quan niệm của Bà La Môn trong mỗi con người có một Atman (linh hồn) thuộc về Tự Ngã thật thể tồn tại bất diệt, Tự Ngã làm chủ trung tâm, có năng lực chi phối tất cả và sau khi lìa thể xác thì trở về quy thuộc Brahman (Đại Ngã) của vũ trụ. Quan niệm này được thấy trong các tư tưởng triết học Ấn Độ ghi lại, điển hình như trong quyển *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ* của Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, trang 22 có ghi: "*Atman thuộc về phương diện tâm lý thì linh hồn bất diệt, nghĩa là Atman khi lìa thể xác thì linh hồn được quy thuộc về Brahman.*"



Điều đáng quan tâm hơn, ý nghĩa và giá trị về Atman đã được triết học gia Upanishad giải thích rõ ràng trong quyển *Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ* của tác giả Wille Durant qua sự Việt dịch của Nguyễn Hiến Lê, trang 77 trình bày: "*Người ta nhận bản thể cái "Ngã" của ta không phải là thể chất, không phải là tinh thần, cũng không phải là cái ngã cá nhân, nhưng là cái gì sâu thẳm thẳm, vô hình vô thanh ở trong nội tâm ta, cái đó là Atman.*"

Sự khác biệt giữa Atman và Brahman cũng được triết học gia Upanishad phân loại khác nhau và đã giải thích trong quyển *Văn Minh Ấn Độ* cùng một tác giả nói trên, trang 79 cho rằng: Atman là bản thể của con người, và Brahman là bản thể của thể giới.

Ngoài ra nên chú ý thêm, danh xưng Brahman khác với danh xưng Brahma, danh xưng Brahman (Đại Ngã) là chỉ cho linh hồn của vũ trụ; còn danh xưng Brahma là chỉ cho Phạm Thiên, một trong ba vị Thần tối cao của Ấn Độ (Brahma, Vichnou, Shiva).

Chẳng những thế theo quan niệm của Độc Tử Bộ cho rằng: Nếu không có Pudgala (Tự Ngã) thật thể tồn tại thì ai chủ trì tư duy, tình cảm, nhận lấy nhân quả luân hồi thiện ác, v.v... Sự nghi vấn này được thấy trong quyển *Vô Ngã và Luân Hồi* của tác giả Hoàn Tuấn Oai, Thượng Toạ Thích Hạnh Bình Việt dịch, trang 43 ghi rằng: "*Vì giả như phủ định tự ngã làm 'Chủ Thể' cho sanh mạng, thế thì giải thích như thế nào các vấn đề của nhân loại như: Trí nhớ, liên tưởng, tình cảm, tập quán, nhân cách và sự luân hồi?*"

Cụ thể hơn nữa sự hiểu lầm này được thể hiện rõ nét qua quyển sách "*Vô Ngã và Luân Hồi*" của tác giả Hoàn Tuấn Oai qua dịch giả Thích Hạnh Bình mà hai vị dường như cố ý đưa nghi vấn mình lên trong một đoạn văn cô đọng và đã được in ở phía sau bìa quyển sách. Đoạn văn nghi vấn đó như sau: "*Nếu từ Anàtman (Pàli: anattà) dịch là 'Vô Ngã,' không có tự ngã, phải chăng điều đó đồng nghĩa người tạo nhân*"

và kẻ thọ quả không phải là một? Thế thì Phật giáo giải thích như thế nào về thuyết nhân quả luân hồi?"

Sự hiểu lầm nói trên nếu như không giải toả thì trở ngại rất lớn cho thuyết nhân quả, luân hồi đối với tư tưởng Vô Ngã Luận của Phật Giáo chủ trương và còn khiến niềm tin đối với một chủ thuyết, một tín ngưỡng của một tôn giáo dễ bị lung lạc, nghĩa là tin tưởng thuyết Tự Ngã tồn tại bất diệt thì thuyết nhân quả và luân hồi của Phật Giáo không còn giá trị. Tại sao thế?

II.- VẤN ĐỀ VÔ NGÃ:

Vấn đề Vô Ngã là một trong những tư tưởng căn bản của Phật Giáo chủ trương, tất cả kinh điển Phật Giáo từ nguyên thủy, tiểu thừa cho đến đại thừa đều giải thích sâu rộng tư tưởng Vô Ngã một cách cụ thể tinh tường thấu triệt và tư tưởng này phần lớn người học Phật, nhất là người tu sĩ là giới lãnh đạo tinh thần của một tôn giáo, ai cũng đều thông suốt qua; tất cả hữu tình khác cũng đều giống như thế. Vấn đề tư tưởng Vô Ngã được thấy trong Tam Pháp Ấn mà chính đức Phật giảng giải đầu tiên đã được ghi rõ trong Kinh A Hàm là "Chư Pháp Vô Ngã" (Tam Pháp Ấn gồm có: Chư Hành Vô Thường, Chư Pháp Vô Ngã, Hữu Lộ Giai Khổ). Vô Ngã Ấn trong Tam Pháp Ấn được chia làm hai phần: Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã. Nhân Vô Ngã, nhân là con người, theo như đức Phật giảng dạy con người đều do Ngũ Uẩn giả hợp tạo thành; nếu như tách rời Ngũ Uẩn riêng rẽ từng phần một thì không tìm thấy được Tự Ngã của con người. Về sau Phật Giáo phát triển lại chủ trương thuyết Nhân Không Pháp Hữu nghĩa là nhân vô ngã mà pháp thì lại hữu ngã. Theo Hữu Bộ:

Sở dĩ Ngã Chấp tồn tại là do nương vào các pháp của Sắc và Tâm, muốn phá ngã chấp phải tu pháp quán tưởng, phân tích các pháp của sắc tâm, giác ngộ được tất cả pháp đều do nhân duyên hoà hợp, sát na sanh diệt, biến hoá vô thường, đều là vô ngã. Còn Pháp Hữu, nghĩa là Thể Tánh của các pháp không có sanh diệt, vẫn tồn tại trong ba đời, cũng như làn sóng thì có sanh diệt biến hoá, nhưng thể tánh của nước thì hằng hữu, không thay đổi.

Thuyết này được thấy trong Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ gọi là "Ngã Không Pháp Hữu" (*Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ* của Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm, trang 110).

Tiến xa hơn nữa Phật Giáo Đại Thừa chủ trương "Ngã Pháp Câu Không Luận," nghĩa là luận về Ngã Không và Pháp Không. Theo Đại Thừa Bát Nhã, Ngã đã là không vì chúng do ngũ uẩn hợp thành và pháp cũng là không vì chúng do nhân duyên kết hợp. Ở đây Tư tưởng Vô Ngã không cần phải khai thác chi tiết sâu rộng thêm dư thừa mà nó không phải chủ đích chính của vấn đề bàn đến với đề tài là "Sự Hiểu Lầm Vô Ngã Của Phật Giáo."

III.- NHÂN THỨC THUYẾT TỰ NGÃ:

Trước khi lý giải thuyết Tự Ngã, chúng ta hãy cần duyệt qua thuyết nhân quả và luân hồi của Phật Giáo chủ trương để so sánh giá trị tương phản của thuyết Tự Ngã tồn tại bất diệt mà một số người đã hiểu lầm thuyết Vô Ngã của Phật Giáo.

a, Thuyết Nhân Quả Luân Hồi:

Nhân quả và luân hồi là hai học thuyết căn bản của Phật Giáo thuyết minh nhằm phủ nhận thuyết Thiên Mệnh của ngoại đạo, bao nhiêu tư tưởng của Phật Giáo từ Phật Giáo Nguyên Thủy cho đến Phật Giáo Đại Thừa tất cả đều xây dựng và phát huy trên nền tảng thuyết nhân quả và luân hồi làm nòng cốt. Ba Tạng Kinh Luận của Phật Giáo mặc dù đã khai triển nhiều hình thức dưới mọi khía cạnh nhưng tư tưởng cũng không ra ngoài nền tảng nhân quả và luân hồi làm chủ đích. Những tư tưởng nào nếu như xây dựng ra ngoài hai chủ thuyết này đều thuộc về học thuyết của ngoại đạo và chúng hoàn toàn không phải chủ trương của Phật Giáo. Hiện nay thuyết nhân quả và luân hồi của Phật Giáo đã ăn sâu lâu đời vào tâm hồn người dân Việt Nam trở thành văn hoá nhân gian mà ai cũng đều biết và cũng đều thấm nhuần vào trong huyết quản trở thành nếp sống dân gian muôn đời bất diệt. Thuyết nhân quả và luân hồi theo *Phật Học Phổ Thông Khoá II* của Hoà Thượng Thích Thiện Hoa, trang 63 có ghi:

Luân Hồi theo luật Nhân Quả qua sáu cõi:

1.- Tọa nhân sân hận độc ác... phải luân hồi vào địa ngục...

2.- Tọa nhân tham lam, bòn sẻn... mưu sâu kế độc cướp đoạt của người... phải luân hồi làm ngạ quỷ.

3.- Tọa nhân si mê, sa đoạ thất tình, lục dục, tửu sắc, tài khí, không xét hay dở, tốt xấu, chết rồi, luân hồi làm súc sanh.

4.- Gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sai quấy cũng không tránh, vừa cang trực, mà cũng vừa độc ác... tánh tình hung hăng, nóng nảy..... tà kiến, si mê, tin theo tà giáo. Tọa nhân như vậy, kết quả sẽ luân hồi làm A Tu La.

5.- Tu nhân ngũ giới... thì đời sau trở lại làm người, cao quý hơn muôn vật.

6.- Bỏ mười điều ác tu chơn thập thiện... thì sau khi chết, được sanh lên cõi Trời. Nhưng nên nhớ cõi trời này cũng còn ở trong vòng phàm tục, chịu cảnh sanh tử, luân hồi.

Xin xem lại *Phật Học Phổ Thông Khoá II* sẽ rõ. Ở đây chúng ta chỉ chú ý:

Đứng trên lãnh vực con người làm trung tâm nhận thức, giả sử Tự Ngã con người tồn tại bất diệt thì con người đó khi còn sanh tiền đã gây tạo những nhân tội ác như giết hại sanh mạng thú vật, sau khi xả bỏ thân mạng vẫn giữ hình tướng con người không đọa vào thân tướng của một súc sanh có nhiều chân để trả quả. Nếu quả đúng như thế thì thuyết nhân quả và luân hồi không còn giá trị đối với họ. Có thể khẳng định rằng, chúng ta chấp nhận thu-



yết nhân quả luân hồi là chân thật bất biến thì không thể chấp nhận thuyết Tự Ngã con người là tồn tại bất diệt.

b, Giá Trị Thuuyết Vô Ngã:

1- Giá Trị Vô Ngã Xuyên Qua Ngũ Uẩn:

Như trước đã bàn qua, Ngũ Uẩn là năm yếu tố căn bản mang tánh chất ô nhiễm cùng nhau kết hợp tạo thành sanh mạng chẳng những con người và cả sanh mạng các chúng sanh hữu tình; con người và các chúng sanh hữu tình không thể thiếu mặt năm yếu tố này để được góp mặt trong thế gian. Ngũ Uẩn gồm có: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, chúng ta hãy quán chiếu để nhận thức được giá trị vô ngã của Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn theo *Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức*, cùng một tác giả, trang 46, giải thích:

1, Sắc Uẩn: nghĩa là yếu tố ô nhiễm về sắc chất... Sắc Uẩn thuộc loại sắc chất và bao gồm cả Đất, Nước, Gió, Lửa. Nhân sắc chất tức là chỉ cho năng lực của đất, nước, gió, lửa... sống riêng biệt với nhau; quả sắc chất là chỉ cho đất, nước, gió, lửa kết hợp lẫn nhau để làm nguyên liệu cho việc kiến tạo thân thể của vạn pháp...

Đúng thế nói đến Sắc Uẩn là một sắc chất hiện hữu trong đó bao hàm bốn năng lượng nguyên chất cùng nhau hợp tác kết thành; bốn năng lượng nguyên chất gồm có: đất, nước, gió, lửa gọi chung là tứ đại. Một mình năng lượng đất tự nó không thể thành Sắc Uẩn, nếu

như không có năng lượng nước, năng lượng gió, năng lượng lửa đóng góp; nước, gió và lửa cũng thế, nghĩa là riêng tự một năng lượng không thể tác dụng độc lập để sanh khởi. Thí dụ một tờ giấy trắng là một sắc chất, trong đó gồm có bốn năng lượng đất, nước, gió và lửa góp mặt. Chúng ta đem tờ giấy trắng này đi đốt cháy thì lúc đó năng lượng nước (H₂O) trong tờ giấy liền bay đi chỉ còn lại thuần túy chất đất độc lập đó chính là chất than (carbon) đã chết để trở thành tro bụi; tiếp đến chúng ta giả sử đem tờ giấy này cọ sát với nhau thì lập tức năng lượng lửa trong tờ giấy xuất hiện ngay; hơn nữa tờ giấy trắng nói trên nhờ năng lượng gió chuyển hoá được ba năng lượng đất, nước và lửa hoà hợp cùng nhau hình thành một tờ giấy để sử dụng. Đây là hiện tượng mà các nhà khoa học đã thí nghiệm được.

Hãy quán chiếu sâu thêm nữa để nhận thức giá trị vô ngã của đất, nước, gió, lửa, *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I, về đề mục Tứ Đại, cùng một tác giả, trang 169 giải thích như sau:

a/- Đất là năng lực hiện có mặt và tồn tại trong phạm trù nguồn năng lượng Địa Đại ở trạng thái vô tướng nhằm duy trì tánh chất rắn chắc của đất không bị biến hoại để ngăn ngại vạn vật.

b/- Nước là năng lực hiện có mặt và tồn tại trong phạm trù nguồn năng lượng Thủy Đại ở trạng thái vô tướng nhằm duy trì tánh chất ướt của nước không bị biến hoại để dung hoá và tưới nhuận vạn vật.

c/- Gió là năng lực hiện có mặt và tồn tại trong phạm trù nguồn năng lượng Phong Đại ở trạng thái vô tướng nhằm duy trì tánh chất phiêu động của gió không bị biến hoại để chuyển hoá vạn vật.

d/- Lửa là năng lực hiện có mặt và tồn tại trong phạm trù nguồn năng lượng Hoả Đại ở trạng thái vô tướng nhằm duy trì tánh chất viêm nhiệt của lửa không bị biến hoại để dưỡng sinh vạn vật.

Bao nhiêu dữ kiện trên cũng nói lên được rằng Sắc Uẩn chính là do đất, nước, gió, lửa cùng nhau hợp thành và nó hoàn toàn không có Tự Ngã tồn tại bất diệt, cho nên xác định rằng Sắc Uẩn là vô ngã.

2, Thọ Uẩn: nghĩa là yếu tố ô nhiễm về cảm thọ. Danh từ cảm thọ dùng để chỉ cho sự hành động của một nguyên nhân, như cảm thọ về phương diện khổ, cảm thọ về phương diện vui và cảm thọ về phương diện không khổ không vui. Còn nguyên nhân tác dụng để cảm thọ, chính là Ý Thức thứ sáu, một yếu tố trong ngũ uẩn... Trường hợp người bị chụp thuốc mê... không cho Ý Thức sanh hoạt, cho nên họ không có cảm thọ không có cảm thọ khổ vui như thế nào.

Hơn nữa theo Duy Thức Học, Ý Thức thứ sáu chỉ là thành phần năng lượng tác dụng sinh hoạt nhận thức với danh nghĩa là Kiến Phần mà chính nó không phải bản ngã thật sự và nó khi

sinh hoạt cũng phải quan hệ với Kiến Phần năng lượng của năm Tâm Thức trước (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức) để có nhận thức, bằng ngược lại năm Tâm Thức trước nếu không hỗ trợ thì lúc đó Ý Thức thứ sáu hoàn toàn không có nhận thức. Qua những dữ kiện vừa trình bày có thể xác định rằng Thọ Uẩn là vô ngã.

3, Tướng Uẩn: nghĩa là yếu tố ô nhiễm về ý tưởng. Ý Tướng là tư tưởng của Tâm Ý và Tâm Ý ở đây tức là chỉ cho Tâm Thức Mạt Na (Manas) thứ bảy. Chữ Mạt Na nghĩa là Ý. Nói cách khác Tâm Thức Mạt na thứ bảy là yếu tố ô nhiễm về tư tưởng, nên gọi là Ý Tướng. Ý Tướng thì luôn luôn sinh hoạt những sự việc không có đối tượng, còn Ý Thức thứ sáu thì hiểu biết những sự việc cần có đối tượng. Ví dụ như những người chưa biết nước Mỹ thì tưởng tượng (ý tưởng) cho rằng người dân nước Mỹ rất sung sướng. Nhưng họ một khi được sống trong nước Mỹ thì ý tưởng xưa kia của họ trở nên sai lầm. Nguyên do họ đã ý thức được sự thật về nước Mỹ.

Tâm Thức Mạt Na thứ bảy chỉ là thành phần năng lượng tác dụng tưởng tượng để chấp trước và tự nó không phải bản ngã thật sự vì thế có thể xác định rằng Tướng Uẩn là vô ngã.

4, Hành Uẩn: nghĩa là yếu tố ô nhiễm về hành động tạo tác. Nghiệp Lực chính là yếu tố hành động tạo tác về ô nhiễm, cho nên Nghiệp được dịch là hành động tạo tác.. như Nghiệp Sân Hận không có hình tướng và chỉ biết nó qua cử chỉ của con người. Con người hành động hoặc nói năng theo sự thúc đẩy và lời cuốn của nghiệp sân hận. Hành Uẩn đây là danh từ chỉ cho nghiệp lực.

Với ý nghĩa trên, Hành Uẩn chính là Nghiệp Lực, tự nó chỉ có năng lực để thúc đẩy hành động nói năng gây nghiệp mà không có hình tướng bản ngã thật sự cho nên cũng xác định rằng Hành Uẩn là vô ngã.

5, Thức Uẩn: nghĩa là yếu tố ô nhiễm về sự hiểu biết... Danh từ Thức Uẩn chính thực là chỉ cho Tâm Thức A Lại Da thứ tám. Tâm Thức A Lại Da thứ tám mới đúng nghĩa thuộc loại tâm thức hiểu biết, vì tâm thức này có khả năng xây dựng hệ thống bộ máy vô cùng phức tạp và tinh vi trong cơ thể của tất cả chúng sanh. Điều đó chứng tỏ trình độ hiểu biết của Tâm Thức A Lại Da thứ tám thật vô cùng siêu đẳng và ngoài Tâm Thức đây ra không còn ai có khả năng hơn trong việc kiến tạo hệ thống bộ máy vạn pháp.

Tâm Thức A Lại Da thứ tám trong con người phải chăng có bản ngã thật sự hay là vô ngã?

Theo Duy Thức Học, Tự Ngã của con người tức là Kiến Phần của Thức Thể A Lại Da thứ tám mang tên là Thức Di Thức thuộc loại tâm thức tác dụng biến hoá không ngừng. Kiến Phần Thức A Lại Da khi tác dụng chun vào nghiệp tướng con người liền biến thành Ngã

Tướng của con người trong loài người, chun vào nghiệp tướng súc sanh liền biến thành Ngã Tướng của súc sanh trong cõi bàng sanh, chun vào nghiệp tướng địa ngục liền biến thành Ngã Tướng của chúng sanh trong cõi địa ngục, chun vào nghiệp tướng ngạ quỷ liền biến thành Ngã Tướng của ngạ quỷ trong loài ngạ quỷ, v.v... Trường hợp này cũng tương tự như năng lượng điện nơi trung tâm biến điện của thành phố, năng lượng điện phân phối dòng điện chạy vào bóng đèn liền biến thành điện của bóng đèn có bốn phận chiếu soi ánh sáng, dòng điện chạy vào quạt máy liền biến thành điện của quạt máy có bốn phận điều khiển quạt máy tác dụng quạt gió, dòng điện chạy vào máy chiếu hình liền biến thành điện chiếu hình có bốn phận đem hình ảnh trong DVD chiếu trên màn ảnh, dòng điện chạy vào máy phát thanh liền biến thành điện phát thanh có bốn phận mang tiếng người này phát ra cho người kia được nghe, v.v...

Đứng trên lãnh vực bản thể để nhận thức, Thức Thể A Lại Da thứ tám với hình thức là khối năng nượng khổng lồ không có hình tướng (vô ngã tướng) và có mặt khắp không gian mà Duy Thức Học cũng như các kinh luận khác gọi là "Thức Vô Biên Xứ." Hiện tượng năng lượng của Thức Thể này cũng giống như hiện tượng năng lượng của điện không gian và muốn nhận dạng năng lượng của nó dễ dàng, chúng ta thử đem hiện tượng năng lượng dòng điện nơi trung tâm biến điện của thành phố để thí dụ.

Thức Thể A Lại Da đã là hiện tượng năng lượng và hoàn toàn không có hình tướng Bản Ngã thì Kiến Phần Thức A Lại Da trong con người, trong súc sanh, v.v... đã được phát sanh từ Thức Thể A Lại Da nói trên cũng chỉ là năng lượng và hoàn toàn không có hình tướng Bản Ngã thật, vì thế có thể xác định rằng Thức Uẩn cũng là vô ngã.

Từ bản chất vô ngã của Ngũ Uẩn đã được giải thích tường tận ở trên cho chúng ta có sự nhận thức cụ thể rằng, con người do ngũ uẩn giả hợp tạo thành thì chính con người hoàn toàn thuộc loại vô ngã.

(còn tiếp)



VẤN ĐỀ PHỤC VỤ

NS. Thích Nữ Trí Hải

Bàn đến vấn đề phục vụ, có hai quan điểm rõ rệt tương phản: quan điểm phong kiến và quan điểm dân chủ. Quan điểm phong kiến cho rằng có những người, những giai cấp sinh ra để được phục dịch, và những người, giai cấp sinh ra để phục dịch người khác, giai cấp khác. Như chủ trương của bà la môn giáo ngày xưa, theo đó xã hội Ấn độ có 4 giai cấp trên hết là Bà la môn, tức giai cấp giáo sĩ lãnh đạo tinh thần, thì phải được cả ba giai cấp dưới phục vụ. Kế đó là Sát đế lợi, tức giai cấp chiến sĩ, coi việc chính trị, hành chánh, quân sự trong nước. Giai cấp này phải được hai giai cấp dưới phụng sự, và nếu có làm việc phục dịch thì chỉ phục dịch cho người đồng giai cấp Sát đế lợi hoặc cho người bà la môn mà thôi. Giai cấp thứ ba là Phệ xá, là những người buôn bán, sống về nghề thương mại mậu dịch. Giai cấp này phải phục vụ hai giai cấp trên, và chỉ được quyền sai sử người đồng giai cấp hoặc dưới. Giai cấp thứ tư là Thủ đà la, tức giai cấp thợ thuyền lao động, giai cấp này phải phục vụ cả ba giai cấp trên, và nếu giàu có thì chỉ được quyền thuê mướn người cùng giai cấp phục vụ cho mình, tuyệt đối không mướn được những người thuộc các giai cấp trên.

Quan điểm dân chủ trái lại, cho rằng phục vụ kẻ khác là hạ nhân phẩm, vì mọi người sinh ra đều bình đẳng, không thể bắt buộc người này phục vụ người khác. Không thể đem tiền bạc mua sức lao động của người.

Quan niệm phong kiến của bà la môn giáo dĩ nhiên chỉ có giai cấp bà la môn chấp nhận. Khi một người bà la môn đi đến Phật để trình bày quan điểm ấy, đức Thế Tôn đã hỏi lại một câu lý thú: "Những người trong các giai cấp Sát đế lợi, Phệ xá, Thủ đà la có hoan hỉ chấp nhận quan điểm ấy không?"

Quan điểm dân chủ cũng vậy, nghe qua rất đẹp, nhưng trên thực tế nó không làm cho hai hạng người hoan hỉ: hạng thứ nhất có tiền nhưng kém sức khỏe. Hạng thứ hai là người có sức khỏe nhưng thiếu tiền. Đặc biệt hạng này sẽ không ngu ngốc ôm giữ một cái hư danh hão để ngồi mà chết đói. Và lại đã chắc gì phục vụ kẻ khác là mất nhân phẩm đâu. Chúng ta quen gán ghép hai khái niệm đó với nhau, như con chó của Pavlov quen liền kết tiếng chuông

với miếng thịt! Còn tùy thái độ người phục vụ và thái độ người được phục vụ. Phục vụ một cái máy, với phục vụ cho một con người, bên nào hơn? Có lẽ giúp đỡ cho một con người nghe ra hợp lý hơn.

Nhưng đã nói, không quan điểm nào trong hai quan điểm trên về phục vụ là tuyệt đối đúng. Thái độ đức Phật về vấn đề này như thế nào? Ta hãy lắng nghe Ngài trả lời cho Bà la môn Jassusoni (?) câu hỏi của ông ta trong Trung bộ kinh I do HT. MC phiên dịch, tóm tắt như sau:

Đức Phật không chủ trương nên phục vụ. Ngài cũng không chủ trương rằng không nên phục vụ. Ngài cũng không chủ trương có hạng người nào nên phục vụ hay hạng người nào không nên phục vụ. Nhưng Ngài dạy rằng một người nên phục vụ một người nào (hay một tổ chức, một giai cấp ...) khi sự phục vụ ấy làm cho người đó trở nên tốt hơn.

- Thế nào là "tốt hơn" theo lời Phật dạy?

Trước hết, "tốt hơn" ở đây không nằm trong ba tiêu chuẩn sau:

Sắc đẹp: không phải do phục vụ, được béo tốt, mỹ miều hơn mà gọi rằng tốt.

Sang trọng, thế lực: không phải do phục vụ, được dựa thế lực người mình phục vụ, trở nên sang trọng mà gọi là "tốt".

Tài lợi: không phải nhờ phục vụ kẻ khác, mình trở nên giàu có sung túc hơn, mà gọi rằng "tốt".

- Vậy thì "tốt hơn" được xét theo tiêu chuẩn nào?

Có 5 tiêu chuẩn sau, mà một người khi phục vụ một người, một nhóm, một cơ quan nào, nên theo đó để tự xét. Sau một thời gian phục vụ, nếu tự xét thấy mình tiến bộ về năm phương diện này, thì như vậy chứng tỏ phục vụ của mình là xứng đáng, nên tiếp tục. Ngược lại thì không.

· **Giới:** Mình có còn giữ được tư cách làm người không? Có vi phạm năm cấm giới, căn bản làm người không?

· **Định:** Có thường giữ được sự định tĩnh, vô úy, không bị thác loạn rối ren không?

· **Tuệ:** Có luôn luôn sáng suốt tự chiếu soi hành vi của mình không?

· **Bố thí:** Có tăng trưởng lòng từ bi, sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác không tiếc tiền của, sức lực không?

· **Đa văn:** Có luôn luôn học được điều mới lạ, mỗi ngày được mở mang trí thức không?

Xét 5 tiêu chuẩn trên, ta thấy rõ đức Phật không nhằm bênh vực một hạng người nào, giai cấp nào, chủ thuyết, tôn giáo nào, khi bàn về vấn đề phục vụ. Ngài hoàn toàn đứng trên căn bản *con người*, và con người trực tiếp bàn ở đây là cá nhân người phục vụ. Đây là một bằng chứng cụ thể về tính *nhân bản* của giáo lý Phật, mặc dù ngài không hề rêu rao như vậy, và giáo lý Ngài cũng không dừng ở mức như vậy.

(trích Bông Nguyệt Lòng Sông)



LỄ ĐỘNG THỔ XÂY CÔNG TAM QUAN CHÙA BÁT NHÃ

BÌNH SA



Trong Lễ Động Thổ



Trong Lễ Động Thổ

Santa Ana (Bình Sa) - - Chùa Bát Nhã tọa lạc tại số 4717 Bolsa Ave Santa Ana do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ Viện Chủ đã tổ chức lễ động thổ xây dựng công Tam Quan Chùa. Buổi lễ diễn ra vào lúc 11 giờ trưa Chủ Nhật, ngày 9 tháng 7 năm 2017, Đây cũng là nơi đặt trụ sở Văn Phòng Thường Trực của Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Tham dự buổi lễ có một số quý Chư Tôn Đức Tăng Ni, các Huynh Trưởng và Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử Bát Nhã, quý vị trong ban kiến thiết, quý đồng hương Phật tử và một số các cơ quan truyền thông.

Trước khi làm lễ động thổ, Hòa Thượng Viện Chủ cùng chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử đã vân tập về Chánh Điện làm lễ niệm hương bạch Phật để cầu nguyện cho Phật sự sớm được viên thành, chúng sanh an lạc.

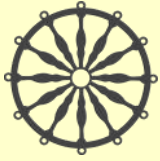
Sau nghi thức niệm hương bạch Phật, Ban Cung Thỉnh, đồng hương Phật tử, các em Gia Đình Phật Tử đã sắp thành hai hàng dài để cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni đến địa điểm làm lễ động thổ, tại đây Hòa Thượng Viện Chủ, chư Tăng, Ni cùng đồng hương Phật tử làm lễ cầu an, sau đó cử hành nghi thức lễ động thổ. Sau nghi thức các vị trong ban kiến thiết đã cho đào đất đặt móng tượng trưng.

Theo Kiến Trúc Sư Nguyễn Đức người phụ trách công trình xây dựng công tam quan chùa Bát Nhã cho biết: "Công có chiều cao 25 feet và chiều ngang 32 feet, thời gian hoàn tất công trình dự trữ khoảng ba tháng."

Đồng hương Phật tử xa gần phát tâm cúng dường xây công tam quan chùa Bát Nhã xin vui lòng liên lạc về Hòa Thượng Thích Nguyên Trí **(714) 548-4148.**



←
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã và mô hình Công Tam Quan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trăn trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (*để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế*).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gửi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA



VĂN TẾ SIÊU ĐỘ ÂM LINH

Kính đánh lễ mười phương Chư Phật
Kính tán dương Bồ Tát, Thánh Hiền
Đàn Tràng Siêu Độ Âm Linh
Thùy từ quang giáng chứng minh độ trì

Chúng sinh khổ kể từ vô thủy
Bởi si mê nghiệp dĩ trầm luân
Ba đường, Sáu nẻo xoay vần
Tam đồ, Bát nạn phong trần xưa nay

Mãi xa lánh lòng ngay, dạ thẳng
Luôn đắm say đen trắng, gian ngoa
Nghiệp dữ như núi xây tòa
Nghiệp lành như lụa gió lùa đêm đông

Chiếc bào ảnh đèo bông, trau chuốt
Đạo Thánh Hiền chẳng thiết tiến tu
Vô minh, tăm tối, mịt mù
Biển sông không lối, ao tù lại vô

Lúc còn sống tình bơ, trăn tráo
Khi chết đi ảo não hồn ma
Thất tha, thất thểu, không nhà
Không hương, không khói, trông mà xót thương

Hết vát vương đầu đường, cuối ngõ
Lại chấp chờn bóng xế, đêm đen
Đói ăn, khát uống, nhịn thềm
Thoáng trông chút sáng ánh đèn thất kính

Kể sao xiết Sinh linh nghìn loại
Nói sao cùng muôn kiếp Âm hồn
Sống thời điên đảo sinh tồn
Chết thời tàn tạ, não buồn than van

Bất luận kẻ giàu sang, phú quý
Hay vua, chúa, tướng, sĩ, chính quyền
Quan viên, trí thức, dân thường
Hãy mau thức tỉnh vô thường qua nhanh

Đài bèo bọt lợi danh quyền thế
Đảo rong rêu mặt mũi ngã nhân
Xát xây đày đọa bao lần
Bức tranh vân câu phù vân ra gì!

Không tự biết vụng tu, thiếu phước
Chẳng mong cầu tích đức, tu thân
Gây nhân tạo nghiệp ngàn cân
Lưới trời lồng lộng giải phân được nào?

Tiểu chi nữa nhà cao, cửa rộng
Luyến thương gì mái dột, lều tranh
Khù khờ, tài trí, khôn lanh
Trước sau ai chẳng mồ xanh để về

Ai cũng chết: Chết nhà, chết chợ
Chết ở quê, chết ở châu thành
Anh hùng, nữ kiệt, liệt oanh
Công, thương, nông, sĩ cũng quanh một gò

Chết phương xa, chết bờ, chết bụi
Chết binh đao, chết núi, chết sông
Chết phơi xương trắng ruộng đồng
Chết tan da thịt chất chồng hơn non

Chết tai nạn, trên không, dưới đất
Chết thiên tai, động đất, sóng thần
Đường bộ, đường thủy, đường hầm
Chết chung hàng loạt hải hùng oái ăm

Chết đau bệnh, chết đâm, chết chém
Chết dịch nhiễm, dịch cúm, dịch lao
Nát tan xương trắng máu đào
Không toàn thi thể, lệ nào không rơi?

Chết lũ lụt cuốn trôi mất tích
Chết giá băng, hạn hán khóc khô
Chết cháy, núi lửa thành tro
Đèo chùi, đất sụt, nấm mồ đâu chôn?

Bao thai nhi nằm trong bụng mẹ
Chưa kịp mang tiếng khóc chào đời
Xót thương tuổi bé thơ ỏi
Thôi rồi một kiếp luân hồi tử sinh



Nhiều con trẻ vừa sinh lại bỏ
Mẹ cha ơi sao nỗi hại con
Hài nhi cũng có Thức hồn
Chớ nên ôm nỗi giận hờn mẹ cha

Chết khủng bố xảy ra nối tiếp
Gây kinh hoàng khủng khiếp Đông - Tây
Mạng người quá nhỏ thương thay
Chết thua cỏ rác diễn bày khắp nơi

Biết bao kẻ thất thời, lỡ vận
Hay trái ngang, oan vọng, bạc tình
Nữ toan kết liễu đời mình
Người thân ở lại nặng tình cu mang

Bao kẻ chết điểm đàng, lừa đảo
Xã hội đen, ma túy, học đường
Cũng thân tứ đại vô thường
Chẳng làm bè thoát sáu đường tử sinh?

Kiếp du lữ nhục vinh sự thế
Mặc nổi trôi không nhờ luân hồi
Tháp cao, hơn thiệt, đôi ngôi
Dòng sông sinh tử ai bơi cho mình?

Không với sắc thính thính rộng lớn
Sắc với không vô thị vô chung
Cõi chết mà nói vô cùng
Cõi sống cũng chẳng cáo chung bao giờ

Khung cửa hẹp đôi bờ khép mở
Hồi Hương hôn thối chớ kêu than
Lắng trong phiền não ngập tràn
Tình tâm dứt nghiệp, Tây Phương hướng về

Hãy dừng hết não nề, bi cảm
Chớ than van, khóc thảm, thương sầu
Đàn Tràng Siêu Độ nhiệm màu
Âm linh bốn biển năm châu tựu về

Tránh khổ lụy Tam đồ Bát nạn
Chẳng vất vơ Sáu nẻo Ba đường
Ngưỡng mong Tam Bảo Pháp Vương
Từ bi tế độ thấm thương Âm hồn

Muốn hết khổ lên thuyền Bát nhã
Mau dứt mê bờ Giác là đây
Phật Pháp huyền nhiệm sâu dày
Ân thâm nghĩa nặng, ơn này khắc ghi



Kính nguyện Đức Từ Bi gia hộ
Nhũ thâm Ân Tam Bảo từ nghiêm
Sinh linh khổ não vô biên
Hàm ân cứu vớt mọi miền trần gian

Ân Phật Tổ vô vàn mẫu nhiệm
Pháp Đàn Tràng không luận nghi bàn
Dung thông thế giới ba ngàn
Câu kinh tiếng kệ ngân vang độ đời

Văn chiêu thỉnh muôn loài, vạn loại
Mọi Âm hồn uống tử linh thiêng
Mau mau cầu hội Đàn tiền
Chuyển tâm, hóa nghiệp, kiên thiên hồi quy

Trên, Tam Bảo từ bi gia hộ
Dưới, Đàn Tràng cúng tế trang nghiêm
Lễ vật thượng hưởng an nhiên
Nghe Kinh giải thoát về miền Lạc Bang

Phật Di Đà phóng quang tiếp dẫn
Đức Quán Âm, Thế Chí soi đường
Sen vàng chín phẩm ngát hương
Vãng sanh Cực Lạc Tây Phương an lành.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Ngày 30-12-2016

TNT MẶC GIANG

(Ghi chú: Do cảm kích tấm lòng của người bạn già QB, để vài ngày vì đang rất bận, xem lại bài *Phụng Cúng Âm Hồn vượt Biển vượt Biên*, nếu được sẽ cúng Siêu độ Âm Linh vào Rằm tháng Giêng Đinh Dậu, nên tôi mới soạn bài này, bởi bài kia mang nội dung cô đọng dành cho *Vượt Biển Vượt Biên*. Đa tạ và nhờ ông bạn tôi mới soạn bài này).

TRANH LUẬN VỀ HIẾU GIỮA PHẬT GIÁO VÀ KHỔNG GIÁO

QUẢNG HUNG (*)

Nguyễn Hiệp dịch

(kỳ 1)

Khi lần đầu tiên được truyền bá vào Trung Quốc, Phật giáo đối diện với những thách thức từ nền văn hóa bản địa Trung Quốc, đặc biệt là Khổng giáo.

Những phê bình của các nhà Nho chính yếu vào những lĩnh vực đạo đức, bởi vì con đường sống của Phật giáo chính yếu tập trung vào giải thoát cá nhân thông qua việc viên mãn phẩm hạnh, điều rất khác với Khổng giáo, mà nó chính yếu tập trung vào gia đình và xã hội. Cụ thể, đời sống của Tăng sĩ Phật giáo, những người bắt buộc phải sống độc thân, cạo đầu và rời bỏ gia đình, là không tương hợp với thực hành hiếu của Khổng giáo như được tìm thấy trong Hiếu kinh (孝經).

Điều này được phản ánh trong Mâu Tử lý hoặc luận (牟子理惑論), một cuốn sách được viết vào thế kỷ thứ II TL để bác bỏ sự phê bình này. Những Tăng sĩ Trung Quốc đã cố gắng đáp lại những phê bình như vậy cả trong lý thuyết và thực hành. Kết quả, Phật giáo cuối cùng được xã hội Trung Quốc chấp nhận như một tôn giáo cũng dạy và thực hành đạo hiếu. Điều này khiến một vài học giả Phật giáo trước đây như Kenneth Ch'en nghĩ rằng hiếu giữ một vị trí đặc biệt trong Phật giáo Trung Quốc.

Thực ra, như tôi đã thảo luận ở nơi khác rằng Phật giáo Nguyên thủy cũng giảng dạy việc thực hành hiếu, và Phật giáo Trung Quốc đã sử dụng lời dạy này trong việc đáp lại những phê bình của Khổng giáo, thậm chí biện luận rằng khái niệm và thực hành hiếu của Phật giáo thì siêu việt hơn khái niệm và thực hành hiếu của Khổng giáo. Tuy nhiên, như Giáo sư Thành Trung Anh (成中英) đã chỉ ra trong những nhận xét của mình về bản thảo của bài viết này, sự bất đồng trong khái niệm và thực hành hiếu của Khổng giáo và Phật giáo là không bao giờ được giải quyết vì hai tôn giáo có hai quan điểm triết học khác nhau về cuộc sống.

Sức mạnh khác chống lại Phật giáo trong suốt triều đại nhà Hán là sự việc rằng Khổng

giáo đã trở thành ý thức hệ chủ đạo của xã hội Trung Quốc trong suốt thời kỳ này. Quan điểm "trị nước ngang qua hiếu" được hình thành và thực hiện trong triều đại này, và tiếp tục qua các triều đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc, Tùy, Đường và về sau. Phật tử Trung Quốc đáp lại những phê bình cả bằng tranh luận lý thuyết và thực hành.

Về tranh luận lý thuyết, Phật tử Trung Quốc đáp trả bằng (i) những bản dịch và những trích dẫn từ các bản kinh Phật mà chúng dạy về hiếu; (ii) viết những phản luận mang tính học thuật về những cáo buộc thực hành bất hiếu, chẳng hạn như Mâu Tử lý hoặc luận và Hiếu luận (孝論); và (iii) giảng giải những quan niệm Phật giáo là giống với quan niệm Khổng giáo về hiếu. Trong thực hành, họ đáp trả bằng việc (i) sáng tác những bản kinh, chẳng hạn như Phụ mẫu ân trọng kinh (父母恩重經); và (ii) truyền bá những câu chuyện chẳng hạn như Bồ-tát Thiểm Tử kinh (菩薩睽子經) và Vu lan bồn kinh (盂蘭盆經) bằng cách thức trình diễn công cộng, vẽ những bức tranh minh họa hay hoạt cảnh lên tường và lụa, và tổ chức lễ hội Vu lan bồn hàng năm, được biết phổ biến như lễ hội Ngạ quỷ. Ba điều đầu là những cách thức có tính học thuật giải quyết sự chỉ trích, hai điều sau là những cách thức mang tính đại chúng đáp ứng thành phần Phật tử bình dân Trung Quốc.

Trong bài viết này, tôi sẽ tập trung vào những tranh luận học thuật về sự cáo buộc bất hiếu. Tôi thấy rằng những tranh luận học thuật trải qua ba giai đoạn phát triển, cuối cùng tiến đến một giai đoạn tranh luận, như được nói ở trên, rằng thực hành hiếu Phật giáo thì siêu việt hơn thực hành hiếu của Khổng giáo. Giai đoạn đầu là sự giải thích quan điểm của Phật giáo chẳng hạn như Mâu Tử lý hoặc luận và những lời dạy của ngài Huệ Viễn (慧遠 334-416). Giai đoạn thứ hai là sự phản luận trực tiếp hơn bởi nhiều Phật tử Trung Quốc, cả Tăng lẫn cư sĩ. Giai đoạn ba là so sánh quan niệm và thực hành hiếu của Phật giáo và Khổng giáo.

Giai đoạn phản luận đầu tiên là từ Mâu Tử (牟子) vào thế kỷ II, đến thầy Huệ Viễn vào đầu thế kỷ V, ở đó những câu hỏi được đặt ra bởi những người chỉ trích vẫn giữ nguyên như vậy, nhưng những câu trả lời được đưa ra bởi những Phật tử Trung Quốc thì sâu sắc và chi tiết hơn với những đề cập cụ thể đến những bản kinh và thực hành Phật giáo. Điều này là bởi trong 200 năm của triều Ngụy và Tấn (220-420), ngày càng nhiều những kinh sách Phật giáo đã được dịch sang tiếng Trung Quốc, Phật giáo đã phát triển nhanh chóng do, thứ nhất, những điều kiện xã hội, khi người Trung Quốc đặc biệt từ phía Bắc gánh chịu những xáo trộn chính trị và thiếu hợp nhất. Thứ hai, đối với điều kiện tri thức, Huyền học (玄學) trở thành hệ thống tư tưởng chính cho việc nghiên cứu và thảo luận trong giới trí thức thời ấy. Nó là tương tự với việc nghiên cứu kinh Bát-nhã từ trước đó thảo luận về hư vô trong khi sau đó tập trung vào tính không.

Vì vậy giới trí thức, những người yêu thích việc học siêu hình cũng thích thú triết học Phật giáo và giao du với những Tăng sĩ có học. Kết quả, những khác biệt giữa Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo trở nên rõ hơn khi người ta học nhiều về giáo lý Phật giáo, và xung đột giữa Phật giáo với Khổng giáo và Đạo giáo cũng trở nên mãnh liệt. Những Phật tử Trung Quốc cố gắng hết mình trong việc giảng giải quan điểm Phật giáo khi những phê bình và việc thực hành hiểu trở nên sâu sắc hơn.

Chúng ta thấy trong Mâu Tử lý hoặc luận rằng những nhà phê bình đã hỏi ba khía cạnh về vấn đề hiểu. Mâu Tử phản bác những nhà phê bình bằng trích dẫn nhiều sự kiện và trích dẫn từ cả kinh điển và truyền thống Khổng giáo và Lão giáo mà chúng biện luận rằng tất cả những thứ thực hành tương tự với những thực hành của Phật tử là cũng được tìm thấy ở Trung Quốc nơi chúng không bị chỉ trích bởi các Nho gia và những người khác, mà trong thực tế được ca ngợi như những hành xử đạo đức.

Phê bình đầu tiên là rằng việc cạo tóc của Tăng sĩ là một thực hành bất hiếu bởi vì Hiếu kinh nói rằng từ thân thể, các chi, tóc và da là nhận từ cha mẹ nên người ta không nên làm tổn hại chúng. Mâu Tử phản bác những nhà phê bình bằng việc nói rằng đạo đức là quan trọng hơn da và tóc. Ông trích dẫn từ chính Hiếu kinh của Khổng giáo rằng "Những vị tiên vương có phẩm đức đầy đủ và say mê Đạo". "Tuy nhiên Thái Bá (泰伯) cắt tóc và xăm mình" để theo tập quán của Ngô và Việt, "nhưng tuy nhiên Khổng Tử ca ngợi ông, nói rằng ông có thể được nói là có đức cao nhất." Mâu Tử biện luận: "Nếu có đức lớn thì người ta không nên chấp vào những vấn đề nhỏ".

Do đó ông bác bỏ sự phê bình việc các Tăng sĩ cạo tóc của họ là bất hiếu. Biện luận của Mâu Tử là chí lý, và những Nho gia cũng thấy được điểm yếu của sự phê bình vì vậy



những câu hỏi như vậy về sau hiếm khi được đưa ra như một câu hỏi riêng lẻ.

Phê bình thứ hai là về đời sống độc thân của Tăng sĩ không người nối dõi. Mâu Tử phản bác bằng đưa ra những ví dụ rằng Hứa Do (許由) xây tổ trên cây và Bá Di (伯夷) và Thúc Tề (叔齊) chết đói trên núi Thủ Dương, nhưng "Khổng Tử khen ngợi họ". Nó giống như những Tăng sĩ Phật giáo thực hành phạm hạnh bằng việc từ bỏ những niềm vui thế tục. Tất nhiên, đời sống độc thân không phải là một lối sống được thừa nhận ở Trung Quốc cổ đại và điều này đặc biệt đúng với những người theo Khổng giáo, do đó, những Nho gia sẽ không bao giờ thỏa mãn với những câu trả lời và những lý do được những Phật tử Trung Quốc đưa ra.

Phê bình thứ ba liên quan đến những tập quán Phật giáo chẳng hạn như áo quần và hành xử mà chúng khác với truyền thống Trung Quốc. Mâu Tử đã trả lời từ hai quan điểm. Trước hết, Mâu Tử biện luận rằng "vào thời Tam Hoàng, người ta ăn thịt sống, mặc da thú, sống ở trên cây hay ở trong các hang động". Tuy nhiên, "Những người ấy được nói là có đức hạnh, chân thật trung thực, tín tâm và vô vi (無為)." Như vậy thực hành của Tăng sĩ Phật giáo là tương tự với họ. Thứ hai, Mâu Tử biện luận rằng người Trung Quốc và người Phật tử sống hai lối sống khác nhau. "Nghhiêu (堯), Thuấn (舜), Chu (周), và Khổng (孔) thực hành những việc thế tục, trong khi Đức Phật và Lão Tử đặt tâm của họ vào vô vi". Những biện luận này là hoàn toàn yếu khi không có sự hỗ trợ của giáo lý Phật giáo và chỉ Tôn Xước (孫綽) là người đã đưa ra câu trả lời tốt hơn.

Câu hỏi đầu và thứ ba liên quan đến văn hóa và truyền thống Trung Quốc, trong khi câu hỏi thứ hai là về một vấn đề quan trọng ở trong tư tưởng Khổng giáo. Tuy nhiên, câu hỏi hai về Tăng sĩ không người nối dõi là không thật dễ dàng trả lời và phản bác bằng việc trích dẫn

một vài trường hợp những người nổi tiếng xưa trong lịch sử Trung Quốc.

Dụ đạo luận (喻道論) của Tôn Xước (314-371) là một tác phẩm quan trọng khác sau Mâu Tử lý hoặc luận trong việc bảo vệ Phật giáo. Dạng thức của tác phẩm này giống với Mâu Tử lý hoặc luận mà những câu hỏi và phê bình được theo sau bằng những trả lời và những phản bác. Tuy nhiên, chúng ta chỉ thấy một câu hỏi về hiếu trong Dụ đạo luận, nhưng nó bao trùm hai trong ba những khía cạnh được tìm thấy trong Mâu Tử lý hoặc luận: không người nổi dõi và làm tổn hại hình hài thân thể. Tôn Xước phản bác những nhà chỉ trích bằng trước hết làm sáng tỏ hình thức cao nhất của hiếu theo Hiếu kinh và Lễ ký.

Hiếu kinh nói ở phần mở đầu: "Khi chúng ta hình thành nên tính cách của chúng ta bằng việc thực hành con đường [hiếu], như vậy là để làm cho tên tuổi của ta nổi tiếng ở những đời sau và bằng cách ấy làm rạng danh cha mẹ ta, đây là cái đích của hiếu". Chúng ta thấy ở trong Lễ ký có quan điểm rằng "hiếu lớn nhất được nhìn thấy ở nơi việc không bao giờ xao lãng của nó," và "việc phân phát lợi ích rộng rãi và cung cấp tất cả mọi thứ [cần thiết cho con người] có thể được gọi là hiếu thảo mà không xao lãng". Tôn Xước nói:

"Hiếu thì quan trọng bởi vì nó là để xác lập tính cách [của họ] bằng việc thực hành lối cư xử [hiếu thảo] để làm rạng danh mãi mãi cha mẹ của họ. Ngay cho dù người ta ngoan ngoãn dâng cho [cha mẹ của mình] với [thịt của] của ba gia súc [bò, cừu và heo] mỗi ngày thì đó chỉ là một sự kính trọng nhỏ, mà không thể khiến tất cả kính trọng mình, cũng không để mình dựa vào cuộc đời để nuôi nấng cha mẹ của mình".

Như vậy, Tôn Xước đã biện luận và so sánh hiếu với lòng trung thành, và nói rằng hiếu đối với cha mẹ là ít quan trọng khi so sánh với lòng trung thành, và rằng đức hạnh là quan trọng hơn việc giữ gìn hình hài thân thể. Những biện luận như vậy cũng được hỗ trợ bằng những ví dụ được tìm thấy trong Mâu Tử lý hoặc luận. Với những biện luận này về hiếu như một cơ sở, Tôn Xước cho rằng Đức Phật là một tấm gương tốt về việc thực hiện hiếu cao tốt nhất, bởi vì sau khi giác ngộ, Ngài đã hóa độ cha mình, và chúng sanh cũng được lợi lạc từ giáo pháp của Ngài.

Ngài (Đức Phật) sau đó quay trở về và thuyết giảng cho quê hương xứ sở của mình, và truyền bá sâu rộng pháp âm. Cha của Ngài, một vị vua, đã thấu hiếu và cũng đạt được giác ngộ. Có [hạnh] hiếu nào có thể lớn hơn một sự vịnh danh cha mẹ của Ngài như vậy?



Tôn Xước tiếp tục biện luận rằng những người xuất gia với sự cho phép của cha mẹ họ đã làm việc phổ truyền giáo pháp Phật giáo cho sự yên bình của xã hội và lợi ích của nhiều người. Đối với Ngài, điều này nên được xem như là hạnh phúc lớn nhất.

Biện luận của Tôn Xước thì chỉ lý hơn của Mâu Tử bởi vì ông đã sử dụng lý thuyết của Khổng Tử về hiếu để cho rằng Tăng sĩ Phật giáo cũng thực hành nó bằng việc đặt chính họ vào trong đức hạnh và làm việc vì lợi ích của xã hội trong việc xúc tiến phát triển đạo đức.

Những câu hỏi được tranh luận ở trong hai tác phẩm trên về sau trở thành những luận điểm trọng tâm trong việc hình thành nên những vấn đề chẳng hạn như "Tăng sĩ không bái kính quân vương" và "người Trung Quốc và Di Hạ (夷夏/Barbarian), từ thời Ngụy và Tấn, cho đến Nam Bắc Triều.

Vào thời Đông Tấn, ở đó có một sự tranh luận về Tăng sĩ có nên bái kính vua chúa hay không. Đây vẫn là một sự mở rộng tranh luận về hiếu bởi vì Hiếu kinh của Khổng giáo thảo luận hiếu với một sự tập trung vào chính trị. Việc tranh luận là rằng nếu hiếu có nghĩa là kính trọng cha mẹ thì không nên có những khác nhau về hiếu giữa những vị hoàng đế, thái tử, đại thần, thứ quan và thảo dân, là năm bậc được thảo luận trong Hiếu kinh. Như vậy, hiếu được gọi là trung thành khi đối tượng là hoàng đế. Dữu Băng (庾冰), một đại thần của triều Đông Tấn, tấu bẩm với hoàng đế rằng Tăng sĩ nên được lệnh tôn kính hoàng đế bằng việc quỳ xuống trước vua, còn không thì Lễ (禮) sẽ bị phá vỡ. Dữu Băng đại diện cho phái bảo thủ và muốn phục hồi lại Khổng giáo. Hà Sung (何充), người đại diện cho phái cách tân, biện luận chống lại Dữu Băng rằng Phật giáo dạy thực hành đức hạnh, chẳng hạn như năm giới, điều khuyến khích việc trị vì của hoàng đế. Tăng sĩ cũng kính trọng sự trị vì của hoàng đế bằng trước hết cầu nguyện sự yên bình cho quốc gia khi họ tụng niệm, mặc dù họ có tập quán khác về cách điều này được thực hiện. Do đó, ông nói, ta nên để họ tiếp tục lối sống của họ mà không bái lạy. Sự tranh luận chấm dứt một thời gian ngắn cho đến khi Hoàn Huyền (桓玄), người nắm quyền như một quan thượng thư hơn 50 năm sau, sau đó tiếp tục lại sự tranh luận ấy.

Hoàn Huyền tranh luận từ ba điểm, (i) lời dạy Khổng giáo là tối cao trong khi những người Di Hạ (các Phật tử) là không văn minh; (ii) vào thời trước, các Phật tử là người nước ngoài và bây giờ chính hoàng đế cũng tin theo; và (iii) hoàng đế quan trọng hơn một vị thầy,

nên khi những Phật tử kính trọng các vị thầy vậy thì họ nên tỏ lòng tôn kính đến hoàng đế. Có nhiều quan lại cũng như Tăng sĩ đứng dậy chống lại Hoàn Huyền. Trong số họ, Vương Mịch (王謐) đại diện cho giới quan lại và Huệ Viễn đại diện cho giới Tăng lữ. Là một lãnh đạo Phật giáo, Huệ Viễn giải thích trong thư của mình gửi Hoàn Huyền rằng Phật giáo ủng hộ sự cai trị của hoàng đế, và giáo thuyết của Phật giáo là tương tự với lời dạy của Khổng giáo.

Tăng sĩ Phật giáo có những tập quán khác với người thế tục, nhưng nó chỉ khác ở hình thức tuy nhiên lại giống ở bản chất. Do đó, Tăng sĩ Phật giáo không từ bỏ việc thực hành hiểu của họ và kính trọng hoàng đế; thay vào đó họ ủng hộ sự trị vì của hoàng đế bằng cách quảng bá phát triển đạo đức. Như vậy, Huệ Viễn giải thích rõ quan điểm của Phật giáo và Hoàn Huyền không buộc thực thi sắc lệnh Tăng sĩ bái kính quân vương. Huệ Viễn sau đó viết năm điều khoản có tên Sa-môn bất kính vương giả luận (沙門不敬王者論). Ông viết:

"Như được nêu trong kinh Phật, có hai hạng người (trong giới Phật tử): (người cư sĩ) truyền bá giáo pháp trong khi sống ở trong đời, và (giới Tăng lữ) tu đạo sau khi xuất gia. Những người sống ở đời tuân theo Lễ trong việc phục vụ những bậc trưởng thượng của mình và kính trọng đối với bà con của họ; những bốn phạm tôn giáo về trung thành (đối với quốc chủ) và hiếu thảo được giải thích rõ ràng trong những kinh sách (Khổng giáo), và những chỉ dẫn về (địa vị cao quý của người trị vì) với ba điều lớn được biểu đạt trong văn bút của Thánh hiền. Ở điều này họ đồng ý với những gì được ban hành trong luật lệ hoàng triều chính xác như hai nửa của một bản sao...

Nhưng (Tăng sĩ), người đã xuất gia là một người sống bên ngoài cuộc đời (của những mối liên hệ con người); những việc làm của vị ấy thì tách khỏi việc làm của những người (khác). Giáo thuyết của vị ấy cho vị ấy hiểu rằng (tất cả) sầu lo và trói buộc được tạo ra bởi việc có thân thể của mình, và rằng bằng việc không giữ lấy thân thể vị ấy có thể chấm dứt sầu lo. Vị ấy biết rằng sự sanh và tái sanh của vị ấy là kết quả của việc hiện hữu chịu biến đổi (chung), và rằng bằng việc không theo (tiến trình biến đổi này) vị ấy có thể tìm kiếm nguyên lý (cao nhất)... Vị ấy là người mà những nguyên tắc của mình trái ngược lại những nguyên tắc của cuộc đời, và cách thức của vị ấy là đối nghịch với sự thực hành chung.

Do đó, tất cả những người đã xuất gia sống ẩn dật tìm kiếm (việc thành tựu) những nguyện vọng của họ, và thay đổi sự thực hành thông thường để nhận chân đạo của họ. Khi đã thay đổi sự thực hành thông thường, họ không thể theo Lễ mà nó được áp đặt bằng những luật lệ thế tục. Sống ẩn dật, họ có thể làm cho những hành động của mình cao thượng hơn. Chỉ cách này họ có thể cứu cuộc đời đang đắm



HOÀN TỤC

*Đừng mắc cỡ anh ơi đừng mắc cỡ
Dù ra đời anh vẫn cứ là anh
Hãy xem thường tất cả chuyện quân quanh
Tâm cho vững không có gì phải sợ.*

*Khi đến lúc đoạn dứt tình duyên nợ
Bạn hãy cười như Đức Phật từ bi
Hãy cầu mong người mình bỏ ra đi
Sống hạnh phúc cuộc đời yêu tha thiết.*

*Xin đừng thẳng hãy coi thường sanh diệt
Chẳng có ai chuyên hoá được đời ta
Dù ở chùa hay tu tại tư gia
Biết nhận lấy những gì mình đã tạo.*

thơ TÁNH THIÊN
29-6-2017

chìm thoát khỏi giòng nước sâu, nhổ ra những gốc rễ (hiện hữu) che khuất từ nhiều kiếp tiếp nối, lội qua chỗ Tam thừa, mở rộng ra con đường đến nhân thiên.

Do đó bên trong (gia đình) họ xa rời sự tôn kính bởi những mối liên hệ tự nhiên mà tuy vậy không chệch khỏi hiếu thảo; bên ngoài (gia đình) họ tránh việc kính trọng trong việc phục vụ người trị vì mà tuy vậy không buông lỏng sự kính trọng của họ (đối với vua).

(còn tiếp một kỳ)

Quảng Hưng (*) - **Nguyễn Hiệp** dịch
(Nguồn: academia.edu)

(*) Giáo sư trợ giảng tại Trung tâm Nghiên cứu Phật học, Đại học Hong Kong và tại Tung Lin Kok Yuen Canada Foundation. Ông cũng là giáo sư thỉnh giảng về Phật giáo và xã hội đương đại tại Đại học British Columbia. Tác phẩm đã xuất bản của ông bao gồm: The Concept of the Buddha: Its Evolution from Early Buddhism to the Trikaya Theory (Routledge 2005), The Historical Buddha (Beijing Religious Culture Publication 2005) cùng với nhiều bài viết nghiên cứu đăng trên nhiều tạp chí khác.

KHOÁ TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7 RỰC SÁNG VÙNG ĐÔNG BẮC HOA KỲ

Thích Nguyên Siêu

Niềm tin của mỗi người con Phật là ai cũng muốn học hỏi Phật pháp để thiết lập cho mình một niềm tin kiên định. Niềm tin ấy đầy đủ khả tính trường dưỡng tinh thần tu tập một cách thâm lặng mà vững chắc, chẳng lý giải mà rất trong sáng. Không mặc khải mà có lý trí. Niềm tin Phật một cách minh nhiên đến với mọi loài.

Hôm nay, ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ các sân bay Midway, O'Haire, Chicago, Illinois, từng đoàn người, chư Tăng Ni, Phật tử học viên lần lượt hướng về Hội trường Skokie như ngày Lễ Hội. Khắp nơi từ quốc gia Canada, đến các tiểu bang Hoa Kỳ: Đông, Tây, Trung, Nam, Bắc đều có mặt nơi đây. Không ít thì nhiều đã biểu tỏ tinh thần nghiên tầm giáo điển, học hỏi lời Phật dạy đã hiện trên nét mặt đầy hân hoan, mà tay bắt mặt mừng. Người kéo vali, kẻ mang túi xách vào khách sạn Holiday, nơi tổ chức Khóa Tu Học Phật Bắc Mỹ lần thứ 7. Nơi đây phòng Ghi Danh được trải dài hai dãy bàn, học viên sắp hàng lấy chìa khoá nhận phòng. Các ban thư ký, ban cư trú phòng ốc, ban tiếp tân làm việc tích cực không biết mệt. Ban xướng ngôn, điều hợp chương trình, thông tin liên lạc, cập nhật chi tiết khoá học, tất cả đều nhịp

nhàng, tốt đẹp. Nhìn những hình ảnh từ giờ phút đầu tiên của Khóa Tu Học, người khách quan cũng khẳng định được rằng niềm tin học Phật trong tâm người con Phật đã được thắp sáng rạng ngời.

Sau buổi cơm chiều là Lễ Khai Giảng; một Chánh Điện được thiết trí thật trang nghiêm. Đức Bồ Sư màu xanh ngọc, mang biểu tượng thiên nhiên rừng xanh nước biếc. Trên bục Chánh Điện là dãy bàn chư Tôn Đức Chứng minh và Giáo thọ. Bên dưới, phía trước là chư Tôn Đức Tăng Ni và đầy cả Hội Trường là học viên Phật tử. Không khí thanh tịnh, trầm mặc, biểu tỏ tấm lòng kính cẩn vô biên ngay trong giây phút đương niệm này. Nếu đã từng tham dự các khoá tu học trước đây, thì hôm nay, Khóa Tu Học lần thứ 7 này, quả thật đã tạo được nhiều sắc thái đặc biệt, in đậm vào tâm thức học viên tham dự. Từ đó, hồi tưởng lại thời gian đi vận động, Ni Sư Trưởng Ban cùng quý Thầy Cô trong Ban Tổ Chức đã lái xe đi trong mưa tuyết qua 11 tiểu bang và 37 ngôi chùa, thể hiện tinh thần tích cực trong bốn phận, trách nhiệm mà chư vị đã đảm nhận. Đây là điểm son trong ý thức trách nhiệm.



Ảnh: Võ Văn Tường



Từ ngoài nhìn vào, thấy toàn cảnh Hội Trường đầy chật cả người, nhưng vẫn giữ được không khí trang nghiêm, tôn kính. Ai nấy đều hướng vọng tâm tư vào ngôi Tam Bảo, giữ lòng thanh tịnh nhất tâm để đi vào chương trình Khai Giảng. Bằng khả năng vốn có, Đại đức Hạnh Tuệ đã hoàn thành tốt đẹp trong phần vụ xướng ngôn và điều hợp chương trình. Diễn văn Khai mạc của Ni sư Nguyên Thiện Trưởng ban Tổ Chức: "Thế nhưng, cho tới bây giờ, chúng con vẫn chưa thể tin rằng tại sao mình lại có thể đủ can đảm để đứng ra nhận lãnh việc tổ chức khóa tu học thêm một lần nữa. Với tâm nguyện kết nối Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Đồng hương Phật tử VN nơi vùng Bắc Mỹ này, và cũng thao thức mang một pháp âm vi diệu đến với vùng Trung Tây Hoa Kỳ này, chúng con được chấp thuận lời thỉnh cầu này từ Chư tôn thiền đức trong hội đồng điều hành GHPGVNTN Hoa kỳ và Canada. Nhưng sau một thời gian đi tìm hiểu và khảo sát các địa bàn, lại nhiều chướng duyên xảy đến ngoài sự dự đoán buổi ban đầu. Nhưng cuối cùng thì duyên lành cũng kết tụ, chúng con đến với Khách sạn Holiday Inn này, tại thành phố Chicago này, dưới sự che chở và hỗ trợ của TT Thích Minh Hạnh Chùa Quang Minh, bên cạnh đó có Chùa Trúc Lâm và Chùa Phật Bảo cũng ủng hộ chúng con về nhiều mặt. Còn nữa, những hình ảnh đẹp khó quên, đó là quý Tăng Ni trẻ đang hành đạo trên đất nước Hoa Kỳ này. Trên hành trình chúng con đã đi qua, có những ngôi chùa chỉ

nhất tăng nhất tự, tuổi đời có vị chỉ ngoài 30, một thân một mình, gánh vác một ngôi chùa nơi xứ lạ, thử hỏi, nếu không mang trong mình dòng máu Thích tử, nếu không khắc sâu trong lời Phật dạy của Đức Thế Tôn sau mùa hạ đầu tiên tại vườn Lộc Uyển... Trước những tấm gương dẫn thân hành đạo cao cả như thế, đẹp đẽ như thế, chúng con tận mắt chứng kiến, nên những khó khăn, những trở ngại không làm chùn bước chúng con được. Để có tài chánh trang trải cho khóa tu, bên cạnh sự cúng dường từ quý Tăng ni Phật tử, các cơ sở thương mại, tiệm nails, chúng con đã tổ chức hai kỳ gây quỹ ở Nam Bắc California. Đặc biệt, đạo tràng chùa An Lạc Indianapolis, nơi con đang trú trì, Ni chúng và quý Phật tử đã tổ chức văn nghệ gây quỹ để cúng dường cho khóa tu. Với sự tinh tấn của các thành viên trong Ban Tổ Chức, chúng con đã từng bước, từng bước chuẩn bị cho khóa tu một cách chu toàn."

Qua lời đạo từ của HT Chánh văn phòng, Ngài đã nói: "Chúng tôi nhất tâm hoan hỷ vì phước trí cho chính tự thân và góp lực xiển dương Phật pháp nơi Châu lục Bắc Mỹ đã đóng góp lớn lao của Phật Việt trong 50 năm đầu du nhập vào Châu lục này. Khóa tu học đã đến lần thứ 7, và trong ấy có 2 điểm nổi bật: Một là khóa tu đã lan rộng đến Miền Trung và Đông nước Mỹ; hai là sự tích cực tham gia của Chư Tôn Đức Tăng Ni... hầu hết trong chúng ta đều có Chùa và Chùa nào cũng tổ chức các khóa tu học thường xuyên cho Phật tử tại địa phương. Nhưng tại sao chúng ta phải đến khóa tu học này? Tại vì năng lực chung cho cộng đồng Phật giáo VN tại Châu lục Bắc Mỹ. Tại vì từng ngọn đèn nhỏ lẻ lỏi của mỗi cá nhân chúng ta, giờ đây chúng ta tụ hội lại để tạo thành một vùng trời rực sáng cùng che chở cho nhau giữa những người con Phật xa xứ. Tại vì sự thịnh vượng chung về mặt tâm linh cho cộng đồng Phật tử Việt Nam." Hàng loạt tiếng vỗ tay vang dội cả hội trường, như bao tâm hồn đã đứng dậy, mạnh bước tiến lên con đường học đạo để thành đạo, mà đạo nghiệp có được phải kể từ đây. Từ những lời giảng dạy Phật pháp của quý giáo thọ sư, trao truyền bằng kinh nghiệm tu học của tự thân trải qua bao thời gian kể từ



thời hành điệu cho đến bây giờ là thượng tọa, là Hòa thượng vì lòng bi mẫn, vì an lạc, vì hạnh phúc trong tinh thần tu học Phật pháp, mà quý Ngài đã chẳng từ nan, miễn sao Phật pháp được thấm nhuần đến tận cõi lòng của người Phật tử là vui rồi.

Tiếp theo là lời phát nguyện tu học của học viên Phật tử. Lời phát nguyện chí tình, chí thiết, bằng cả tấm lòng cầu học, mà sinh vào thời gian cách Phật lâu xa vẫn còn có phước duyên gặp được Phật pháp, nghe được Phật pháp, học được Phật pháp, một nỗi vui mừng hạnh phúc không tả. Tất cả hội chúng đều lắng lòng đứng dậy trang nghiêm, thể hiện nỗi niềm thân thiết, quý kính lên Chư tôn đức đại tăng.

Có sống chung trong một trú xứ. Có cùng học cùng làm việc với nhau trong tinh thần đại chúng, nên có nội quy để đâu đó được trật tự an lành. Hòa thượng trưởng ban giáo thọ Thích Đồng Tuyên đã đọc 8 điều nội quy của khóa tu học, tất cả đều im lặng tuân thủ. Như là những lời ân cần nhắc nhở, sách tấn cho một hội chúng được trang nghiêm. Phát xuất từ tận đáy lòng, mà chẳng ai bảo ai, chẳng ai thúc ai để đưa đến sự chấp nhận hay phủ nhận, mà là tất cả đều biểu tỏ bằng sự tự nguyện.

Nghi lễ khai giảng tụng bài Bát nhã tâm kinh và tứ hoằng thệ nguyện, tự quy y và hồi hướng, đã khép lại chương trình khai giảng tối nay. Hội chúng thanh thản về phòng mà lòng đầy tràn sự hoan hỷ, an lạc. Còn lại là những chiếc áo vàng của Ban Giáo Thọ ngồi họp cho chương trình giảng dạy vào sáng hôm sau. Quả thật, một ấn tượng đậm, in sâu vào tâm thức.

Tiếng chuông báo thức cho một ngày mới lại reo lên, 5:30 hồ canh tọa thiền. Chư Tăng Ni, học viên Phật tử lần lượt đi vào hướng Chánh điện từ các dãy phòng của lầu 1, 2, 3... không khí Chánh điện trầm lặng, mọi người ngồi ngay thẳng trong vị trí của mình. Đèn tắt, lờ mờ một không gian u tịch, nếu có ai đó đứng nhìn sẽ cảm giác rằng những bóng hình người như nhiên bất động chỉ một khoảnh khắc mà thông suốt nghìn trùng, chỉ có một tâm mà rung động mười phương. Lời hồ canh vang lên thiền vị:

*Ngũ canh dĩ đáo pháp môn khai
Phổ nguyện đồng đẳng bát nhã đài,
Liễu triệt tam thừa dung nhị đế,
Cao huyền tuệ nhật tịnh vân mai.
Đại chúng nhất tâm đồng niệm:
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.*

Mọi cõi lòng như im như tịnh. Thân ngay thẳng, mắt nhắm đếm hơi thở vào ra như in. Phật hiện tiền. Bồ tát quanh đây. Chư Thiên có mặt chứng tri vạn cõi lòng thành kính. Nơi có người niệm Phật, tọa thiền, có kẻ tích lũy công đức tu các hạnh lành mà thấy lòng thanh tịnh.

Sáng nay, các lớp học đều vang lên tiếng diễn giảng của các vị giáo thọ sư. Tất cả học viên đều lắng tâm nghe, theo dõi, cười, vỗ tay

khích lệ, làm cho lớp học thêm sinh động, hứng thú như từng giọt nước của suối nguồn rơi vào tâm thức làm thêm tươi mát. Một sinh khí như có tự bao giờ mà hôm nay chỉ là cái duyên làm sống lại qua bao thời gian vui dập bởi nắng mưa của một kiếp làm người.

Rồi đây, sau khi mãn khóa học, ai về trú xứ nấy, khi nhớ lại bao tiếng cười, những tràng vỗ tay, mà tiếc nuối thời gian tu học sao quá ngắn ngủi, qua đi một cách nhanh chóng, pháp âm còn đó, còn vang vọng nơi đây, hình bóng Thầy trò đạo bạn còn đó, còn như là một nhân duyên hội ngộ trên quãng đường dài sinh tử vô cùng.

Khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ lần thứ 7 chỉ còn một ngày nữa, nhưng tiếng tụng kinh, lời sám nguyện, chuông ngân, nhịp mõ dường như bất tận luôn tồn tại nơi đây, hay vượt thoát thời gian, không gian vô bờ. Hình ảnh khai mạc khóa Đại Hội thường niên của GDPT đã nói lên bao nhiêu tâm huyết phụng sự của một chặng đường lịch sử của tổ chức 70 năm qua. Giờ ngồi lại với nhau để họp, để thọ cấp là cả một thiện chí yêu thương và che chở cho nhau trên tinh thần Bi Trí Dũng. Dù cuộc đời có lên thác, xuống gềnh nhưng tình lam luôn thắt chặt. Những ngọn nến được thắp sáng, giữ trang trọng trong lòng tay của người thăm nguyện: Thắp sáng niềm tin để khơi nguồn suối ấm hương giải thoát có trong tự mỗi chúng ta, người con tin yêu của Phật. Ánh sáng ấy, niềm tin yêu ấy, đã đánh dấu một chặng đường có Phật trong ta. Thắp sáng ánh nến để soi rọi lòng mình, mà khẳng định niềm tin nơi 3 ngôi báu, không hề chuyển lay. Dù đời con có sống, có chết, nhưng niềm tin yêu Phật pháp không có sống chết mà như nhiên bất động hay nói theo thuật ngữ Phật pháp là Như Thị.

Kính lạy Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni vận chuyển bánh xe pháp, cách nay gần 3000 năm để hôm nay, chúng con có được đón nhận những pháp âm vi diệu, tuyệt vời. Làm tươi mát hàng vạn cõi lòng khô cứng, nám cháy. Làm sống lại bao cánh đồng sinh tử hoang vu từ vô lượng kiếp, trở thành những cánh đồng xanh tươi, mát mẽ. Tất cả chấp tay cúi đầu như thăm nguyện, vạn kiếp, thiên sanh mãi mãi là từ bi quyến thuộc.

Thời gian tu học thì có giới hạn, nhưng giáo nghĩa Phật pháp thì vô cùng. Học và học mãi ngàn đời chẳng hết. Học lời Phật, tu theo lời Phật để thể chứng lời Phật là ước nguyện chân thành của mỗi cõi lòng người con Phật. Ngoài kia trời đổ mưa làm tươi tỉnh những bông hoa quanh hội trường. Trong đây, những lời giảng dạy Phật pháp làm tươi tỉnh những tâm hồn giàu niềm tin nơi Đức Phật. Em bé cúi đầu, quỳ gối miệng niệm Nam mô.

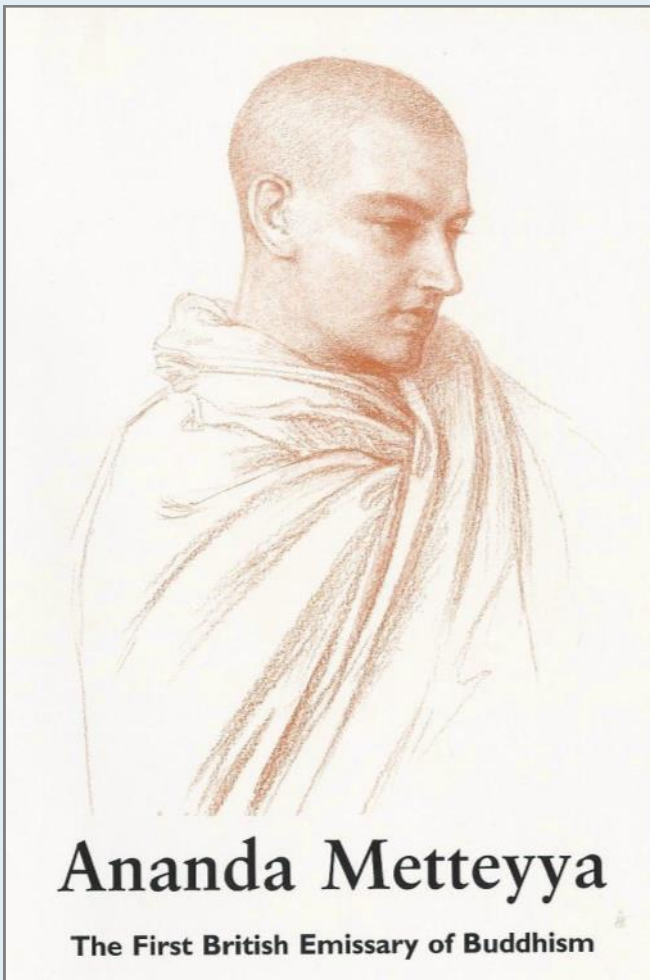
Chicago ngày 22 tháng 7 năm 2017

Tướng thuật nhanh
Thích Nguyên Siêu

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

ANANDA METTEYYA (1872-1923)



Đại Đức Ananda Metteyya, tục danh là Charles Henry Allan Bennett, sinh ngày 8 tháng 12 năm 1872 tại Luân Đôn (Anh Quốc). Thân sinh ông là một kỹ sư điện tử, nhưng ông lại thích học môn hóa học. Ngay từ nhỏ, ông đã chối bỏ không chịu theo đạo Thiên Chúa là tôn giáo mà thân mẫu ông rất ngưỡng mộ, và tự

tuyên bố mình như người không bao giờ có thể tin tưởng vào những điều phi lý, phản khoa học.

Năm 1890, vừa đúng 18 tuổi, nhờ đọc thi phẩm nổi tiếng của Edwin Arnold (1832-1904), cuốn "Ánh Sáng Á Châu" (*The Light of Asia*), ông bắt đầu biết đến Phật Giáo như một triết lý nhiệm mầu, mở ra trước mắt ông một khung trời chân lý mới lạ.

Từ đó, ông phát tâm tìm đọc nghiên cứu các kinh sách Phật Giáo hiện đang phát hành tại Anh quốc lúc bấy giờ.

Năm 1898, ông qua Tích Lan (Ceylon) như một Phật tử tự nguyện đi theo con đường của đức Phật. Tại đây, ông bắt đầu tìm học Phật Pháp với các nhà sư và học giả Phật tử danh tiếng của Tích Lan. Năm 1901, lần đầu tiên ông thuyết giảng về "Tứ Diệu Đế" tại Colombo và bài pháp này về sau đã được in thành sách. Trong thời gian ở Tích Lan, ông nghĩ đến việc sẽ hướng dẫn một phái đoàn Phật Giáo sang hoằng pháp tại nước Anh, và ông nhận thấy rằng muốn thành công, người đại diện phái đoàn phải là một vị Tăng.

Do đó, ông quyết định xuất gia. Ông qua Miến Điện đầu tiên đến trú tại Akyab, tỉnh Arakan, sau tới ở thành phố Rangoon (Ngưỡng Quang), và tại đây, ông cảm thấy là nơi thích hợp nhất cho việc tu tập, hành đạo tương lai của ông.

Tháng 12 năm 1901, ông chính thức xuất gia, thọ 10 giới Sa Di, và năm sau, vào ngày trăng tròn (21-05-1902), ông thọ đại giới Tỳ Kheo. Ban đầu ông lấy pháp hiệu Ananda Maitriya, sau đổi theo danh từ Pali là Metteyya. Trong ngày lễ xuất gia đầu tiên tại Miến Điện, Đại Đức Ananda Metteyya đã phát biểu:

"Sau khi trở thành Tăng sĩ, công việc cần làm trước nhất mà tôi đã dành hết thì giờ và hy sinh cuộc sống của tôi để theo đuổi, thực hiện là tìm cách truyền bá Phật Giáo, chân lý của đạo Từ Bi tại các nước Tây Phương và thành lập tại đó một giáo hội của Tăng Già."

Nhằm thực hiện chương trình hoằng pháp tại các quốc gia Âu Châu, Đại Đức Metteyya đã tìm cách liên lạc, tiếp xúc với nhiều học giả

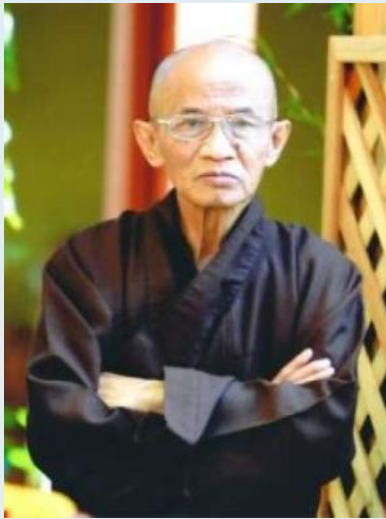
Phật tử tại Anh, Đức quốc và Hoa Kỳ, với mục đích tiến tới việc thành lập một "Hội Phật Giáo Quốc Tế" (*International Buddhist Society*) ban đầu hoạt động tại Đông Phương và sau mở rộng truyền qua các nước Tây Phương.

Trong phiên họp đầu tiên của Hội này, tổ chức vào ngày 15 tháng 3 năm 1903, ban tổ chức cuộc họp đã giúp soạn thảo, duyệt xét bản nội quy, các điều lệ và bầu cử các thành viên để điều hành mọi công việc của Hội. Đại Đức Ananda Metteyya được bầu giữ chức tổng thư ký và Dr. E.R. Rost làm thư ký danh dự (Honorary Secretary). Ngoài ra còn có một số nhân vật được mời làm hội viên danh dự như thi hào Edwin Arnold, ông bà giáo sư T. W. Rhys Davids (1843-1922) cùng nhiều học giả Phật tử, danh tăng Thích Lan và Miến Điện. Chỉ vài tháng sau khi Hội thành lập, một cuộc hội thảo đã được tổ chức tại Rangoon với 300 người tham dự, và các tổ chức Phật Giáo khắp nơi trên thế giới đã gửi thư về bày tỏ sự tán thán, ủng hộ nhiệt tình.

Công tác quan trọng của Hội bấy giờ là cho phát hành tờ tam cá nguyệt san "Buddhism" (Phật Giáo) nhằm phổ biến rộng rãi những tin tức, sinh hoạt của Hội đến các Phật tử hội viên tại Anh quốc và nhiều quốc gia khác trên toàn thế giới. Số đầu tiên ấn hành vào tháng 9 năm 1903, dày 200 trang, trong đó có đăng bài thơ của thi hào Edwin Arnold, và chính ông ta đã hỷ cúng phần lớn tiền tài để in số báo này. Mặc dù tờ tạp chí "Phật Giáo" (Buddhism) ấn hành chỉ được có 6 số, nhưng nội dung lẫn hình thức của nó đã gây ảnh hưởng to lớn, và chiếm một địa vị trọng yếu trong lịch sử văn học Phật Giáo bấy giờ. Một trong những người viết bài thường xuyên cho tạp chí này là Tỳ Kheo Silicara (1872-1951), vị Tăng người Anh.

Nhằm chuẩn bị giúp đỡ cho phái đoàn của Đại Đức Metteyya từ Miến Điện sang nước Anh hoằng pháp, Hội Phật Giáo Anh Quốc và Ai Nhĩ Lan (*The Buddhist Society of Great Britain and Ireland*) được thành lập với cuộc họp đầu tiên tổ chức vào ngày 26 tháng 11 năm 1907. Dr. Rhys Davids được bầu làm hội trưởng, giáo sư T. Mills phó hội trưởng và đạo hữu J. E. Ellam giữ chức tổng thư ký Ban Trị Sự của Hội. Hội này hoạt động đến năm 1923, và được thay thế tiếp tục bởi Hội Phật Giáo (*The Buddhist Society*) tại Luân Đôn (London) hiện nay. Sau khi thành lập, Hội rất vui mừng đón nhận tin về phái đoàn của Đại Đức Metteyya chuẩn bị sẽ sang Anh quốc truyền bá chánh pháp.

Tháng 12 năm 1907, trong phiên họp thường niên của Hội Phật Giáo Quốc Tế



H.T. THÍCH TRÍ CHON
(1933—2011)

(*International Buddhist Society*) tại Rangoon, Đại Đức Metteyya thông báo về việc thành lập một chi nhánh của Hội này tại nước Anh, và quyết định gửi một phái đoàn sang Luân Đôn hoằng pháp trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 10 năm 1908. Tháng 4 năm 1908, với tư cách tổng thư ký của "Hội Phật Giáo Quốc Tế" tại Rangoon, Đ. Đ. Ananda Metteyya hướng dẫn một phái đoàn gồm có nữ Phật tử Hla Oung, thủ quỹ, và người con trai của bà là đạo hữu Ba Hla Oung cùng với vợ của ông ta sang Anh Quốc. Vé tàu thủy khứ hồi của Đ. Đ. Metteyya từ Miến qua Anh do bà Hla Oung hỷ cúng. Chương trình hoằng pháp của phái đoàn tại Anh quốc đã được thông báo

trước.

Ngày 23 tháng 4 năm 1908, các thành viên trong Hội Phật Giáo Anh Quốc cùng với phóng viên nhà báo đã ra bến cảng Luân Đôn để tiếp đón phái đoàn của Đại Đức Metteyya. Ngay khi phái đoàn vừa đến Anh Quốc, Hội Phật Giáo tại đây đã phải gặp vài khó khăn cần giải quyết. Trước hết, theo luật Phật chế, nhà Sư không được phép ở cùng chỗ với phái nữ, cho nên Dr. Rost đã phải thuê hai căn nhà nhỏ tại Barnes gần Luân Đôn để một cái dành riêng cho Đ. Đ. Metteyya cư trú. Nhà Sư Nam tông cũng không được dùng bữa quá ngọ và nằm ngồi giường cao nên Hội đã phải dọn giường ngủ cho đại đức ngay trên sàn nhà.

Hơn nữa, nhà Sư lại không được phép giữ tiền, do đó Đại Đức Metteyya khi cần đi hoằng hóa ở đâu, phải có thiện nam tháp tùng chứ không thể đi một mình, để có ai cúng dường tiền tài hay đại đức muốn mua sắm vật dụng gì thì Phật tử đó sẽ tiếp nhận giùm hoặc trả tiền giúp thay cho ngài.

Chưa hết, thêm điều rắc rối khác là dân chúng tại Anh quốc thời ấy rất ngạc nhiên, nghĩ như điều quái gỡ dị kỳ trong một xã hội vật chất Tây Phương, khi nhìn thấy chiếc y vàng bằng vải thô sơ của Đ. Đ. Metteyya đang mặc, nên họ đã xầm xì phê bình chỉ trích, bàn ra tán vào, thêm thất lời nọ tiếng kia. Bởi vậy mà để tránh sự tò mò dòm ngó của dân chúng, Hội Phật Giáo phải sắp xếp cho Đ. Đ. Metteyya dùng xe ngựa hoặc tắc-xi (taxi) làm phương tiện di chuyển khi cần đến dự các phiên họp Phật giáo hay thuyết giảng tại bất cứ nơi nào trong thành phố Luân Đôn bấy giờ.

Vào lúc ấy Đại Đức Ananda Metteyya 36 tuổi, có hình dáng cao, mảnh khảnh, hiền lành và đạo mạo. Cặp mắt sâu thẳm, đầu cạo tóc, nói lên sự tu hành khắc khổ, nghiêm trì giới luật của ngài. Đặc biệt với giọng nói từ hòa khiến mọi người đều có cảm tình khi lần đầu tiên mới gặp Đại Đức Ananda.

Ngoài sự thông bác giáo lý đức Phật, Đại Đức còn rất am tường các bộ môn khoa học hiện đại với óc suy luận sắc bén, tất cả được kết hợp để tạo ra cho đại đức trở thành một nhân vật rất đặc biệt. Một ký giả, sau khi tiếp xúc với đại đức đã viết: "*Con người có một bộ óc toán học toàn hảo, là một trong những người hiểu biết nhiều về khoa học mà tôi chưa từng gặp từ trước đến nay*".

Nhưng điều rất tiếc không may bởi đại đức là con người hay đau ốm. Lúc 18 tuổi, đại đức đã mắc bệnh suyễn kinh niên. Căn bệnh này đã dày vò, hành hạ làm suy yếu thân thể trong suốt cuộc đời của Đại Đức. Khi còn trẻ, để làm giảm bớt những cơn ho kéo dài khổ sở, đại đức đã dùng thuốc hê-rô-in (heroin) bào chế bằng một-phin. Loại thuốc này đã tàn phá rất nhiều đến cơ thể của đại đức.

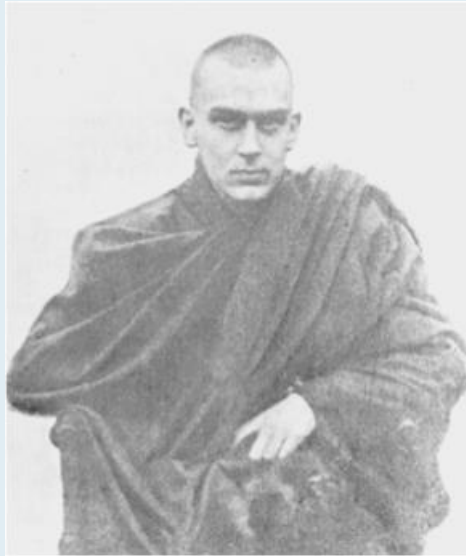
Những lúc không bị cơn suyễn hành hạ, đại đức rất hăng say tham gia mọi công tác hoằng pháp lợi sanh. Qua thư từ hoặc bằng những cuộc tiếp xúc trực tiếp, đại đức đã quy tụ được nhiều Phật tử trí thức, và học giả có nhiệt tâm ủng hộ việc phát triển Phật Giáo tại Anh quốc.

Những Phật tử đầu tiên tham gia, giúp đỡ phái đoàn truyền bá chánh pháp của đại đức Ananda là gia đình ông Francis J. Payne cùng với vợ và các con. Ngoài ra còn có Dr. Edward Greenly cũng đã góp phần to lớn vào công việc hoằng pháp của đại đức Metteyya.

Sau hơn năm tháng ở lại Anh Quốc giảng truyền Phật Giáo cho đủ mọi tầng lớp dân chúng, ngày 2 tháng 10 năm 1908, Đại Đức Ananda Metteyya cùng với Dr. Rost, từ bến cảng Liverpool đã đi tàu thủy trở về Rangoon. Ký giả một tờ báo ẩn hành tại Rangoon đã đến phỏng vấn ít lâu sau khi đại đức về tới Miến Điện, và ký giả bài báo đã viết: "*Tỳ Kheo Ananda bày tỏ rất hài lòng về mọi công tác hoằng pháp mà đại đức đã thực hiện.*"

Tuy nhiên, hài lòng thì có, nhưng hoàn toàn thỏa mãn như nguyện ước thì chưa. Lý do bởi sức khỏe của đại đức ngày càng yếu kém vì bệnh suyễn hành hạ; còn tài chánh thì kiệt quệ, và số Phật tử tại Anh quốc bấy giờ thực tâm muốn tìm hiểu giáo lý đức Phật cũng bị giới hạn.

Mặc dù vậy, đại đức vẫn không nản chí. Trong bức thư ngỏ gửi cho Phật tử tại Anh Quốc (*Open letter to the Buddhists of England*) vào tháng 12 năm 1908, Đại Đức đã kêu gọi tất cả những người hâm mộ giáo lý đức Phật nên tích cực ủng hộ cho Hội Phật Giáo Quốc Tế



**ANANDA METTEYYA
(1872-1923)**

tại Luân Đôn (London). Đại Đức cũng nhiệt tâm bày tỏ cho thấy rằng giáo lý cao siêu và giải thoát của đức Phật thực sự rất cần thiết cho dân chúng Tây Phương lúc bấy giờ.

Đại Đức vẫn nuôi ý định có dịp sẽ trở sang Anh Quốc hoằng pháp lần nữa, nhưng nỗ lực muốn thực hiện điều đó không dễ dàng vì lý do sức khỏe suy yếu và tài chánh eo hẹp của đại đức.

Tháng 12 năm 1913, Dr. Rost thực hiện cuộc giải phẫu lấy sạn trong mắt cho đại đức, và vài tháng sau tin từ Rangoon cho biết sức khỏe của đại đức có khá hơn đôi chút.

Tháng 5 năm 1914, một biến cố đau buồn nhất đã xảy ra là tin tức cho biết sức khỏe của

đại đức ngày càng xuống dốc thê thảm. Nguồn hy vọng duy nhất để cứu vãn là đại đức cần tìm đến nơi nào có khí hậu tốt hơn Rangoon để tĩnh dưỡng một thời gian lâu dài.

Các Phật tử sau đó nhận thấy cần thu xếp sớm càng tốt để đại đức có thể qua sống chung với bà chị của đại đức bấy giờ đang ở California, Hoa Kỳ. Hay tin người chị sắp sang Anh quốc, cho nên các đạo hữu đã sắp đặt cho đại đức gặp bà chị tại Liverpool để cả hai sẽ cùng đi California.

Các Phật tử tại Rangoon đã vận động quyên tiền cúng vé tàu thủy cho đại đức từ Rangoon sang Anh quốc. Nhưng vì đại đức phải đi một mình, không ai có thể đi theo để giữ tiền cho đại đức theo đúng luật Phật chế, cho nên đại đức buộc lòng phải hoàn tục mặc Âu phục để qua Anh quốc, sau mười hai năm xuất gia sống đời Tăng sĩ. Sau khi đến Liverpool vào tháng 5 năm 1914 (vừa đúng 42 tuổi), đại đức sống chung với các đạo hữu trong Hội Phật giáo địa phương.

Ngày 12 tháng 9 năm 1914, khi tàu của bà chị từ California đến Anh quốc, các Phật tử đã tiễn đưa đại đức ra bến tàu để gặp mặt và cùng với người chị đi Hoa Kỳ. Nhưng rất tiếc vì đang đau bệnh nặng, cho nên đại đức không được sở di trú Mỹ cho phép đến New York trong tình trạng sức khỏe tồi tệ như thế.

Cuối cùng, bà chị đã rời phòng ngủ ra ngoài để gặp thăm đại đức lần đầu tiên sau nhiều năm xa cách. Rồi người chị buộc lòng trở lên tàu để một mình đi Hoa Kỳ, còn đại đức Ananda đành phải ở lại. Vài tháng sau, đệ nhất thế chiến bùng nổ tạo thêm nhiều khó khăn

cho mọi sinh hoạt Phật sự địa phương.

Không rời Anh quốc được, các Phật tử đã giúp đỡ sắp xếp cho đại đức cư trú tại Battersea. Trong thời gian này, mặc dù bệnh tình của đại đức ngày càng tăng thêm, nhưng đại đức vẫn cố gắng hoạt động, góp phần vào sự phát triển Phật Giáo tại Luân Đôn.

Đại Đức viết bài thường xuyên cho tờ "The Buddhist Review" của Hội Phật Giáo ở đây và sau đó làm chủ bút cho tạp chí này. Nhưng rất tiếc đến năm 1923, hội đã ngưng hoạt động và tờ báo cũng đình bản.

Đầu tháng 3 năm 1923, bệnh tình của đại đức sắp tiến đến giai đoạn kết thúc, hết phương chạy chữa. Vào ngày 9 tháng 3 năm 1923, đại đức đã viên tịch, hưởng thọ 50 tuổi. Hiện diện trong giờ phút từ trần vĩnh viễn ra đi, bên cạnh đại đức có đạo hữu Francis Payne và một số các Phật tử khác.

Cố bác sĩ C. A. Hewavitarane đã phát tâm cúng tiền mua phần mộ trên lô đất rộng 15 feet vuông tại Modern Cemetery làm nơi an nghỉ cuối cùng của đại đức. Tham dự lễ an táng có rất đông thân hữu và các Phật tử trong Hội Phật giáo địa phương. Nhiều vòng hoa và hương thơm được mọi người mang đến đặt trên mộ của đại đức để tri ân, tưởng nhớ vị tăng sĩ đầu tiên đã góp phần to lớn vào công cuộc truyền bá chánh pháp của đức Thế Tôn tại Anh quốc.

Đại Đức Ananda Metteyya là bút giả của các tác phẩm:

1. An Outline of Buddhism (Phật Giáo Đại Cương) ấn hành đầu tiên năm 1910 và được in lại trong tạp chí "The Theosophist" số tháng 4-5 năm 1911.

2. The Wisdom of the Aryas (Trí Tuệ của dân tộc Aryas) xuất bản tháng 01 năm 1923.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



GIEO TRỒNG DUYÊN LÀNH

(Thương tặng các Chú Tiểu)

*Cứ mỗi chiều thứ bảy
Con theo mẹ về chùa
Trồng duyên lành với Phật
Gác mọi chuyện nô đùa*

*Lắng lòng con niệm Phật
Từng nhíp mỡ rơi đều
Hòa âm cùng pháp lữ
Mím nụ cười trong veo*

*Hương nguyên thơm lan tỏa
Phật ngự ở liên tòa
Hào quang soi chiếu diệu
Trong con bình tâm hoa*

*Đèn thiền lung linh sáng
Cửa Phật con bước vào
Duyên lành con nguyện kết
Tâm Bồ Đề dăng cao*

*Chuông chùa ngân vang khắp
Thành tâm con cúi đầu
Chấp tay sen búp nở
Tu tập nguyện thêm sâu*

*Nhân duyên lành hội đủ
Con xin Thầy xuất gia
Hoa niên vừa lên tám
Con lần theo Phật Đà*

*Tóc xanh con rũ bỏ
Khoác lên mình ca sa
Lòng từ bi trải rộng
Thương yêu khắp mọi loài*

*Sớm chiều vui kinh kệ
Cơm chay lòng qua loa
Pháp mẫu con nguyện học
Đáp nghĩa ân đậm đà...!*

thơ CHÚC HIỀN



CẢM ƠN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Vĩnh Hảo

Tôi luôn đặt tin tưởng nơi tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam (GDPTVN). Trong niềm tin tưởng này, còn có sự ngưỡng mộ, yêu thương đối với một tập thể trẻ trong đồng phục màu lam hiền hòa, và nhất là mục đích cao đẹp mà ở đời này—ngoài tập thể những bậc xuất gia được đặt ở vị trí cao tốt là một trong ba ngôi báu (Tam Bảo)—có thể nói danh nghĩa người con Phật được xứng đáng ca ngợi tán dương như là những đàn anh, đàn chị (huynh trưởng) trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

Với mục đích "Đào luyện thanh - thiếu - đồng niên thành Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo," GDPTVN đã kinh qua 66 năm (*) trong việc giáo dục và đào luyện, nuôi dưỡng bao thế hệ mầm non Phật giáo. Với một bề dày thời gian như thế, GDPTVN đã vượt qua nhiều giai đoạn thăng trầm lịch sử của đất nước, chứng kiến bao đổi thay của nhân tâm, thế sự; và vẫn kiên gan tồn tại với chiếc áo màu khói hương, nhu hòa, nhần nhục.

Điều kỳ diệu là sau năm 1975, các huynh trưởng GDPTVN đã mang theo màu áo và mục đích cao đẹp ấy ra hải ngoại, tiếp tục sứ mệnh "đào luyện" đàn em, đàn con trở thành Phật tử chân chính. Sứ mệnh này không nhỏ, và không dễ. Các huynh trưởng tiếp nối nhau, gánh vác việc chung này một cách tự nguyện, từ lúc còn thanh niên cho đến tuổi lão niên, vẫn còn mặc đồng phục lam, đội nón tứ âm, đến chùa mỗi tuần để dạy dỗ, hướng dẫn, và để nhìn

ngắm, thường thức sinh hoạt vui tươi của đàn con em, chấp chững những bước đầu như thuở ấu thời của mình. Hình ảnh này có vẻ gì tương đồng với một vị sư già lặng nhìn các chú tiểu vui chơi nơi sân chùa.

Tuổi nhỏ của tôi đã không có nhân duyên tham gia sinh hoạt làm oanh vũ, thiếu niên hay thanh niên gì với tổ chức GDPTVN, nhưng từ trong cửa chùa, và từ cửa sổ của giáo hội nhìn ra, tôi vẫn luôn nhìn thấy GDPTVN song hành với con đường tôi đi.

Một ngày, khi cháu trai lên 6, tôi bắt đầu thấy lo vì không biết dạy dỗ như thế nào để nuôi dưỡng hạt giống Phật của nó, chỉ ít là qua khói tuổi trưởng thành. Cậu bé hồn nhiên, tâm tư như tờ giấy trắng, tôi thật chẳng biết bắt đầu từ đâu. Dạy tụng kinh, niệm Phật, giáo lý, ngồi thiền ư? – Không được. Tôi không biết dạy Phật Pháp cho con nít. Rồi tình cờ đến chùa Phổ Đà để thăm một vị thầy từ phương xa ghé lại, nhằm lúc GDPT đang sinh hoạt. Tôi như thức tỉnh. Cả một kho báu đây rồi, còn tìm đâu xa! Vậy là tôi đưa cậu nhỏ đến. Dĩ nhiên tôi có thể gửi cháu ở các đơn vị GDPT gần nhà nhất chứ không cần phải đi xa đến chùa Phổ Đà. Nhưng tôi cũng có chọn lựa của tôi: thay vì đem cháu đến một đơn vị GDPT nằm trong hệ thống giáo hội mà tôi đang sinh hoạt, tôi lại đem cháu đến một đơn vị "ngoài giáo hội." Tôi muốn các vị trong Ban Hướng Dẫn Trung Ương của "các bên" hiểu rằng khi đến với GDPT, tôi không ở bên

này hay bên kia. Đó là chọn lựa có vẻ như vô tư, mà thực ra là cố tình. Mặt khác, các mầm non con Phật đến sinh hoạt ở chùa, và GDPT, không hề phân biệt chùa này thuộc giáo hội nào, GDPT này thuộc Ban Hướng Dẫn nào... thì tại sao tôi phải chọn lựa giùm cho cháu, đánh mất vẻ hồn nhiên trong sáng (dù cháu vô tư không hề biết hay cảm nhận nổi những việc của người lớn).

Theo điều lệ của GDPT Phổ Đà, cháu mới 6 tuổi, chưa được nhận, cháu đứng khóc meo meo. May có thầy trụ trì thầy tội, xin giùm cho cháu thêm 1 tuổi, và cháu đã được nhận vào đoàn, đến nay đã được 5 năm.

Mỗi tuần đưa đón cháu đến chùa sinh hoạt, tôi luôn say mê nhìn ngắm, lắng nghe các em vui chơi, học tập, tụng kinh, hát hò... Tôi thấy một khoảnh sáng của tương lai Phật giáo nằm ở nơi các đoàn sinh GDPT. Mai sau, tất nhiên các em sẽ theo duyên mà đến với nơi nào thuận lợi nhất—biết đâu lại gần bó với một tôn giáo khác; nhưng ít ra hạt giống Phật cũng đã được chăm bón kỹ lưỡng ở tuổi thiếu thời, rồi sẽ đơm hoa kết trái vào một lúc nào đó, trong không gian nào đó, dù còn chiếc áo lam hay không.

Cảm ơn Gia Đình Phật Tử.

(*) Tính từ khi chính thức thành lập vào các ngày 24, 25 và 26 tháng 4 năm 1951 tại Chùa Từ Đàm, Huế. Còn nếu tính cả giai đoạn có mặt của các Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục (1940), Đoàn Đồng Ấu (1941-1942) và Gia Đình Phật Hóa Phổ (1943) thì GDPTVN đã có lịch sử gần 80 năm.

HIẾU KÍNH VỚI CHA MẸ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Người có đức mà bất kính với cha mẹ xưa nay tôi chưa từng nghe.

Người có đức mà bất kính với cha mẹ xưa nay tôi chưa từng thấy.

Người có đạo chân chánh mà không hiếu kính với cha mẹ, xưa nay tôi chưa từng nghe thấy bao giờ.

Thờ cha kính mẹ, thuận thảo với anh chị, em, giữ được tôn nghi ấy quả là một nhà có phúc. Lê đương nhiên là phải tùy hoàn cảnh phương tiện và tâm ý của cha mẹ mà mỗi người thực hiện chữ hiếu một cách khác, không nhất nhất phải theo khuôn mẫu nào. Trong Tập Bào Tạng của Trung quốc có câu chuyện rằng:

Ngày xưa, tại vùng đồi núi kia có một gã tiều phu phụng dưỡng cha mẹ trăm đĩu hiếu kính. Anh lại là một ưu bà tắc hết lòng tin kính Tam Bảo.

Một hôm anh nghe người ta đồn rằng phía bên kia đồi có một vị Sa môn đặc đạo, anh sanh tâm hoan hỷ

vui mừng, gia công làm việc ngày đêm mua gạo và thức ăn cho được lâu ngày, rồi quý xuống xin mẹ cha cho phép đi bái kiến thầy Sa môn đặc chứng đạo quả. Xin thầy tế độ hai tâm tu chứng và hướng dẫn anh những đĩu cần thiết.

Cha mẹ anh bằng lòng, anh lên đường. Đến buổi chiũu anh gặp một thầy Sa môn đang kinh hành khát thực vị ti kheo hỏi:

- Đạo hữu đi đâu mà trông có vẻ vội vàng thế?

- Bạch thầy con đi bái kiến một vị Sa môn đặc chứng đạo quả bên kia đồi.

- Đạo hữu! Bái kiến Sa môn dù có đặc chứng cũng đâu bằng bái kiến Phật.

- Bạch Thầy nhưng giờ Phật đã vào nát bàn, làm sao con bái kiến ngài?

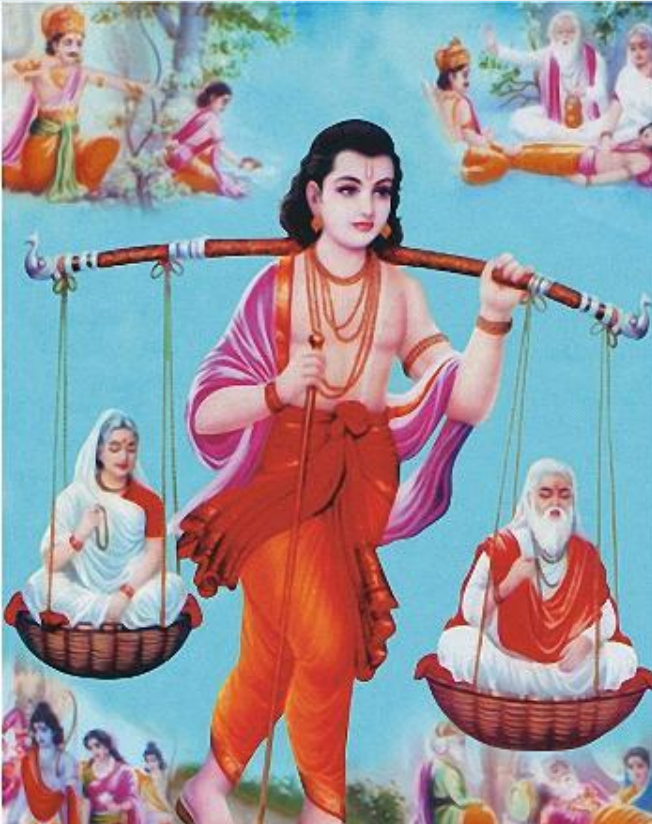
- Ta vừa nghe Phật thị hiện ở hướng nhà đạo hữu.

Đạo hữu hãy cấp vĩa đi. Nếu gặp người nào ăn mặc áo sô gai và đi dép nghịch chân ấy là Phật đấy! Đừng nghi ngờ gì cả. Chúc người được hạnh phúc chân thật.

Anh lại bôn ba vĩa nẻo cũ. Chủ mục tìm người có hình dạng như vị Sa môn mô tả, mãi đến khi vĩa tới nhà gỗ cửa. Cha mẹ nghe tiếng anh gọi mừng quá ngỡ rằng anh lên đường may mắn nên vĩa sớm. Hai ông bà vội vã xuống giường bùng đèn ra cửa mở cho anh.

Trước ánh đèn dầu trái cây leo lét, anh sùng sốt. Cha mẹ anh rõ bận áo sô gai, cha mẹ anh lại mang lộn dép. Lòng anh rung rung xúc cảm. Anh ôm chầm lấy cha mẹ và thổn thức. Bây giờ anh mới hiểu sâu xa lời Phật dạy "Trong thời không có Phật, thờ cha kính mẹ ấy là tôn kính Phật" mà anh đã nghe lời vị thầy già đã từng khuyên anh và bè bạn mỗi khi vĩa làm công quả trong vườn.

(trích **52 Câu Chuyện Dưới Cờ**
của **Thị Nguyên - Nguyễn Đình Khôi**)





NGHIỆP, NGHIỆP BÁO – CHÁNH BÁO, Y BÁO

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Em thân mến,
Mùa xuân đã đến rồi. Gió Xuân đưa làn hương êm. Bướm mơ bên cành hoa xinh. Ánh Xuân gieo ngàn vui tươi. Tiếng chim ca tung bừng... Nào Đoàn ta cao tiếng ca hát khúc ca ngày xanh... Phải, mùa Xuân đã đến như ý muốn của vạn vật qua suốt một mùa Đông lạnh lẽo chờ đợi. Nhưng không chờ đợi thì mùa Xuân cũng phải đến, cũng như mùa Đông, mùa Xuân cũng phải chấm dứt nhiệm kỳ của nó để dành "ngôi vị" lại cho mùa Hạ. Và cũng vậy, sau mùa hạ là mùa thu rồi mùa Đông. Cái vô thường tự nhiên của Biến pháp giới đó em! Trong cái vô thường có sự chuyển hóa theo một nguyên tắc nhất định áp dụng cho vạn pháp, đó là NHÂN – DUYÊN – QUẢ hay nói ngắn gọn là định luật Nhân Quả. Từ Nhân đến Quả phải có duyên. Thí dụ từ hạt đậu muốn chuyển hóa thành cây đậu phải có gieo trồng chăm sóc, phải có nơi chốn thích hợp, phải có thời tiết thuận lợi, phải có phân bón đầy đủ, tất cả những "Duyên" đó mới chuyển hóa được hạt đậu (Nhân), trở thành cây đậu (Quả). Đó là định luật Nhân Quả. Bất cứ thứ gì hiện hữu trong vũ trụ Biến pháp giới đều không ra ngoài ảnh hưởng của nguyên tắc NHÂN – DUYÊN – QUẢ. Từ Nhân đến Quả đương nhiên phải có thời gian, thời gian rất cần thiết cho những duyên kết tụ lại đủ để biến Nhân thành Quả.

Em thân mến,
Sự chuyển hóa của Vạn pháp theo định luật Nhân Quả qua thời gian được mệnh danh một cách đơn giản là NGHIỆP.

Trong vườn hoa Phật Pháp, ngoài những cụm hoa như Pháp, Vạn Pháp, Phật Pháp, Chánh Pháp, còn có vô số cụm hoa khác không kém phần sắc hương. Thí dụ như cụm hoa: Nghiệp, Nghiệp báo, Chánh báo và Y báo.

Ài cũng đã từng làm quen với nhóm từ "nghề nghiệp" và hiểu nghề nghiệp là công việc làm ăn chuyên môn của một người trong xã hội để tạo những phương tiện cung ứng cho nhu

cầu cá nhân và đoàn thể. "Nghề" phát xuất từ tiếng "Nghệ" một danh từ Hán Việt, có nghĩa là tài nghệ, khả năng chuyên môn, thường hay đi đôi với nghệ thuật kỹ nghệ, công nghệ, văn nghệ, thiên nghệ. Khi muốn lóm lỉnh khen ai thì người ta hay dùng cụm từ "Nghề" của "chàng mà lì." "Nghiệp" đi đôi với "Nghề" để nói lên mọi tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi, hành động cần có để thể hiện để thành tựu "Nghề" của chàng."

Em biết không,

Nghề nghiệp của ông bà tổ tiên của bất cứ dân tộc nào cũng bắt đầu nông nghiệp, bứng cây cấy ruộng đất để canh tác. Những thời kỳ này được gọi là thời kỳ trọng nông. Mọi tư tưởng, ý chí ngôn ngữ và hành động đều nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp, sản xuất nông phẩm, chế biến nông phẩm, tiêu thụ nông phẩm, cung cấp nông phẩm, chuyển vận nông phẩm, bảo tồn nông phẩm. Mãi cho đến ngày



nay Việt Nam vẫn còn ở trong thời kỳ trọng nông, vì Việt Nam đứng hạng ba trong các nước xuất cảng gạo trên thế giới. Từ nông nghiệp, các nước tiến bộ chuyển sang thời kỳ trọng thương (thương mãi thương mại) buôn bán, mua đi bán lại kiếm lời làm giàu. Với tinh thần cầu tiến, với khả năng trí tuệ sáng tạo và tiến bộ trọng sáng tạo, các dân tộc tiến bộ đã tự chuyển hóa nghề nghiệp để dần dần đi vào thời kỳ tân tiến cao kỹ với những thành tựu kỳ diệu trong các ngành điện tử. Tóm lại nhân loại tiến bộ nhờ chuyển hóa nghề nghiệp, rút gọn lại: Nhờ chuyển nghiệp.

Em thân mến,

Cụm hoa nghiệp trong vườn hoa thế gian được nhà chùa gieo trồng vào vườn hoa Phật pháp vẫn giữ nguyên ý nghĩa "bao gồm tất cả mọi tư tưởng ý chí ngôn ngữ và hành vi, hành động," những duyên kết tụ lại qua thời gian để chuyển hóa cá nhân từ một tình trạng đang có sang một tình trạng sẽ có. Thí dụ em đang trong tình trạng đau yếu dần dà qua thời gian

nhờ uống thuốc chữa bệnh, em trở lại tình trạng khỏe mạnh. Em đau yếu là Nhân, thuốc men và thời gian là Duyên, em trở lại khỏe mạnh là Quả. Hoặc thí dụ em đang khỏe mạnh, rồi một hôm đi học về gặp mưa lạnh, em ngã bệnh hôm sau. Em đang khỏe mạnh là Nhân, còn mưa lạnh và thời gian bị lạnh là Duyên, và em trở bệnh là Quả. Cái dây chuyền từ Nhân qua Quả còn gọi là nghiệp báo. Nhân chuyển thành Quả, Quả đó lại trở thành Nhân cho một Quả khác nếu gặp những Duyên mới, cứ vậy mà thành vô thường chuyển hóa mãi.

Mỗi cá nhân, mỗi ngũ uẩn, mỗi thân tứ đại là một biệt nghiệp, có một nghiệp riêng biệt tùy theo căn cơ và môi trường đặc biệt mà chuyển hóa, sự việc này được gọi là Nghiệp báo. Trong nghiệp báo có hai thành phần: một là cá nhân, và hai là môi trường nơi mà cá nhân nương tựa vào để hiện hữu. Cá nhân được gọi là Chánh báo và môi trường nơi chốn địa phương để cho Chánh báo nương tựa vào được gọi là Y báo. Y báo còn có thể gọi là Cộng nghiệp.

Em thân mến,

Chánh báo và Y báo là một vấn đề có tầm mức quan trọng khiến ai cũng cần lưu ý, vì hai yếu tố này của Nghiệp báo gắn liền với nhau, tương quan mật thiết với nhau để chuyển thành Nghiệp.

Một môi trường lành mạnh hay Y báo lành mạnh có đủ duyên để giúp cho cá nhân hay Chánh báo trở nên lành mạnh. Thí dụ: Bào thai nằm trong bụng mẹ. Bào thai là Chánh báo, bụng mẹ là Y báo. Bụng mẹ là cơ thể của mẹ, nếu mẹ biết cẩn thận giữ gìn thân tâm ổn định thanh tịnh lành mạnh, tất nhiên bào thai sẽ sinh trưởng lành mạnh cho tới ngày sinh nở.

Em biết không,

Khi em bé ra đời, em bé là Chánh báo và gia đình nơi em bé hiện hữu là Y báo. Thành phần của Y báo gồm có cha mẹ và các anh chị của em bé. Tất cả gia đình có bốn phần góp phần nuôi dưỡng em bé, Chánh báo và Y báo là một. Y báo không thể lơ là Chánh báo và Chánh báo không thể rời khỏi Y báo. Vậy gia đình có lành mạnh, có ổn định có lục hòa, có thanh tịnh, có hạnh phúc, thì em bé mới có thể nương tựa, tồn tại và phát triển cá nhân ngũ uẩn và thân tứ đại của em bé. Nhưng có một điều đáng chú ý là nơi chốn địa phương, nơi chốn định cư của gia đình cũng là Y báo của em bé. Nơi đó có lành mạnh không? Có đủ điều kiện để gia đình có thể tạo khả năng và nuôi dưỡng em bé hay không? Một thí dụ sau biển cổ sục đổ tại Việt Nam 1975, miền Nam Việt Nam có còn là "Y báo" lành mạnh cho những em bé của hàng ngàn hàng vạn gia đình không? Vì Chánh báo cần có Y báo lành mạnh nên biết bao nhiêu gia đình phải bỏ nước ra đi tìm "Duyên" chuyển nghiệp với hy vọng giúp cho các Chánh báo có tương lai tốt đẹp hơn.

Em thân mến,

Đến đây rõ ràng các cụm hoa Nghiệp,



Nghiệp báo, Chánh báo, và Y báo trong vườn hoa Phật pháp đã gợi lên ý niệm lành mạnh: "phải biết phối hợp tình thương và trí tuệ để chuyển hóa thăng hoa Nghiệp báo, chuyển hóa thăng hoa Chánh báo và Y báo."

Gia đình Phật tử là một nghiệp báo, trong đó có Chánh báo và Y báo. Mọi đoàn viên trong gia đình Phật tử đều vừa là Chánh báo vừa là Y báo. Các anh chị huynh trưởng là Y báo của các em. Các em đoàn sinh là Y báo của các anh chị huynh trưởng. Các huynh trưởng là phương tiện giúp các em tu học và các em đoàn sinh là phương tiện tu học của các anh chị huynh trưởng. Nhưng liệu Gia đình Phật tử có thật sự lành mạnh để các đoàn viên nương tựa vào đó để chuyển hóa thăng hoa không? Câu hỏi này khiến phải suy nghĩ đến nơi chốn địa phương mà Gia đình Phật tử đang hiện hữu. Nơi đó có phải là một môi trường lành mạnh có đầy đủ điều kiện đáp ứng được nguyện vọng và mục đích của Gia đình Phật tử không? Dù câu trả lời có lạc quan hay bi quan, nếu muốn chuyển nghiệp thì Gia đình Phật tử cũng phải biết phối hợp tình Lam và Trí Tuệ để làm đẹp Chánh báo và Y báo.

Để thành tựu sự nghiệp này Gia đình Phật tử cần chịu đựng gian khổ, nhẫn nại, kiên trì và biết chờ đợi. Trong thời gian chờ đợi, Gia đình Phật tử tập thấy đúng con đường mình đi, suy nghĩ đúng những bước đi của mình, thảo luận đúng những chương trình kế hoạch, phân công phân nhiệm đúng người đúng việc, nhận lãnh đúng nhiệm vụ và thi hành đúng bốn phần, luôn luôn tinh tấn với Phật pháp và ổn định đúng vị trí của mình, dù cho ai "nói quàng nói xiên" Gia đình Phật tử cũng "vững như kiềng ba chân."

Chúc em một mùa Xuân mới, một nguyên lực mới và một đạo lực mới để cùng cất cao lời ca "quyết tâm xây dựng ngày mai," quyết tâm chuyển hóa Nghiệp báo, Chánh báo và Y báo.

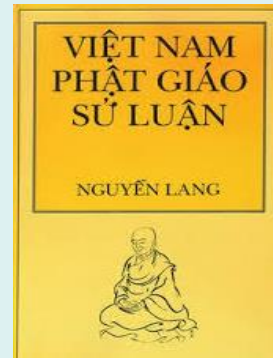
Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nguyễn Phương – Hoàng Cang

SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG

(Chương XIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

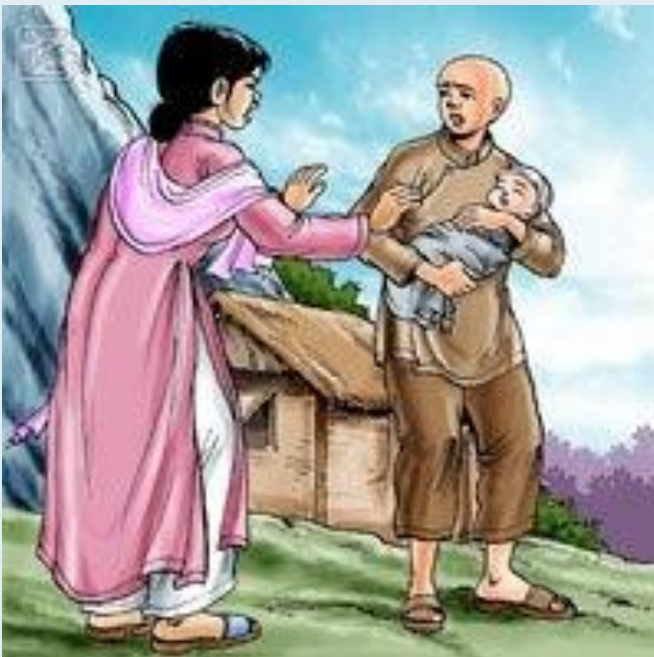
Nguyễn Lang



Kỳ 3 (tiếp theo kỳ trước)

QUAN ÂM THỊ KÍNH

Sự tích Quan Âm Thị Kính cũng được đem ra hát chèo. Trong tích Chèo, có nhiều đoạn được hát theo điệu kể hạnh và hát kệ. Truyền Nôm *Quan Âm Thị Kính* chưa biết do ai sáng tác và sáng tác vào thời đại nào. Nhưng so sánh tích chèo Quan Âm Thị Kính với truyện Quan Âm Thị Kính bằng thơ lục bát thì ta thấy chèo Quan Âm Thị Kính là một tác phẩm do dân quê sáng tác và trình diễn, còn truyện thơ Quan Âm Thị Kính thì lại do một thi sĩ cổ kiến thức về Nho học và Phật học sáng tác. Điển tích sử dụng trong truyện thơ Quan Âm Thị Kính làm cho truyện thơ này khó hiểu hơn, và do đó ít được dân quê mến chuộng bằng tích chèo. Ta có thể nói rằng tích chèo ra đời trước truyện thơ rất lâu, có thể đến hàng thế kỷ. Nhưng khi truyện thơ Quan Âm Thị Kính ra đời, tích chèo Quan Âm Thị Kính lại bị truyện thơ Quan Âm Thị Kính ảnh hưởng trở lại về phương



diện văn chương. Tích chèo Quan Âm Thị Kính có nhiều bản khác nhau, bởi vì đây là văn học truyền miệng, lại phải thay đổi thêm bớt cho thích hợp với những địa phương trình diễn. Một trong những bản ấy được khắc bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ quốc ngữ thì đều là những bản viết tay. Vũ Khắc Khoan có ấn hành một bản bằng quốc ngữ tại Sài Gòn năm 1966: bản này hình thành do sự góp trí nhớ của nhiều nghệ sĩ ngành chèo có mặt tại Sài Gòn hồi đó (40).

Nội dung của tích chèo Quan Âm Thị Kính và truyện thơ Quan Âm Thị Kính là một. Thị Kính pháp danh Kính Tâm là một trong những hóa thân của Đức Quan Thế Âm. Cốt chuyện như sau: Có một chàng trai xuất gia và tinh tiến tu hành liên tiếp trong chín kiếp. Đến kiếp thứ mười, tức là kiếp chót mà chàng thành Phật, chàng thác sinh làm một người con gái nhà họ Mãng, huyện Hồ Nam, quận Lũng Tài, thành Đại Bang, nước Cao Ly. Tên nàng là Thị Kính, có tài, có sắc, và đầy đủ đức hạnh. Lớn lên, nàng được cha mẹ gả cho chàng Thiện Sĩ họ Sùng. Thiện Sĩ lo việc đèn sách còn nàng lo việc nội trợ. Một đêm, trong khi đọc sách, Thiện Sĩ thấy mệt thì liền ngã lưng xuống ngủ. Thị Kính ngồi may áo một bên, trông thấy một sợi râu mọc ngược bên cạnh cằm của chàng, liền cầm dao lên định cắt sợi râu. Không ngờ trong lúc ấy Thiện Sĩ tỉnh dậy, tưởng là vợ định giết mình, bèn la lối lên. Thị Kính cố hết sức giải bày mà nhà chồng vẫn hết sức ngờ vực; cuối cùng nàng bị đuổi về nhà cha mẹ. Buồn chán cho tình đời. Thị Kính cải dạng nam trang, xin đi tu ở một chùa thật xa, tên là chùa Vân với pháp danh Kính Tâm. Dù ăn mặc nâu sồng, vẻ tuấn tú của chú tiểu vẫn làm cho trái tim của các cô gái trong làng thổn thức. Thị Mầu, con gái của phú ông trong làng, một hôm đi lễ chùa, thấy Kính Tâm liền đem lòng yêu dấu, tìm cách quyến rũ. Kính Tâm một mực khước từ. Phần chí, cô con gái nhà phú hộ một đêm kia tư thông với một người đầy tớ trai rồi chữa hoang. Dân làng bắt khoán về việc chữa hoang. Khi bị tra hỏi, Thị Mầu đổ oan cho Kính Tâm. Kính Tâm bị tra khảo, nhưng một mực vẫn không nhận tội. Vị trú trì chùa Vân thấy vậy xót

xa liền xin bảo lãnh Kính Tâm, chịu nộp phạt mang Kính Tâm về. Ông cho chú ở tạm ngoài cửa Tam quan chùa vì sợ người trong làng mai mỉa. Thị Mầu sinh được một trai, không biết mang đi đâu, liền đem ra đặt ở cửa Tam quan chùa. Kính Tâm bối rối nhưng rồi quyết định nhận đứa bé. Mỗi ngày chú phải đi xin sữa nuôi con, mặc cho người trong xóm cười chê. Khi đứa bé lớn khôn, biết nói, thì sức khỏe chú đã mòn mỏi, chú viết một bức thư để lại cho cha mẹ, kể hết sự tình và dặn dò con sau khi mình chết thì trao lại cho sư cụ trú trì. Sau đó người ta mới biết chú là gái. Trong lúc lập đàn làm chay cầu cho Kính Tâm siêu độ, thì Phật Thiên Tôn hiện ra trên mây ngũ sắc truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Theo tích chèo thì, sau khi nghe Phật truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm, sư cụ chùa Vân liền hát theo điệu kể hạnh:

*"Nay bà Thị Kính hóa duyên
Nam mô Phật, độ vô biên hằng hà
Hóa thân được cả mẹ cha
Kìa là bạn cũ, nọ là con thơ
Thế gian trông thấy sờ sờ."*

Ý của sự cụ là khi Thị Kính chứng quả, nàng có thể độ luôn được cả mẹ cha, Thiện Sĩ, đứa con thơ và vô biên hằng sa số người khác. Như vậy nghĩa là tu theo đạo Phật cũng có thể đền đáp công ơn cha mẹ và giúp đời cứu người, chữ hiếu, chữ nhân trọn vẹn, và đạo Phật không trái, chống với nguyên tắc Nho giáo. Điểm này trong truyện thơ được diễn tả dài dòng hơn. Sau khi biết rõ nỗi oan của Kính Tâm, dân làng bắt Thị Mầu phải để tang và trả mọi chi phí cho việc tổ chức đám tang, ma chay và chôn cất. Cha mẹ Thị Kính sau khi nhận được thư, tức tốc tới tìm, vừa kịp để dự trai đàn. Thiện Sĩ cũng đi theo với họ. Tất cả đều được trông thấy cảnh đức Phật hiện ra và truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Ông bà họ Mãng và đứa bé cũng được lên tòa sen. Thiện Sĩ cũng được hóa thành chim vẹt bay hầu một bên tòa sen:

*"Ai hay phép Phật nhiệm mầu
Có khi nước Trúc ở đâu cũng gần
Giữa trời một đóa tường vân
Đức Thiên Tôn hiện toàn thân xuống đàn
Vân vân tỏ dạng tường loan
Đồng phan, bảo cái giao hoan âm thân
Truyền cho nào tiểu Kính Tâm
Phi thăng làm Phật Quan Âm tức thì
Lại thương đến đứa tiểu nhi
Lên tay cho đứng liền khi bấy giờ
Kìa như Thiện Sĩ lơ lơ
Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên
Độ cho hai khóm xuân huyền
Ra tay cầm quyết bước lên trên tòa
Siêu thăng thoát cả một nhà
Từ đây phúc đặng hà sa vô cùng."*

Tích chèo Quan Âm Thị Kính, có mục đích kể lại sự tích của Quan Âm Thị Kính nhưng vì khán giả chèo đa số là dân chúng nơi thôn xóm nên rất có tính đại chúng và dân tộc. Những



phong tục, tập quán và lễ lối cảm nghĩ phản chiếu rất trung thành nếp sống của người Việt. Ngoài những lối hát ru kệ, vãn kệ và nói hạnh, tích chèo còn sử dụng nhiều lối hát và nói khác như hát vìa, hát cách, hát sa lệch, hát điệu lão say, hát xấp, hát ba vãn, hát ba chan, hát cầm giá, hát đúm, nói chúc, nói kệ, nói đэм, nói lệch, nói lảng, ngâm thơ, luyện cầm giá, rao, sử, sử xuân, sử rầu, v.v... Những điệu bộ và cử chỉ cũng được cách điệu hoá, nhiều khi trở thành những điệu múa. Đặc tính hài hước trong vở chèo rất đậm. Người dân quê cười rất dễ dàng. Nhưng cái cười có thể trở nên dí dỏm, đôi khi ác liệt với mục đích chế riễu những thói rởm, tật xấu, những cường hào ác bá, những kẻ đạo đức giả (41).

Tuy truyện thơ Quan Âm Thị Kính được sáng tác về sau nhưng vì sự tích Quan Âm Thị Kính đã được lưu truyền hàng thế kỷ trước cho nên nhân tiện đây ta cũng xét qua về tác phẩm này. Truyện thơ Quan Âm Thị Kính hiện chưa biết đã được sáng tác vào năm nào. Xét lời văn thì có thể tác phẩm này ra đời giữa thế kỷ thứ mười chín, sau Truyện Kiều ít lâu.

Có một câu trong tác phẩm hình như là chịu ảnh hưởng Truyện Kiều, đó là câu: "Gia tư thì cũng bậc trung" dùng để diễn tả gia đình họ Mãng. Ta cũng không biết bản Nôm đầu tiên được ấn hành vào năm nào. Bản in đầu tiên bằng chữ quốc ngữ là do bà Phan thị An phiên âm, hiệu đính và chú thích. Bản này được Nguyễn Văn Vĩnh ấn hành năm 1911. Bản này có 788 câu lục bát và một lá thư của Kính Tâm

viết cho cha mẹ bằng văn biền ngẫu. Như ta đã biết, tác giả dùng điển tích hơi nhiều, ví dụ những câu sau đây nói về Thiện Sĩ:

"*Sinh chàng Thiện Sĩ là trai
Qua vòng tổng giác, mới ngoài gia quan
Kể điều tài mạo cũng ngoan
Gã Tào kiếp trước chàng Phan thân này
Đã trông bạch bích gioảnh đây
Còn chờ bối phụng chưa vầy bạn loan
Thư trung đành có ngọc nhan
Sách đèn còn mắc buông màn Đổng
Xuyên."*

Truyện thơ Quan Âm Thị Kính như vậy không thể liệt vào loại văn học dân gian, dù đề tài và nội dung có tính cách đại chúng. Về phương diện văn chương, truyện thơ Quan Âm Thị Kính có giá trị hơn những tác phẩm Phạm Công Cúc Hoa và Nam Hải Quan Âm rất nhiều. Ta thử đọc một vài đoạn sau đây thì biết; trước là đoạn tả Kính Tâm nhớ nhà lúc mới xuất gia:

"*Vâng lời Lãng cảnh Ngọc Phương
Khêu đèn Bát Nhã, gióng chuông Tam
Thiền
Chân kinh ghi chữ tâm truyền
Chức tòa Long Nhiễu, vui miền Hồ Khê
Đôi cón tưởng nỗi hương quê
Người đi ngàn dặm lòng về năm canh
Sự mình mình ngỏ với mình
Nặng tình cũng phải nén tình làm khuây
Này gươm trí huệ mài đây
Bao nhiêu phiền não cắt ngay cho rồi
Hương xông pháp giới ngùi ngùi
Thông nung trống kệ, trúc hồi mõ
kinh..."*

và sau đây là đoạn tả Kính Tâm lúc bị ở riêng ngoài Tam quan chùa:

"*Vâng lời ra ở thiên môn
Trong tòa phương trượng dám còn vào
ra
Nương mình bên cụm cúc hoa
Một hai chồi trúc, đôi ba khóm tùng
Gương mình nguyệt quạt thanh phong
Cười cùng thiếu nữ bạn cùng thuyền
quyên*

*Lấy chi làm chuyện giải phiền?
Quyển kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa
Bạch vân khuất nẻo xa xa
Song thân ta đây là nhà phải không?"*

Truyện thơ Quan Âm Thị Kính là một tác phẩm hay, cần được đặt đúng địa vị của nó trong văn học sử Việt Nam.

(còn tiếp)

(40) Vở chèo Quan Âm Thị Kính, Vũ Khắc Khoan giới thiệu, nhà xuất bản Đào Tấn, Sài Gòn, 1966

(41) Vũ Khắc Khoan, Vở chèo Quan Âm Thị Kính, Sài Gòn, 1966.

LỜI MẸ KHUYÊN

*Ngài là một vị thiền sư
Kiêm luôn học giả đã từ lâu nay
Giỏi về chữ Phạn lắm thay.
Khi còn niên thiếu thường hay đăng đàn
Trở tài thuyết giảng giỏi giang
Cho đồng môn khắp đạo tràng cùng nghe.*

*

*Thời gian trôi, tiếng đồn về
Mẹ ngài bèn gửi thư đi cho ngài:
"Con ơi! Mẹ nghĩ kỹ rồi
Hiển mình cho Phật, cho nơi đạo mầu
Con chưa đạt được tốt đâu
Vì con còn muốn lao xao nhiều bề
Trở thành 'từ điển biết đi'
Thành 'từ điển sống' thỏa thê tiếng đời,
Dù con thuyết giảng cho người
Muôn câu uyên bác, muôn lời cao xa
Để rồi thiên hạ ngợi ca
Vinh quang, danh dự ngấm ra đáng gì.
Hãy mau dứt cái trò hề
Ngưng đi diễn thuyết! Quay về tỉnh tu!
Giữ cho lắng đọng tâm tư
Hành thiền trong chốn thâm u xa vời
Vào thiền viện, lánh bụi đời
Về vùng tĩnh lặng khuất nơi non ngàn
Hiển dáng tất cả thời gian
Chuyên tu thiền định cho an tâm mình
Có như vậy mới đạt thành
Đỉnh cao chứng ngộ chân tình cầu mong!"*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo A Mother's Advice
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)



ĐẠO PHẬT, KHOA HỌC, LÝ TRÍ VÀ TÌNH CẢM

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh

Chúng ta thường mặc nhận rằng tình thương đem lại hạnh phúc. Theo Phật giáo, tình thương trần tục (love) không tạo được hạnh phúc lâu dài vì nó phát xuất từ tình cảm tham ái của cái tôi. Chính tử bi (loving-kindness) mới dẫn ta đến cõi bình yên thật sự và vĩnh viễn vì tình thương này đặt căn bản trên lẽ phải hay luật tự nhiên không thay đổi của vũ trụ (pháp) do trí tuệ nhận biết, không lệ thuộc vào bản ngã.

Trong ngôn ngữ thông thường người Việt dùng chữ "tâm" để chỉ tấm lòng tốt, ví dụ như trong câu Kiều, "*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*" Nếu nói đến lòng dạ xấu xa thì chữ tâm có diễn từ đi kèm theo, như trong câu "khẩu phật tâm xà." Thêm nữa, khi chúng ta nói đến "tấm lòng" hoặc dùng chữ "tâm," chúng ta thường nghĩ đến tình cảm nhiều hơn lý trí như trong câu "Bạn bè tâm giao đối với nhau thật hết lòng, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau không hề đắn đo suy nghĩ."

Tình thương theo nghĩa đại chúng chứa đựng lòng vị kỷ. Chúng ta thương con cháu *của mình* nhưng không thương con cháu hàng xóm. Chúng ta thương bà con *của mình* chứ không thương người đứng nước lã. Chúng ta thương dân tộc *của ta* nhưng kỳ thị dân tộc nước khác. Tôi thương, tôi tiếc, tôi giận giận khi con chó xinh đẹp *của tôi* bị trộm. Tôi tình bơ khi nghe nhà hàng xóm vừa bị mất con chó khôn ngoan đắt tiền của họ. Tại sao? Tại vì những gì mình thương, mình tiếc, mình tức giận trong các ví dụ vừa kể đều là *của tôi* lấy *cái tôi* làm trọng tâm. Theo Phật giáo, mặc dù cái tôi là một ảo ảnh chứ không có thật, nó là cha đẻ của tham sân si; hành động theo tham sân si của bản ngã chỉ gây đau khổ chứ không đạt đến hạnh phúc thực sự như ta lầm tưởng. Nếu không phải lệ thuộc vào khái niệm *sở hữu*, ít khi mình phải khổ. Chính vì tham ái mình mới khổ.

Nếu chúng ta hiểu chữ *tâm* trong Đạo Phật theo nghĩa tình cảm thì đó là một sự hiểu lầm quan trọng. Vì tham ái, tình cảm gây ra bám víu, lệ thuộc và từ đó gây ra sân hận. Mình thương con nên muốn chúng nó ở gần; chúng nó đi xa thì mình buồn nhớ; chúng nó tự ý dọn đi ở xa mà không phải vì công ăn việc làm thì mình buồn giận. Cha mẹ thương con đến ngày Tết "lì xì" thật nhiều tiền, đến lễ Giáng sinh cho

quà xài không hết trong khi trẻ mồ côi thiếu đói có đến xin thì cũng chỉ cho lấy lệ năm ba đồng. Cái chết là vĩnh viễn xa lìa làm mình không sao còn nơi bám víu được nữa nên ai cũng đau khổ khi người thân vừa mãi mãi lìa đời. Nhưng hàng xóm chết mình có thể đi đưa đám chứ không khóc than buồn chán đến mất ăn mất ngủ. Tình thương trên căn bản sở hữu (của ta) hay tình thân (với ta) thuộc bản tánh vị kỷ của cái tôi. Tham ái và sân hận dẫn đến đau khổ thù ghét khi bị mất mát hay tranh giành. Tình thương này chứa đầy lệ thuộc khiến cho người thương và người được thương lo sợ bị mất mát, phát sinh hận thù khi bị chiếm đoạt, và đều không có hạnh phúc thực sự vì tâm không bao giờ thanh thản.

Mục đích chính của Phật giáo là tìm con đường tận diệt đau khổ, tức là phải dứt bỏ hoàn toàn tình cảm vị kỷ của cái tôi. Nếu suy nghĩ, phát ngôn hay hành động của ta gây ra đau khổ dù ta lầm tưởng nó là biểu hiện của "tình thương," ta đang đi ngược lại mục đích *diệt khổ* của đạo Phật. Nếu ta sống theo cái tâm tình cảm như ta thường hiểu, ta sẽ gây nhiều đau khổ cho chính bản thân mình và cho cả những ai có liên hệ với mình vì tâm luôn bất định hay đổi thay tựa như con khỉ nhảy nhót lung tung. Vì vậy, trong cuộc sống chúng ta thường gặp bao nhiêu đau khổ vì sự thay lòng đổi dạ của con người. Nếu không suy nghĩ theo giáo lý của Phật, ta có thể ngạc nhiên hỏi sao có thể dứt bỏ tình cảm khi Phật giáo nhấn mạnh tình thương?

Như tôi trình bày ở phần mở đầu, tình thương Phật giáo muốn người đời lẩn tránh là tình cảm bám víu xuất phát từ dụng tâm sở hữu của bản ngã. Đạo Phật lý giải rằng tình cảm do tham ái là nguồn gốc của đau khổ. Vì muốn thoát khổ nên các tăng ni không có gia đình vợ chồng con cái và người Phật tử theo gương Phật quyết hiểu rõ và không lệ thuộc vào quan liên hệ tình cảm dựa vào ái dục. Tình thương dựa vào nhu cầu theo lẽ phải ví dụ như đem thức ăn giúp người đói, đem thức uống cho kẻ khát, đem thuốc cứu người bệnh, đem vui cho người cô độc, đem giáo dục đến kẻ ngu si, bệnh vực kẻ yếu, che chở người sa cơ thất thế mà không cần nghĩ đến *liên hệ tình cảm*

của những người mình đang giúp đỡ đối với cá nhân mình hay với gia đình và bằng hữu của mình. Đó là nghĩa cử bố thí dựa trên *tâm từ bi*.

Trong khi tình thương trên căn bản sở hữu (của ta) hay tình thân (với ta) thuộc về tình cảm vị kỷ, từ bi không hàm nghĩa tham ái cho nên tình thương theo nghĩa từ bi bao la, không biên giới, không phân biệt, không *lê thuộc* vào khái niệm *của ta* hay của người, *với ta* hay với người; từ bi có đặc tính vị tha. Tình thương mà chúng ta thường nghĩ đến khác với lòng từ bi của những người tận tâm giúp đỡ dân tị nạn dù họ không quen biết. Nó khác với lòng từ bi của những người xa lạ không ngại bị lây bệnh hiểm nghèo hy sinh đi cứu nạn nhân dịch Ebola ở Phi Châu. Nó khác với lòng từ bi của những y sĩ tình nguyện trong chương trình "Y Sĩ Không Biên Giới" không ngại nguy hiểm xả thân đi cứu nạn nhân chiến tranh ngoài trận tuyến ở Syria. Từ bi không có lòng ích kỷ, không có tình cảm gắn bó mà dựa vào sự hiểu biết (tuệ - wisdom), theo lẽ phải (pháp - dhamma) là nên giúp đỡ người khác khi họ cần giúp đỡ. Đây chính là nghĩa của hai chữ tình thương hay *tâm từ* (loving-kindness) trong Phật giáo. Nó không hề hàm chứa tình cảm bám víu *lê thuộc* của cái tôi.



Khi suy ngẫm về lòng từ bi của Phật giáo, tôi thường nghĩ đến những đặc thù của văn hóa Mỹ. Một kinh nghiệm mà người Việt tị nạn cảm thấy khó hiểu là tình gia đình giữa cha mẹ và con cái ở Mỹ. Lúc ban đầu người Việt tị nạn, và có lẽ những di dân đến từ các xứ khác, cảm thấy ngạc nhiên tại sao con trẻ thường không gần gũi quyến luyến với cha mẹ mình như trong các gia đình người Á châu trong khi phụ huynh của họ rất chú tâm chăm lo cho chúng trước khi chúng trưởng thành. Ở Mỹ ai cũng bận rộn thế mà phụ huynh lúc nào cũng dành thời gian tham gia vào các hoạt động ở trong cũng như ở ngoài học đường của con mình để có dịp gần gũi và để ý hướng dẫn chúng học hành. Trong khi chúng ta thấy tình gia đình bè bạn gia tộc có vẻ không khăng khít theo quan niệm cổ truyền của Việt Nam, người Mỹ lại làm việc từ thiện rất nhiều, cho tiền viện trợ giúp người tị nạn, cứu trợ nạn nhân thiên tai, làm việc tự nguyện khắp nơi trên thế giới.

Một kinh nghiệm đáng ghi nhớ khác là mối liên hệ giữa người dân tị nạn với các gia đình bảo trợ. Lúc đầu các gia đình bảo trợ tỏ ra thật ân cần, thân thiết, tận tình giúp đỡ người tị nạn. Người Việt tị nạn rất cảm động về lòng tốt hiếm có và tình cảm nồng nàn của họ. Vì bản tính của dân Việt nhiều tình cảm và nặng lòng ân nghĩa nên dần dần chúng ta phát sinh tình thương chân thành và quyến luyến với gia đình bảo trợ như tình người thân thuộc của mình. Mới đầu gia đình bảo trợ cũng đáp lại những tình cảm quý hóa này. Rồi chúng ta cảm thấy

rất khó hiểu khi chúng ta có công ăn việc làm khấm khá, và trong đôi trường hợp vượt hơn nhà bảo trợ của mình, người ta không còn gần gũi với mình như trước. Một số chúng ta nghĩ là họ ganh tị chẳng? Tôi không nghĩ như vậy. Họ giúp mình khi cần chứ không phải vì "thương" và họ không quyến luyến bám víu với mình vì sự ân cần giúp đỡ lúc ban đầu không dựa vào tình cảm lệ thuộc mà dựa vào lý trí. Họ dần dần xa mình không phải vì ganh tị mà rất có thể họ lại bận rộn giúp đỡ kẻ khác đang cần đến họ. Đây là cái mà Phật giáo gọi là giúp đỡ theo pháp (lẽ phải) chứ không theo tình cảm riêng tư.

Sau khi thắng trận Nội Chiến 1861-1865 vì vấn đề bãi bỏ chế độ nô lệ, miền Bắc không trả thù miền Nam như Chính phủ Hà Nội đối với dân miền Nam Việt Nam sau 1975. Sau Thế

Chiến II, hai kẻ thù gây cho Hoa Kỳ nhiều thiệt hại và thách thức nhất, Đức và Nhật, không những không bị trả thù mà còn được người Mỹ tích cực tài trợ và hướng dẫn tái thiết một cách cực kỳ nhanh chóng và hiệu quả. Phải chăng đây là một sự kiện phản ảnh tinh thần Bồ Tát Đạo trong Đạo Phật rõ rệt nhất trong lịch sử cận đại của nhân loại?

Tình thân từ, bi, hỷ, xả dựa vào lý trí chứ không dựa vào tình cảm thông thường của người đời. Tình cảm vị kỷ của cái tôi chứa đựng tình thân sở hữu bám víu gây ra nuối tiếc, giận hờn, thù ghét, đau khổ. Lý trí vị tha của Bồ Tát Đạo loại bỏ tình cảm do tham sân si sinh ra để đem lại hạnh phúc lâu dài, tức là sự bình thản của tâm. *Tôi* mạo muội tiên đoán đất Mỹ có thể là nơi phục hưng của Phật giáo đời nay và tương lai. Nhà bác học vĩ đại nhất của thế kỷ 20, Albert Einstein, nghĩ rằng nếu tương lai của nhân loại đạt đến một tôn giáo đại đồng, Phật giáo có thể chính là tôn giáo đó. Ông nói rằng, "*Nếu có một tôn giáo nào có thể đối phó được với nhu cầu của khoa học hiện đại, đó sẽ là Phật giáo*" vì lẽ, cũng như khoa học, Phật giáo hoàn toàn để tâm tìm hiểu thế giới ở quanh mình. Hơn thế nữa, tôi muốn được phép nêu rõ một điểm quan trọng là trong khi khoa học không chú tâm đến đạo đức, Phật giáo nhấn mạnh con đường đạo đức hướng dẫn các hoạt động của tâm khẩu ý đi theo lẽ phải. Triết gia lừng danh của Pháp, Bertrand Russell, bảo rằng Đức Phật là vị thầy duy nhất mà ông kính trọng vì Ngài "*hiểu rõ chân tướng của vạn vật*."

Đạo Phật và khoa học không hoàn toàn khác nhau vì cả hai đều đặt nền tảng trên lý trí và quan sát thực nghiệm. Sự khác nhau chính là *phương pháp và cứu cánh*. Trong khi khoa học dùng quan sát bằng ngũ quan và dùng thí nghiệm kiểm chứng những kinh nghiệm do quan sát ghi nhận về thế giới hiện tượng bên ngoài để suy luận ra các nguyên tắc vận hành

của vũ trụ, thì Phật giáo dùng thiền quán để đi đến cùng một mục đích. Trên bình diện lý thuyết chúng ta thường cho Phật giáo là duy tâm và siêu hình vì Phật giáo nhìn vào cái tâm để tìm hiểu chân tướng của hiện tượng một cách trực tiếp (direct experience), hay là trực giác (intuition), hiểu biết ngay tức thì khi vừa đạt giác ngộ mà không phải biện luận dẫn chứng qua kinh nghiệm của năm giác quan như khoa học thực nghiệm.

Một điểm khác biệt chính của khoa học là hiện tượng khoa học khảo sát là hiện tượng hữu hình. Tuy thế, như chúng ta đã thấy, những kết quả quan sát của khoa học quan trọng nhất cho đến nay khởi đầu từ công thức toán học trừu tượng trước khi được thực nghiệm kiểm chứng như công thức về năng lượng $E = mc^2$ của Einstein. Kể từ Thế kỷ XX khoa học đã khám phá ra rằng nguyên tử chưa phải là vật thể nhỏ nhất nhưng nó còn chứa đựng các thành phần nhỏ hơn mà khoa học chưa xác định một cách khẳng định là chúng là thành phần căn bản của vật chất. Cho đến nay chưa thí nghiệm nào đã có thể "thấy" được những vật thể này qua những dụng cụ khoa học tân tiến nhất. Các vật thể này chỉ được "biết" qua những phương pháp toán học do suy luận nội tâm khám phá chứ không do ngũ giác quan sát ngoại cảnh.

Sự khác biệt chính giữa **Phật giáo** nói riêng, và tôn giáo nói chung, và khoa học là mục đích tối hậu của mỗi bên. Khoa học tìm hiểu chân tướng của thế giới vật chất nhằm mục tiêu cuối cùng là kiến thức đáp ứng cho sự tò mò của trí tuệ và nhu cầu của đời sống vật chất rồi lệ thuộc vào nó. Phật giáo không xem kiến thức về thế giới hữu hình và vô hình là cứu cánh cuối cùng. Cứu cánh cuối cùng của Phật giáo là *đạo đức của đời sống hiện tại, và giải thoát khỏi kiếp luân hồi trong tương lai.*

Đã có nhiều khám phá căn bản và quan trọng nhất của Đức Thích Ca trên hơn 25 thế kỷ trước đây đã được khoa học hiện đại cụ thể chứng minh như vật chất trống rỗng (emptiness), luôn luôn thay đổi (change) và không vĩnh viễn (impermanence). Một đặc tính cần phải có để được gọi là "khoa học" cũng là đặc tính của Phật học, đó là những hiện tượng do Đức Phật **tìm** thấy bằng thiền quán **theo bát chánh đạo** đều có thể được mọi người tự mình tìm được nếu có công tu tập theo bát chánh đạo để đạt đến trạng thái giác ngộ hay **niết bàn**. Ngoài ra, Phật giáo có một đặc tính mà thường ngày ít ai nói đến hoặc biết đến là tính chất *thực nghiệm* trong đời sống. Đã có bao nhiêu học giả tu sĩ và cư sĩ có kiến thức vô cùng sâu rộng về lịch sử cũng như lý thuyết Phật học; các vị này có thể dạy lại cho bao nhiêu đời vẫn chưa hết kiến thức uyên thâm về Phật học của họ. Tuy thế, chưa chắc các vị đó đạt được giải thoát khỏi kiếp luân hồi vì họ chưa thực hành đúng mức. Có ai hiểu biết và nhớ lời Phật dạy bằng vị hầu cận của Ngài là

Ananda, nhưng vị đệ tử thông minh trung thành này chưa đạt được quả vị hoàn toàn giải thoát sau 25 năm luôn luôn ngày đêm ở kệ bên Phật vì Đức Ananda than khóc buồn tuổi khi Phật tịch; điều này chứng tỏ rằng người em chưa hoàn toàn dứt bỏ được tình cảm bám víu cá nhân của mình đối với Đấng Giác Ngộ.

Theo Phật, lý thuyết không quan trọng bằng *thực hành theo cái tâm trong sạch*. Không cần phải hiểu biết Phật học hơn người nhưng cốt yếu phải thành thật hiểu rõ rằng cái tôi không có thật, và tránh lấy cái tôi ảo tưởng làm căn bản cho thân khẩu ý trong đời sống của mình thì mới gột bỏ được hoàn toàn tham sân si. Chính vì thế mà mình không nhất thiết phải qui y Tam Bảo mới tìm được giải thoát hay niết bàn. Nhiều tôn giáo khác nhau gọi nơi an nghỉ cuối cùng của con đường giải thoát bằng nhiều danh từ khác nhau nhưng tựu trung lại chỉ có hai nơi là chốn dừng chân sau một đời là thiên đường hay cõi phúc dành cho những ai sống đời đạo hạnh thực hành tâm thiện, và địa ngục dành cho những ai sống đời vô đạo đức hành động theo tâm ác. Khi tâm không còn vẩn đục vì tà kiến thì ai cũng được lên thiên đường; khi tâm còn bị kiềm tỏa bởi cái tôi ảo tưởng và tánh bất thiện của thân khẩu ý thì không sao tìm được cõi phúc bất chấp là theo đạo nào.

Nếu chúng ta dùng lý trí để suy diễn từ hai sự thật vừa kể, tín ngưỡng có mục đích nhắc nhở con người hiểu đúng hai sự thật này để giúp chúng ta sống theo chân thiên mỹ của *lẽ phải* để tìm gặp được hạnh phúc dài lâu. Nếu tín ngưỡng duy trì tính cách cục bộ cho rằng chỉ có đạo của ta là chánh đạo và tất cả các tôn giáo khác đều là tà đạo thì Phật tử sẽ lầm vào tà kiến mà nghĩ rằng ngoài những ai qui y Tam Bảo như Đức Dalai Lama, còn mọi người khác như bạn thân của ngài, Tổng Giám Mục Desmond Tutu, hay Giáo Hoàng Francis, hay những tín đồ chân chính thật lòng thực hành tử bi hỷ xả qua thân khẩu ý của những tín ngưỡng khác như Tin Lành, Thiên Chúa, Bà La Môn, và Hồi giáo tất cả chết đều về địa ngục hay sao? Lý trí cho chúng ta suy nghiệm được rằng nếu đạo của tôi giúp hành động, lời nói và ý nghĩ của tôi trong đời sống hằng ngày luôn luôn dựa trên con đường hướng về toàn thiện, diệt bỏ được tham sân si thì đây là chánh đạo, dù có tên nào cũng được. Bản chất của Phật giáo là *hiểu biết bằng lý trí và thực hành qua tâm khẩu ý* chứ không phải chỉ lý thuyết suông.

Tóm lại, Phật giáo và khoa học có nhiều điểm tương đồng tuy rằng trong khi khoa học có mục đích đem đến tiến bộ vật chất, Đạo Phật có mục đích đem lại tiến bộ tinh thần. Điều chúng ta cần ghi nhớ là cũng như khoa học, Phật giáo không dựa vào tình cảm mà lấy lý trí làm ngọn đuốc soi đường đi tìm chân lý.

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh
(Thành kính tri ân Thầy Tâm Hạnh góp ý về các từ ngữ Phật học)

Vu-lan đặc biệt

NGUYỄN VĂN SÂM

(Kính tặng thầy Nguyễn T.)

Trong đời tôi và bạn chắc chắn chúng ta đã từng dự nhiều lễ Vu Lan của Việt Nam hoặc Ngày Của Mẹ của Mỹ. Cứ mỗi lần như vậy chúng ta lại có những cảm xúc đặc biệt tùy theo hoàn cảnh và sự tổ chức lúc đó, tuy nhiên cảm thức cá nhân mỗi người mỗi khác...

Vừa qua tôi có hân hạnh dự một buổi lễ Vu Lan khá đặc biệt trong một **đạo tràng** nho nhỏ và thân tình ở Santa Ana do một gia đình Phật Tử rất khiêm cung và thân thiện chủ trì.

Mọi thứ đều đơn giản. Bàn thờ Phật chưng hoa quả tươi sáng nhưng không trần ngập. Tượng Phật Thích Ca và tượng Phật Quan Âm cao vừa phải, chiếm vị trí khiêm nhường trên bàn thờ, không gây cho Phật tử cảm giác bị đè bẹp khi nhìn những bức tượng quá đồ sộ. Gần đây tôi có cảm giác những bức tượng thờ ở hải ngoại này càng lúc càng lớn theo thời gian, nơi thờ phượng như thên thành lộng lẫy hơn. Và số lượng sư sãi dự lễ nhiều lúc đông xấp xỉ số Phật tử tham dự, riêng sự giới thiệu và sắp xếp nơi an vị không thôi cũng chiếm mất thời gian dài trong những buổi lễ long trọng...

Đạo tràng sánh với những nơi thờ tự khác giống như một khu phố nhỏ yên tĩnh với nơi phần hoa đô hội của thành phố lớn tràn ngập những nhà lầu cao tầng choáng ngợp. Có thể tôi nghĩ theo cách trần tục đời thường khi so sánh như vậy, nhưng theo tôi **đạo tràng** có được tính cách đơn giản và thân mật, thân mật giữa nhà sư làm lễ với Phật tử, thân mật giữa tín hữu bạn đạo, đơn giản trong sự cúng kiếng và nghi thức.

Thầy làm lễ, đọc kinh, đánh chuông, gõ mõ, khách tham dự có thể nghe từng lời, thấy từng cử chỉ của Thầy. Không có sự lo ra xáo lã hay vì sự chật hẹp đông đúc mà phải có mặt chỉ để có mặt, càng không có sự kiện đứng xa xa bên ngoài trao đổi riêng tư hay kéo rít một hai hơi thuốc lá.

Sau thời kinh và buổi thuyết pháp của Thầy là phần đặc biệt riêng cho Lễ Vu Lan. Mỗi Phật tử được tặng một bông hồng vàng, thay vì màu trắng hay màu đỏ như sự tượng trưng thông thường trong mùa *Vu Lan báo hiếu*. Tình thương Mẹ ở trong trái tim con. Ai ai cũng có Mẹ nên đều có bông hồng. Không phân biệt Mẹ

đã mất hay Mẹ còn sanh tiền bằng sắc hoa màu nhớ. Chỉ có Mẹ ở trong tim con, đó mới là chân lý vĩnh cửu.

Thay vì kể chuyện về sự hiếu hạnh của ngài Mục Kiền Liên hay những gương hiếu của Tàu trong *Nhị Thập Tứ Hiếu* hoặc vài câu chuyện trong sách Phật, hay gần đây nhất là cô Hoa Hậu Thái Lan đã quỳ lạy người Mẹ bán vé chai lam lũ của mình khiến bao người xúc động, Thầy lại bắt đầu kể về tình thương bao la của mẹ Thầy khi lo lắng săn sóc đứa con trẻ quyết chỉ đi tu. Thầy khóc vì mình đã làm khổ mẹ khi chỉ lo hoàn thành ý nguyện tu hành mà nhẹ tình gia tộc. Sau này mỗi khi nhớ đến Mẹ, Thầy đều có cảm thức rằng mình bất hiếu và chỉ mong ước được trở về bên cạnh mẹ thôi. Sự nghẹn lời của Thầy làm mọi người lặng yên trong xúc động.

Câu chuyện Thầy kể khiến cho Phật tử thấy sự xung đột giữa tình Hiếu và tình Đạo, một điều không phải ai cũng được cơ duyên để nghe. Rồi Thầy mời những ai muốn nói về Cha Mẹ mình lên kể chuyện. Lời kể có thể không văn hoa, câu chuyện có thể không suôn sẻ, nhưng chắc chắn được nói lên với sự thật và bằng tình thương mẹ vô bờ mà cá nhân người Phật tử đó bao năm nay ôm ấp trong lòng và có thể chưa bao giờ bộc bạch tâm tình riêng tư trước đám đông.

Nhân cơ hội này nhiều vị đã thú nhận trong thời trẻ mình đã từng làm cho Mẹ buồn. Những hối tiếc vì mình mãi lo bon chen trong sống biển tiền tài danh vọng mà quên vấn an chăm sóc mẹ, mãi lo cho con cái, gia đình mà không chú ý tới tâm tình u uẩn ít bộc lộ của Mẹ... Mỗi câu chuyện là một cảm xúc tràn ngập khiến người nghe phải rưng nước mắt.

Buổi lễ kết thúc trong tình thân hoan hỉ, như anh chị em chung một mái nhà ấm cúng mà Thầy là một biểu tượng tinh thần đầy an nhiên tự tại ngoài những giá trị khác còn *có tác dụng nối kết thâm tình của các bạn đạo*. Đây là điều hiếm thấy khi sinh hoạt tôn giáo ở những nơi ồn ào náo nhiệt khác. Phải chăng đó là một



ưu điểm nên ngày càng có nhiều hình thức **đạo tràng** dành cho các đạo hữu muốn tìm nơi thanh tịnh để tu tập, tham thiền.

Buổi lễ Vu Lan mới vừa được dự cho tôi những cảm xúc đáng nhớ bằng những giọt nước mắt hoen mi của Thầy, bằng câu chuyện đứa con đê bể hết rổ bánh tráng của mẹ để bắt bà bỏ một buổi bán theo mình về nhà, bằng câu chuyện cái áo cũ, dòng sông xưa nhưng mẹ nay đã không còn...

Khi gõ những dòng này bên tai tôi văng vẳng câu hát thấm vô tim nghe từ thời còn rất nhỏ: "*Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Lời Mẹ tha thiết như đồng lúa chiều rì rào...*"

Ồi tình Mẹ qua bài ca chỉ đến trong tâm tưởng thôi cũng đã lấy nước mắt bao nhiêu người, kể cả nhóm lính chiến tuổi thất thập mới vừa thú nhận rất dễ thương trên net: "*Vu Lan, những tháng giã nhớ Mẹ.*"

Muôn đời những đứa con luôn nhỏ nhoi trước đấng sinh thành.

Từ sinh hoạt Vu Lan cách này, tôi nghĩ là chúng ta nên bước về phía cải cách trong những nghi thức lễ lạc thường có. Chẳng hạn ma chay, cúng kỵ thay vì ai cũng nói lời thương tiếc trùng lặp đến nỗi nhàm chán hay tổ chức ăn uống linh đình (như trong nước) thì nên tạo dịp cho người đến viếng hay con cháu trong gia đình nói về một hành trạng, một kỷ niệm nào đó của người đã khuất, vừa tạo được không khí ấm cúng thân tình mà vẫn giữ được sự tôn kính trang nghiêm, lại có ý nghĩa.

Tóm lại, nhân dự buổi lễ Vu Lan 2016, tại một đạo tràng nhỏ trong vùng Cali, tôi thoáng thấy cần có sự cải tiến từ từ trong cách cúng tế hay hành lễ của người Việt Nam dù đang ở đâu trên thế giới này. Không phải cho lễ Vu Lan thôi mà cả các lễ khác nữa. Chẳng hạn không cần đúc tượng to, tạo thói quen không chưng bày hoa quả nhiều. Bớt đi nhang đèn, bỏ hẳn chuyện đốt giấy tiền vàng mã. Kinh tụng nên thay bằng thứ tiếng Việt dễ hiểu. Chùa chiền cần có nhiều phòng ốc nhỏ nhỏ đủ cho một hai vị Thầy sinh hoạt với nhóm theo từng đề tài nhỏ của buổi lễ ngay sau nghi thức lễ thay vì bài giảng chung nơi sảnh đường mênh mông, một thầy thuyết pháp cho toàn thể thỉnh chúng, Phật tử nghe tiếng được tiếng mất, quý vị sư sãi ngồi như những pho tượng sống mỗi môn...

Đời là dòng thời gian cải tiến, tôi chắc chắn rằng khi xưa Đức Phật chẳng dùng chuông mõ, chắc chắn rằng lễ Vu Lan trước đây bảy tám chục năm Việt Nam ta chưa có tục gắn bông hồng. Vậy thì những thay đổi xét ra phù hợp với thời đại mới cũng cần nên có.

Biết đâu những **đạo tràng** nho nhỏ thân tình những năm gần đây mọc lên nhiều nơi trên đất Mỹ sẽ tạo nên những cải cách trong nghi thức lễ lạc Phật giáo Việt Nam trong tương lai....

Mong lắm thay!

Mẹ đừng bỏ con

BUI THANH XUÂN

- Mi không phải con Mẹ mô!
- Mẹ nói tầm bậy.
- Mi con bà ngồi trong xe hơi kia kìa.
- Không phải!
- Thiệt mà.
- Không!
- Bà đó giàu, làm con bà sướng hơn, được đi xe hơi, ăn ngon.
- Không! Con là con Mẹ. Con không cần ăn ngon. Mẹ đừng bỏ con.
- Đi theo Mẹ, con khổ.
- Khổ cũng được. Con thương Mẹ, đừng bỏ con nghe Mẹ.

- ...
- Mẹ không bỏ. Thôi, nín đi, mẹ chọc rứa mà. Mi nhéo Mẹ đau tề.
 - Ai biểu đòi bỏ họ chi.
 - A, con cười rồi. Ghét quá ! Bỏ con, Mẹ ở với ai.

...
Dù giàu sang hay nghèo khó, Mẹ vẫn là người vĩ đại, không dễ thay thế. Có Mẹ là có mùa xuân.

(Bùi Thanh Xuân, Mỗi Ngày Một Câu Chuyện)



Mẹ con hành khất bên vệ đường
(Photo by Bui Thanh Xuan)

THIỀN TẬP KHI MANG THAI

Nguyễn Giác

Trong 9 tháng 10 ngày mang thai, người phụ nữ cảm nhận cơ thể chuyển biến từng ngày, từng đêm, từng giờ... Những đau đớn của cơ thể, những hạnh phúc chờ đợi, và cả những lo lắng về những gì chưa biết đang tới gần. Thiền tập có thể giúp được gì cho quý bà đang mang thai? Và khi quý bà thiền tập, bào thai sẽ lợi ích ra sao?

Báo New York Times trong bài viết nhan đề "The Benefits of a Mindful Pregnancy" (Lợi Ích Thiền Tĩnh Thức Trong Khi Mang Thai) ngày 31/5/2017 cho biết một cuộc nghiên cứu mới cho thấy rằng thiền tĩnh thức có thể giúp quý bà mang thai lần đầu đối phó với sợ hãi.

Kết quả nghiên cứu in trên tạp chí ngành sản khoa BMC Pregnancy and Childbirth cũng cho thấy thiền tĩnh thức có thể làm giảm các hội chứng trầm cảm tiền sản và hậu sản. Thiền tĩnh thức (mindfulness), được định nghĩa là sự nhận biết khởi lên từ việc chú tâm vào khoảnh khắc hiện tại, được chứng minh là có công năng giúp đối trị đau nhức kinh niên, trầm cảm và lo lắng.

Larissa Duncan, trưởng nhóm nghiên cứu này và là một giáo sư ở đại học University of Wisconsin-Madison, nói rằng: "Nỗi sợ hãi về những gì chưa biết ảnh hưởng mọi người, và điều này đặc biệt đúng với quý bà mang thai."

Nghiên cứu này thực hiện với 30 phụ nữ lần đầu mang bầu trong ba tháng cuối gần sanh nở.

Một cuộc nghiên cứu trước đó cho thấy quý bà lần đầu mang thai khi có nỗi sợ hãi sinh nở thường có thời gian sinh nở lâu hơn – trung bình nhiều hơn 47 phút – so với quý bà không sợ hãi. Trong khi nhiều phụ nữ dự các lớp dạy về sinh nở để tự giáo dục về tiến trình sinh nở, nhiều khóa học đó không dạy kỹ năng đối trị với nỗi lo về sinh nở. Theo Tiến sĩ Duncan, trong vài trường hợp, các lớp dạy này có thể làm quý bà cảm thấy sợ hãi thêm.

Duncan và các cộng sự trong nhóm nghiên cứu chia quý bà làm hai nhóm: một nhóm sẽ tập thiền tĩnh thức trong lớp có tên là Mind in Labor (Tĩnh Thức về Sinh Nở), nhóm kia dự các lớp truyền thống để hiểu biết về sinh nở.

Mind in Labor là khóa dạy cuối tuần, đề ra do Nancy Bardacke, một y tá đỡ đẻ và là một người dạy thiền tĩnh thức ở trung tâm y tế Osher Center for Integrative Medicine tại đại học University of California, San Francisco.

Trong khóa học, quý bà được học cách tỉnh thức trong tiến trình sinh nở, cách dùng tỉnh thức đối trị với đau đớn và sợ hãi trong khi chuyển bụng và sinh nở. Quý ông phối ngẫu của họ cũng được học để biết cách an ủi và hỗ trợ bằng kỹ thuật tỉnh thức.

Bardacke nói rằng bà dạy các thai phụ và phối ngẫu của họ về các khoảnh khắc chuyển bụng đau đớn tới và đi, trong từng khoảnh khắc, và rằng giữa các khoảnh khắc chuyển bụng là các khoảnh khắc bình an và thoải mái. Bà nói, chìa khóa đối trị sợ hãi là học về cách giữ tâm trong khoảnh khắc hiện tại mà không lo lắng về quá khứ hay tương lai.

Để dạy kỹ năng này, bà Bardacke yêu cầu người học dùng bàn tay nắm giữ các cục nước đá trong khí chú tâm vào hơi thở, như thế để cảm nhận bản chất tạm thời của các cảm thọ khó chịu của cơ thể. Bà cũng dạy cách tập thiền tĩnh thức căn bản, như yoga, thiền tập khi ngồi và khi đi bộ, cũng như khi ăn trong tỉnh thức.

Bardacke nói, thiền tập đã giúp họ cơ hội khám phá ra nguồn nội tại đầy sức mạnh và chịu đựng: "Vào lúc khóa thiền hoàn tất, mức độ tự tin của quý bà tăng hơn, nỗi sợ hãi của họ bắt đầu tan biến. Họ nhận ra rằng sinh nở là gian nan, nhưng nó là cái gì họ có thể đối phó từng khoảnh khắc một."

Sau khóa học thiền, những người tham dự nói rằng họ cảm thấy sẵn sàng hơn về cuộc sinh nở sắp tới, và nhiều phần sẽ không dùng thuốc giảm đau Opioid trong khi chuyển bụng. Quý bà này cũng có ít hội chứng trầm cảm tiền sản và hậu sản hơn, khi so với quý bà dự các lớp về thai sản truyền thống.



Theo hiệp hội y tế tâm lý American Psychological Association, các yếu tố sinh hóa trong cơ thể có thể ảnh hưởng tới mức độ rui ro trầm cảm của một thai phụ, và cả trong thời kỳ sau khi sinh nở khi quý bà giữ vai mới là một bà mẹ chăm sóc con. Nghiên cứu cho thấy thiền tĩnh thức giúp quý bà đối trị các hội chứng trầm cảm.



Thiền tập cũng có lợi cho cả bé sơ sinh, theo một nghiên cứu rộng lớn hơn và phức tạp hơn, chủ đề "Maternal mindfulness and anxiety during pregnancy affect infants' neural responses to sounds" (Thiền tĩnh thức nơi thai phụ và nỗi lo lắng trong khi mang bầu ảnh hưởng tới phản ứng thần kinh của bé sơ sinh đối với âm thanh) – thực hiện bởi Oxford Academic với các giáo sư Marion I. van den Heuvel, Franc C. L. Donkers, István Winkler, Renée A. Otte, Bea R. H. Van den Bergh – và nghiên cứu này còn lưu ở <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4350490/> trong thư viện Bộ Y Tế Hoa Kỳ.

Nghiên cứu này thực hiện với 178 phụ nữ trong tuần lễ thứ 15 của thai kỳ, và với 12 phụ nữ trong khoảng tuần lễ thứ 16 và thứ 22 của thai kỳ. Các thử nghiệm y khoa thực hiện 3 lần (gọi là T1, T2, T3) trong thai kỳ, một lần vào mỗi ba tháng; và thêm hai lần nữa, lần cuối là khi bé sơ sinh tròn 9 tháng tuổi (T4, T5).

Mục tiêu nghiên cứu này phức tạp, được mô tả là "khảo sát về việc người mẹ tập thiền tĩnh thức và nỗi lo lắng trong khi mang thai ảnh hưởng tới chức năng nhận thức của em bé khi bé này chào đời được 9 tháng" (aimed at investigating the effects of the mother's mindfulness and anxiety during pregnancy on the infant's neurocognitive functioning at 9 months of age).

Thử nghiệm bằng cách cho phụ nữ bụng bầu nghe nhiều loại âm thanh, ở nhiều nhịp độ khác nhau; tương tự với em bé sau khi chào đời. Kết quả: người phụ nữ tập thiền ảnh hưởng tới bào thai, và kết quả này lưu giữ tốt cho em bé nhiều tháng sau khi ra đời.

Nghĩa là: thai giáo ảnh hưởng tới chức năng nhận thức trong não bộ em bé.

Trên phần giới thiệu trước nghiên cứu cũng dẫn ra một số nghiên cứu trước đó về ảnh hưởng thiền tĩnh thức trên thai phụ, trong đó có ghi về nghiên cứu của:

-- Vieten C, Astin J. với chủ đề nghiên cứu về ảnh hưởng của thiền tĩnh thức trong khi mang thai đối với căng thẳng tiền sản, đăng kết quả trên tạp chí Archives of Women's Mental Health, năm 2008, vol. 11 (trang 67-74)

-- Sriboonpimsuay W, Promthet S, Thinkhamrop J, Krisanaprakornkit T., với chủ đề nghiên cứu ảnh hưởng thiền tập ngăn ngừa sinh non tại tỉnh Udonthani, Thái Lan,

đăng kết quả trên tạp chí International Journal of Public Health Research, năm 2011, vol. 1 (trang 31-39).

Một cuộc nghiên cứu khác, với chủ đề "Maternal mindfulness during pregnancy and infant socio-emotional development and temperament: The mediating role of maternal anxiety" (Thiền tĩnh thức trong khi có thai và sự phát

triển cảm xúc xã hội của bé sơ sinh và cá tính [em bé]: vai trò trung gian của nỗi lo lắng của thai phụ) cũng lưu hồ sơ ở cơ quan y tế này -- ở địa chỉ: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/25577496> – thử nghiệm với 90 thai phụ, và rồi khảo sát khi các em bé ra đời được 10 tháng, cho kết luận: "Thiền tĩnh thức trong khi có thai có thể có ảnh hưởng tích cực cho tiến trình phát triển của bé sơ sinh."

Trong truyện kể về cuộc đời các thánh tăng, có trường hợp một thai phụ gặp sản nạn, cơ nguy tới tính mạng, đã nhờ người thân thỉnh tỳ khưu Angulimala xin giúp.

Vị thánh tăng này khi còn trong đời thường, đã từng giết 999 người và rượt theo Đức Phật để tìm giết cho đủ 1.000 người, theo một niềm tin từ ngoại đạo là sẽ được lên trời. Đức Phật đi bình thường, nhưng hung phạm rượt hoài không kịp. Angulimala nói với Đức Phật, sao kẻ kia không ngừng lại. Đức Phật nói, ta ngừng từ lâu rồi, chỉ có người là chưa ngừng... Angulimala chợt tỉnh thức, xin xuất gia. Và rồi khi đứng trước thai phụ, thánh tăng Angulimala hồi hướng công đức giữ giới, bấy giờ phụ nữ kia được nhẹ nhàng, mẹ tròn con vuông.

Thời này của chúng ta, không có cơ duyên để gặp một thánh tăng như ngài Angulimala hồi hướng cứu nạn như thế. Do vậy, tự mỗi người phải tự lo. Không gì bằng thiền tập. Nhưng thiền tập thế nào, để tốt đẹp nhất cho thai phụ?

Trong bài Kinh Metta Sutta, Đức Phật dạy kết hợp thiền tĩnh thức (đi đứng nằm ngồi đều giữ tâm tĩnh thức, an tĩnh) vào tâm từ bi (trái rộng lòng yêu thương).

Trước tiên, quý bà nên điều thân cho thích nghi. Nghĩa là, trong khi mang thai, tuyệt đối không uống rượu, không hút thuốc, giảm cà phê và trà, nên ăn chay thích nghi với nhiều trái cây và rau, nên uống nhiều nước, nên thể dục nhẹ, không làm việc nặng nhọc, không đàn ca hát xướng nhiều...

Kế tiếp là điều tâm. Nên tin rằng tập Thiền Tâm Từ sẽ có vô lượng công đức cho cả mẹ và bào thai.

Trong Kinh AN 11.16, Đức Phật nói rằng người tu tập lòng từ bi sẽ có 11 lợi ích:

"1. Ngủ ngon. 2. Khi tỉnh, thoải mái nhẹ nhàng. 3. Không thấy ác mộng. 4. Được mọi

người quý trọng. 5. Được chúng sinh cõi phi nhân quý trọng. 6. Được chư thiên cõi trời tới bảo vệ. 7. Lửa, thuốc độc, đao kiếm không thể chạm tới thân người này. 8. Tâm định tĩnh nhanh chóng. 9. Khuôn mặt từ hòa. 10. Khi chết, tâm không hỗn loạn. 11. Nếu không đắc quả A La Hán ngay đây và bây giờ, sẽ tái sinh vào cõi Phạm thiên.”

Chính yếu, có 2 phương pháp Thiền Tâm Từ. Phương pháp tu theo Thanh Tịnh Đạo Luận là tuần tự khởi từ bi tâm, nghĩ tới mình, tới người thân của mình, tới người lạ, tới người đối kháng hiềm khích mình, rồi tới tất cả chúng sinh... Đó là phương pháp các vị tổ sư đời sau nghĩ ra cho tiện dụng, vì cho là cần nghĩ tới người cụ thể. Nhưng pháp này có thể sẽ trở ngại với một số học nhân, vì khi nghĩ tới người mình yêu thương (như ba, mẹ) lại có thể mũi lòng, hay nghĩ tới người từng có sân si ngang trái với mình lại gặp cơ nguy khó định tâm.

Phương pháp thứ nhì là tu tâm tử theo Kinh Metta Sutta. Trong này, Đức Phật không dạy nghĩ về người cụ thể, mà nói hãy nghĩ tới chúng sinh một cách trừu tượng (chúng sinh đã sinh ra đời và chưa sinh ra đời, chúng sinh cõi được nhìn thấy và cõi không được nhìn thấy...). Có lẽ, pháp này thích nghi cho hầu hết các bà mẹ.

Sau đây, là đề nghị pháp Thiền Tâm Từ cho quý phụ nữ đang mang thai, phần chính dựa vào Kinh Metta Sutta, theo cách đơn giản, có thể tự tu tập và có thể tự hướng dẫn người khác.

Trước tiên, ngồi [có thể ngồi trên ghế] hay nằm thoải mái (và rồi khi đi bộ, và khi làm mọi chuyện đời thường), mắt nhắm hay mở lim dim (tùy, sao cho tâm dễ an tĩnh), hãy dịu dàng thở, theo dõi từng hơi thở, rồi cảm nhận về không gian chung quanh (như tiếng chim trong vườn hay tiếng đồng hồ trong phòng, như gió nhẹ trên làn da...) rồi cảm nhận về thân (như chân, đùi, hông, bụng, bào thai, ngực, cổ, đầu...) rồi cảm nhận về suy nghĩ khởi trong tâm. Khi tâm tương đối bình lặng, hãy khởi tâm "xin nguyện cho tôi, cho bào thai, cho tất cả mọi người được bình an, hạnh phúc..." và nghĩ tới lòng yêu thương tất cả các chúng sinh cõi này và các cõi khác, tự nhìn thấy mình muốn bảo vệ tất cả chúng sinh như người mẹ bảo vệ đứa con trai duy nhất của bà, và thấy toàn bộ thân tâm mình rực sáng, chiếu tâm sáng này tới khắp các cõi trên trời, các cõi dưới đất, khắp các phương hướng... để tất cả chúng sinh xa lìa đau khổ, xa lìa tham ái, xa lìa sân hận. Giữ tâm từ chiếu sáng như thế trong mọi khoảnh khắc trong ngày.

Đó là Thiền Tâm Từ. Đó hiển nhiên là món quà tuyệt vời nhất, sang trọng nhất, quý giá nhất để các phụ nữ mang bầu trao tặng cho bào thai. Món quà này không chỉ giúp cho em bé trong kiếp này, mà sẽ lợi ích cho cả mẹ và con trong rất nhiều đời sau, cho tới khi giải thoát.

NHỚ MẸ

*Nhìn căn nhà nhỏ năm xưa
Bao nhiêu kỷ niệm như mưa chợt về*

*Nhớ Mẹ ánh mắt đê huê
Nhớ Mẹ tàn tảo lê thê giữa đời*

*Nuôi con giữa chốn chơi vơi
Mà Người hiền thực không lời kêu vang
Thương con quý cả hơn vàng*

Thương chồng quý cả giang san nhà chồng

*Mẹ đi giữa cõi sắc không
Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh thong dong Người về
Qua rồi Yết đế* kiếp mẹ
Mẹ về Cự Lạc đê huê Chân như.*

thơ

BẠCH XUÂN KHỎE

(*) Yết đế, yết đế. Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế. Bồ đề Tát bà ha
Gate gate. Pàragate, Pàrasaṃgate. Bodhi svàhà
Gone, Gone. Gone beyond, Gone far beyond.
Awaken, Rejoice



Căn nhà nhỏ năm xưa!

Rằm tháng Bảy — Ngày Cha Mẹ

CHÂN MINH

*"Năm xưa tôi còn nhỏ
mẹ tôi đã qua đời
lần đầu tiên tôi hiểu
thân phận trẻ mồ côi
quanh tôi ai cũng khóc
im lặng tôi sầu thối
để dòng nước mắt chảy
là bớt khổ đi rồi
hoàng hôn phủ trên mộ
chuông chùa nhẹ rơi rơi
tôi thấy tôi mất mẹ
là mất cả bầu trời."*

Vâng, "mất mẹ là mất cả bầu trời." Cũng như tác giả bài thơ, mẹ tôi mất khi tôi còn rất nhỏ. Có lẽ còn nhỏ hơn tuổi ngày tác giả bị mất mẹ. Vì dù sao tác giả còn biết "sầu trong im lặng," còn biết mẹ đã đi rồi. Tôi thì không. Hồi mẹ tôi mất tôi không biết mẹ đã ra đi, nên không thấy sầu như tác giả. Ngược lại còn vui nữa là đăng khác vì hôm ấy là lần đầu tiên tôi thấy nhà có đông người. Tuy quanh tôi ai cũng buồn cũng khóc nhưng tôi lại được họ ôm hôn, xoa đầu, vuốt tóc. Lại còn được cho bánh cho kẹo nữa. Trong khi má thì được người ta mặc cho những chiếc áo đẹp nhất mà tôi chưa từng thấy má mặc bao giờ.

Tôi và đứa em kế xoắn xít bên giường má nằm và líu lo bảo "má đẹp quá!" Thấy vậy, ông cậu họ đến bên anh em tôi với đôi giòng nước mắt còn đọng trên khóe. Một tay cậu ôm chúng tôi vào lòng, tay kia cậu chùi nước mắt đã chảy dài xuống má tự bao giờ. Rồi cậu hôn lên trán hai đứa tôi. Tôi hỏi: "sao má ngủ hoài vậy cậu?" Cậu tôi chỉ biết "ừ" một tiếng rồi lại sụt sùi nước mắt. Tuy không biết cậu buồn chuyện gì, nhưng mắt của tôi

cũng bắt đầu thấy cay cay. Bỗng cậu hỏi hai anh em chúng tôi: "Các con có muốn lên giường ngủ với má không?" Anh em tôi nhảy cứng vui mừng: "Muốn, chúng con muốn nằm ngủ với má." Thế là cậu bế từng đứa đặt nằm bên này và bên kia của má.

Như vậy đó, chúng tôi đã ôm má mà ngủ và không còn hay biết gì nữa cả. Ngủ đến lúc nào cũng không hay, chỉ đến khi bị đánh thức thì thấy đèn thấp sáng choang chói lòa cả đôi mắt - sao đông người quá vậy? Thắc mắc nhưng tôi cũng chẳng hiểu gì, trong khi em gái tôi không chịu ngồi dậy, em cứ ôm chặt lấy má mà ngủ...

Từ ngày đó, cha tôi vẫn ở vậy - một thân một mình nuôi sáu anh chị em tôi khôn lớn. Có lần tới nhà bạn chơi, thấy má bạn đang ủi đồ cho bạn. Vậy mà bạn tôi vẫn chưa vừa lòng mà còn cần nhẫn đủ thứ. Bỗng chốc nước mắt tôi chảy

dài... tôi thầm trách bạn. Má bạn bắt gặp, bà ngừng tay nhìn tôi một giây rồi thở ra. Bất giác bà ôm tôi vào lòng và nói nhỏ bên tai: "má con vẫn sống..."

Năm tôi 18 tuổi, đi thi đại học về chưa có kết quả thì cha lại qua đời trong một tai nạn.

Năm đó cũng vào ngày này, tôi đang ở cạnh bên cha trong bệnh viện tỉnh. Vết thương của cha đã bắt đầu làm mặt, những cơn đau nhức cũng đã đi qua. Sáng 14 tháng Bảy cha bảo tôi "con lấy xe về nhà thay cha cúng Rằm rồi đi thăm ông bà nội, sáng mốt lên cũng được, cha đã khỏe rồi ở đây một mình cũng không sao... Không ai ngờ, sáng 16 tôi trở lên bệnh viện thì bệnh tình của cha đột nhiên biến chứng, thì ra vết thương bị nhiễm trùng tétanos và cha đã qua đời vài ngày sau đó.

Đám tang cha vừa xong - cũng là lúc tôi nhận được giấy báo trúng tuyển đại học. Dở khóc dở cười - tôi để tờ giấy



lên bàn thờ cha như một món quà báo hiếu, lòng thầm nghĩ: "cha ơi, con đã thi đậu đại học rồi, cha có vui không?" Bỗng dưng nước mắt từ đâu dâng trào lên đôi khóe rồi chảy dài trong im lặng...

"Để dòng nước mắt chảy - là bớt khổ đi rồi"! Thời gian như ngừng trôi, mặt trời như ngưng đọng. Cứ thế, không biết bao lâu sau tôi mới tỉnh ra và trở về với thực tại đau khổ chán chường. Cổ nén lòng, mím môi tôi đốt tờ giấy báo kết quả trúng tuyển trước bàn thờ cha. Không, tôi không thể nào nhập học khi nhà còn 2 đứa em gái chưa tới tuổi trưởng thành. Tôi không thể nào sống ích kỷ cho bản thân mà bỏ hai em thơ dại sống một mình nơi quê nhà. Hơn nữa để cha an lòng thanh thản ra đi tôi đã hứa với người là sẽ thay cha phụng dưỡng ông bà nội tới ngày cuối đời của hai ông bà.

Thế rồi, sau sáu năm rong ruổi trường đời, trên bước đường lưu lạc tìm đất sống tôi may mắn được gặp Thầy. Thầy đã trả lại cho tôi trọn vẹn hình hài và tâm thức của má của cha ngày trước. Thầy tôi nói: "Không có cái gì từ có mà có thể trở thành không - cũng như không có cái gì từ không mà có thể trở thành có. Cha, má của con không có mất đi đâu cả. Cha, má là hình hài là máu huyết đang lưu chuyển trong con. Nhìn cho kỹ con sẽ thấy được cha con má con đang có mặt trong từng tế bào hơi thở của con..."

Tuy vậy, tôi cũng phải mất nhiều năm công phu thiền quán mới tự tìm lại được má được cha nơi mình. Cũng từ giây phút ấy Thầy đã trở thành cha, thành má của tôi. Cũng từ đó, cứ mỗi độ Vu Lan về tôi đã không còn thấy buồn thấy tủi với hai cánh hoa màu trắng trên ngực áo nữa. Với tôi bây giờ dù màu trắng hay màu hồng cũng cùng một ý nghĩa vì cha má đã trở thành bất diệt trong tôi. Thế nên đôi khi tôi cũng đã xin các em cài cho mình hai cánh hoa màu đỏ và cảm thấy mình rất hạnh phúc trong ngày Vu Lan.



MẸ CHO CON MÙA XUÂN

Bên quán trọ

Chiều nay con nhớ mẹ

Đời con còn xuôi ngược bốn phương trời.

Mùa xuân hôm nào

Mẹ tiễn con

Sức còn tươi khỏe

Nay xuân về

Chắc hẳn giờ

Mẹ già lắm mẹ ơi !

Mẹ cho con mùa xuân

Từ buổi bình minh cuộc sống

Bên mảnh vườn, liếp chuối, ruộng cau

Những điệu hát ầu...ơ...ơ...! Đưa giấc ngủ

Giấc mơ nào con cũng học Ca dao.

Mẹ cho con mùa xuân

Những chiếc áo quần mới lạ

Đường lên chùa thơm mùi hương rạ

Lễ Phật đầu năm

Mẹ dạy con phải biết thương yêu

Nắng mới quanh vườn giòn giã tiếng chim kêu.

Mẹ cho con mùa xuân

Những bước mới vào đời

Tinh Nhân Bản con đi về mọi phía

Câu chữ nghĩa

Con giữ trọn Đạo Nghĩa

Cho quê hương, đất nước, con người.

Như buổi đầu mùa đẹp cánh hoa tươi.

Mẹ cho con mùa xuân

Từ lòng mẹ

Gió tung trời tóc trắng

Vạn đường trần

Con còn mê mãi bước phong sương

Nhưng vẫn đi trong tâm nhìn của mẹ

Tháng năm còn nghe nhịp võng quê hương.

Con bây giờ đã lớn

Mẹ bây giờ già rồi

Nhưng vẫn cho con mùa xuân cuộc sống

Vẫn trông theo con từng bước vào đời.

Ai vui xuân của đất trời

Con vui xuân nhớ quặng đời mẹ qua

Xuân này, con nhớ xuân xa

Xuân này chắc hẳn mẹ già hơn xưa!

Con còn xuôi ngược sớm trưa

Tâm lòng của mẹ bốn mùa là xuân.

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

Vườn đêm

HẠNH CHI

Tôi ngồi một mình, ngoài vườn đêm.

Trời không trăng, không sao.

Không gian sẫm tối, im lìm và tĩnh lặng.

Bỗng nhiên, tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh vội vã của con chim lạc đàn, về muộn, tiếng đé hát bản nhạc buồn dưới bụi cỏ ẩm sương đêm. Chỉ có thể thôi nhưng cánh chim về muộn, con đé bé bỏng đâu ngờ rằng chúng vừa mang cho tôi niềm an ủi vô cùng. Là tôi đang không chỉ một mình. Liễu Tam Không ở ngay nơi phút giây trầm lặng kỳ diệu này. Kể cho, của cho và người được cho đều không biết nhau, nhưng trong mẫu nhiệm thì kẻ cho đã vừa hành Ba La Mật, của cho đã quá đầy và người được cho đã tiếp nhận thức ăn từ cõi nước Chúng-Hương, nơi đức Hương-Tích-Như-Lai thuyết pháp bằng hương thơm chứ không bằng ngôn tự.

Thật thế.

Khí một mình bước ra ngoài vườn đêm, tôi đã ngồi xuống bằng tiếng khóc nức nở trong tâm. Rồi tiếng khóc thấm ấy ứ đọng, tràn đầy, phá vỡ buồng tim, lan ra mạch phổi, tuôn vào gan mật, len lỏi khắp tế bào... Hết chỗ dung thân, chúng ràn rụa trên hai khóe mắt!

Tại sao tôi lại để mình rơi vào trạng thái bi thương đến thế, trong khi lâu nay, tôi thường rất cẩn thận kiểm soát cảm thọ của mình, chỉ một chút bằng khuâng là lý trí nhận biết, chặn lại ngay?!

Tôi biết những nhược điểm của mình, nhưng không phải

lúc nào cũng làm chủ được chúng. Ngay trong lúc này, nhược điểm là hai chữ "Mồ côi!" Hai chữ "Mồ côi" của tôi là mồ côi hoàn toàn, không phải chỉ mồ côi cha hay mồ côi mẹ. Tôi đã chuẩn bị rồi, đã rất bình tĩnh khi mẹ mất, nhưng, tận cùng thẳm sâu tâm linh, có người con nào chuẩn bị được gì khi thực sự mất cả cha lẫn mẹ hay không? Tôi không tin có ai làm được điều này; có chăng, chỉ vì họ "tưởng" là làm được mà thôi.

Học Phật, chúng ta hiểu rằng chúng sanh chìm đắm trong luân hồi sanh tử nên chúng sanh và vạn hữu quanh ta có thể đã là ông bà, cha mẹ quá khứ. Dù tin tưởng như thế nhưng không nhận diện được nhau thì cảm thọ khởi lên chỉ mơ hồ trong tâm đạo là "Hãy yêu thương, hòa ái với nhau vì kẻ đó, người kia, có thể đã cùng là gia tộc".

Cảm thọ này khó có thể cùng nguồn với ông bà, cha mẹ hiện đời, những người mà chúng ta đã thấy, đã nhận yêu thương, đã phụng dưỡng, đã chia xẻ ân tình suốt quãng đường dài. Đó là thực tế khi chúng ta chưa chuyển được tâm chúng sanh thành tâm Bồ Tát. Bồ Tát có thể ra vào sinh tử nhiều đời nhiều kiếp cứu độ chúng sanh không mệt mỏi vì Bồ Tát đã nhìn được tất cả chúng sanh đều là thân quyến của mình nên Bồ Tát dễ dàng sống cùng chúng sanh, tu cùng chúng sanh, lấy chúng sanh làm đối tượng để chuyển hóa mình. Như thế, dù bất cứ hoàn cảnh nào, Bồ

Tát có bao giờ cô độc?!

Trong vườn đêm, tôi đang ngồi một mình và khóc vì cảm thấy cô độc quá! Mười lăm năm trước, khi cha mất, tôi đã hụt hẫng, chao đảo như kẻ đang đu giầy, bất chợt nhìn xuống không thấy lưới an toàn đâu cả! Cha chính là lưới an toàn, là nôi hồng ấm áp cho cánh chim non bay về khi trời giông bão. Đã bao lần tôi mạnh mẽ đứng lên, bước những bước cương quyết hơn, vững chãi hơn sau giông tố tả tơi quật ngã. Tôi từng đứng dậy được vì có cha là tri kỷ. Cha không chỉ yêu thương mà còn cảm thông, chia sẻ. Cha xúc thuốc, xoa dầu, chữa lành bất cứ vết thương nào mà ngọn bút phong ngoài đời giạt tới. Tôi đã quá ý lại vào điểm nương tựa đó nên khi mất cha, tôi hãi hùng trước trời đất cuồng quay. Suốt mười lăm năm, từng lá thư cha viết đã là tấm bản đồ cho tôi đi tiếp đường đời với sự chăm lo của mẹ. Mẹ như chiếc bóng Quan Âm, lúc nào cũng sẵn sàng đáp ứng tiếng gọi, lời xin.

Không còn cha, vai mẹ chịu nặng hơn với các con, các cháu.

Nhưng mẹ vừa theo cha rồi! Mẹ ra đi khi hương-tự-tứ Vu Lan thoảng nhẹ trong không gian.

Cha ơi! Mẹ ơi! Nỗi tủi thân của đứa con mồ côi đang tràn đầy, có lẽ vì mẹ đã đi vào thời điểm Vu Lan, thời điểm những



người con hướng tâm thành vào sự báo đáp ơn nghĩa sanh thành.

Cha ơi! Mẹ ơi! con phải làm gì để báo đáp cha mẹ? Xin hãy chỉ cho con!

Có tiếng động lạ ngoài hồ sen cuối vườn.

Tôi chùi nước mắt, đứng bật dậy. Trời tối quá! Trăng và sao đi đâu vắng cả?

Qua thêm xi măng, tôi bước trên từng phiến gỗ tròn, cựa từ cây thông nhà hàng xóm trong mùa họ đốn cây. Đếm đủ 8 phiến gỗ, tôi bước sang bên trái, lối đi lát bằng gạch đỏ. Sau 5 miếng gạch xếp xéo như hình quả trám là 7 hàng gạch ngay ngắn, mỗi hàng 2 viên. Đọc theo bờ tường hàng gạch này, một bên là dãy thanh long đang trở hoa, một bên là 3 cây bưởi thanh trà, 2 cây quýt đường. Đi trên lối gạch này phải cẩn thận vì cả bưởi, quýt lẫn thanh long đều đang có khuynh hướng vươn tay ra lối đi!

Đi hết lối gạch là tới hồ sen.

Trời tối quá, tuy không nhìn thấy gì nhưng tôi biết có 3 bông sen nở từ hôm qua, giờ này cánh sen đang úp lại, ngủ êm đềm bên những lá tròn xanh mượt, chờ bình minh lại tỏa ngát hương thơm.

Đứng bên hồ sen, tôi cố gắng lắng nghe và quan sát. Nhưng không thấy gì, nghe gì lạ nữa!

Tôi đứng im như thế, lâu và hình như rất lâu, lòng thôi thốn thốn, lệ thôi chảy. Tôi đang nghe tôi tự hỏi mình "Ta đi ra tới đây, không vấp té, biết rõ từng bước chân, nhớ rõ từng cảnh vật dù trời tối quá, không thấy gì. Ta biết rõ, đi được tới nơi ta muốn tới là vì lối đi quen thuộc này đã được ghi lại trong tâm thức. Tuy không nhìn thấy nhưng ta đi mà không rụt rè, không sợ hãi vì đường đi đã ở trong tâm, trong bộ nhớ. Nếu tất cả chúng sanh đều sẵn có Phật tánh (như đường ra vườn đã biết có sẵn phiến gỗ, viên gạch, hàng cây) thì tại sao hầu hết chúng sanh không biết lối về ngôi nhà Phật của mình? Vì

chưa được ghi lại trong bộ nhớ ư? Không phải! Nếu con người sanh ra là đã sẵn có bản chất thì bản chất đó phải nằm trong tâm thức chứ nằm đâu?

Trẻ thơ vừa lọt lòng mẹ, còn trần truồng, khóc oe-oe là đã có Phật tánh, tức là đã có nơi về, nhưng sao đường về của chúng sanh mịt mù quá vậy? Vì vô minh che lấp nên không nhớ ư?

Tại sao, cũng những chúng sanh vô minh đó lại nhớ đường tới sở làm, đường tới chợ búa, đường tới bác sỹ, tới nhà bạn bè mà không thể nhớ được đường về Bản Tâm mình?

Nếu chúng sanh vô minh đó mà không nhớ đường tới sở, tới chợ, tới bác sỹ, v.v... thì chúng sanh đó thường được gọi là người MẤT TRÍ, có phải không?

Nhưng không thấy ai gọi những chúng sanh không nhớ đường về căn nhà Phật của mình là kẻ mất trí, dù rằng con đường đó phải ở trong tâm thức từ giây phút đầu tiên khi ta lọt lòng mẹ. Những con đường khác thì còn tùy thời gian, tùy giao tiếp, tùy sinh hoạt rồi từ từ mới có; tức là, nếu hình dung có một Cuốn-Sổ-Tâm, thì địa chỉ đường về Bản Tâm phải ở giòng đầu tiên, trang đầu tiên. Giòng đó, trang đó, vẫn còn nguyên trên Sổ Tâm nhưng sao đa số chúng sanh đều quên hết, lại chỉ nhớ những địa chỉ sau, những địa chỉ đưa ta tới khổ đau, phiền não chập chùng?"

Tự hỏi rồi tôi sùng sốt!

Có lẽ không phải chúng sanh quên địa chỉ đầu tiên, mà vì muốn về địa chỉ đó, chúng sanh cần nhiều trí tuệ, sáng suốt, quyết tâm, can đảm, không thối chí. Trong khi, những địa chỉ sau không cần nhiều điều kiện như vậy, dễ đi hơn nên chúng sanh cứ lật qua trang đầu, mê mãi theo những bản đồ sau mà đi, nối nhau mà đi, nhìn trước nhìn sau, bên phải, bên trái, thấy ai cũng như ai nên đồng thuận chấp nhận phiền não,



khổ đau như là chuyện đương nhiên, huân tập đời này qua đời khác, cứ lấy Vô Thường là Thường, Khổ là Lạc, Vô Ngã là Ngã, Không là Tịnh!

Từ khi được cha mẹ tạo dựng hình hài, tôi cũng chỉ tìm đường dễ mà đi, chẳng học được gì ở câu "nặng hành nan hành" cả, nên vẫn mãi trôi lẩn trong phiền não. Vậy mà vào chùa cứ tụng như cái máy "Phiền não vô tận thể nguyên đoạn!" Chỉ ngôn hành mà tâm không hành thì đoạn sao được?

Trong bóng tối vườn đêm, tôi chậm rãi bước vào hiên, Tôi cảm nhận rất rõ những diễn biến vừa qua là do cha, mẹ đã về cùng tôi.

Ngồi xuống thêm rêu mát lạnh, lòng tôi ấm lại với cái xoa đầu của cha, với vòng tay ôm của mẹ và Cuốn-Sổ-Tâm vừa được chạ lật lại trang đầu, in hai chữ "BẢN TÂM" đậm nét.

Vườn đêm tối quá, sao tôi lại nhìn thấy hai chữ Bản Tâm?

Thì ra, trăng đã lên và sao đã mọc.

Trăng vắng vặc và sao lung linh đang soi tỏ đường về nhà Phật.

Nam Mô Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

Hạnh Chi

(Nhu-Thị-Am, Mùa Sen)

DINH DƯỠNG VỚI VIÊM XƯƠNG KHỚP

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Trong những năm gần đây, nhiều nhà chuyên môn đã nghĩ ra và đề nghị áp dụng dinh dưỡng trong việc phòng chữa bệnh Viêm Xương Khớp. Lý do là, sự thành hình của bệnh chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố liên quan tới nếp sống như là chế độ dinh dưỡng, sự vận động cơ thể, công việc làm cũng như những thương tích xảy ra cho xương khớp trong quá khứ. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xác định là một chế độ ăn uống hoặc một món thực phẩm nào đó có thể trị được bệnh viêm khớp này.

Có một số ý kiến cho rằng nếu ta ăn vài trăm gram cá mỗi ngày thì có thể giảm cứng khớp mỗi sáng khi thức dậy.

Bác sĩ Joel M.Kremer của Đại Học Y Khoa Nữ Ước cho hay, uống dầu cá viên trong hai tuần lễ có thể làm giảm sưng và đau của viêm khớp. Ta nhớ là cá có loại chất béo Omega-3 fatty acid.

Có người cũng đã thử nghiệm và thấy cà chua, broccoli cũng làm bớt đau viêm khớp. Nhiều nghiên cứu cho hay nếu bổ sung các chất sau đây có thể giảm thiểu rủi ro gây ra viêm xương khớp cũng như khó khăn đi lại vì đau nhức.

Vitamin C có thể trì hoãn sự phát triển của viêm xương khớp, tăng cường sức bền bỉ của đĩa sụn cũng như giảm thiểu tác dụng lão hóa của các gốc tự do đối với xương. Sinh tố C có nhiều trong chanh, cam, dâu, trái kiwi, rau có màu xanh xậm, cà chua, dưa... Nam giới có thể dùng thêm 90 mg mỗi ngày, nữ giới 75 mg. Với viêm xương khớp, nhiều nhà chuyên môn đề nghị dùng khoảng 200 mg/ngày.

Vitamin C có trong mg:

Red bell pepper, 1 cup 280
Guava, 1 medium 165
Broccoli, 1 cup 120
Orange, 1 medium 120
Green bell pepper, 1 cup 120
Cauliflower (cooked), 1 cup 100
Papaya, 1 medium 95
Strawberries, 1 cup 90

Beta-caroten là một chất chống sự oxy hóa có khả năng trì hoãn sự phát triển của viêm xương khớp, giảm đau. Chất này có nhiều trong rau trái cây có màu đỏ, vàng và cam như pumpkin, cantaloupe, ớt, carrot, rau spinach,

rau riếp, cải xoăn kale...

Nhu cầu cho người lớn mỗi ngày là 2200 IU, nhưng các nhà chuyên môn cho hay có thể dùng tới 9000 IU/ngày để có tác dụng tốt đối với các khớp bị viêm đau.

Nguồn cung cấp Beta Caroten IU:

Sweet potato (baked), 1 medium 28,058
Carrots nấu chín, 1 cup 26,835
Spinach nấu chín, 1 cup 22,916
Kale chín, 1 cup 19,116
Pumpkin pie, 1 slice 12,431
Carrot sống, 1 medium 8,666
Butternut Squash (boiled), 1 cup 8,014
Spinach (raw), 1 cup 2,813
Mango, 1 cup sliced 1,262

Vitamin D được mệnh danh là vitamin ánh nắng mặt trời, vì nếu mỗi ngày ta phơi nắng khoảng 15 phút là có được một lượng đáng kể sinh tố này. Tuy nhiên không phải là ai cũng phơi nắng được, cho nên nếu mỗi ngày tiêu thụ các thực phẩm có sinh tố này thì xương cốt sẽ vững chắc hơn, khớp sẽ bớt rủi ro thoái hóa viêm đau.

Vitamin D có nhiều trong trứng, dầu cá sữa tăng cường sinh tố D, các loại hạt ngũ cốc.

Một ngày cơ thể cần khoảng 600-800 IU.

Vitamin D có trong IU:

Cod liver oil, 1 Tbsp 1,360
Salmon, 3.5 oz 360
Mackerel, 3.5 oz 345
Tuna (canned), 3 oz 200
Sardines (canned), 1.75 oz 250
Milk, D-fortified, 1 cup 100
Egg (or egg yolk), 1 medium 41
Cereals, D-fortified, 1 cup 40

Omega-3 fatty acids có tác dụng giảm viêm và có nhiều trong các loại cá như salmon, halibut, tuna, sardine, các loại hạt pecans, óc chó walnuts, đậu nành, dầu olive, dầu canola...

Omega-3 trong Grams:

Flaxseeds (ground), 2 Tbsp 3.5
Walnuts, 1/4 cup 2.3
Atlantic salmon, 3.5 oz 2.0
Albacore tuna, 3.5 oz 1.5
Soybeans (cooked), 1 cup 1.0
Halibut, 3.5 oz 0.5
Tofu (raw), 4 oz 0.4
Olive oil (uncooked), 2 Tbsp 0.2



Ngoài ra, trên thị trường, có vài sản phẩm được giới thiệu là làm thuyên giảm triệu chứng của viêm khớp. Đó là:

Chất Glucosamine.

Glucosamine sulfate là chất được lấy ra từ vỏ sò, vỏ cua và được bán dưới dạng

thuốc viên. Theo nhà sản xuất, mỗi ngày uống 1500mg chia ra làm ba lần. Thuốc chỉ gây ra một chút khó chịu cho bao tử. Nhiều nghiên cứu cho hay, phải uống cả tháng mới thấy có công hiệu.

Nghiên cứu trong phòng thí nghiệm cho hay, Glucosamine có tính chất chống viêm và kích thích sản xuất sụn.

Chất Chondroitin.

Đây là chất được lấy ra từ sụn cá mập và bò và có dưới dạng viên hoặc con nhộng. Cũng như Glucosamine, món thuốc này được giới thiệu có khả năng chống viêm và tạo sụn.

Một số nghiên cứu khoa học cho hay, chondroitin có tác dụng tốt hơn thuốc giả placebo và ít gây ra tác dụng phụ.

Mỗi ngày phải uống khoảng 1200 mg, chia ra làm ba lần và phải uống khoảng bốn tuần lễ mới thấy công hiệu.

Hai chất vừa kể đã được Thú Y Sĩ dùng từ nhiều năm để chữa viêm khớp của chó, còn bên Âu châu như là chất bổ sung chữa trị Viêm Xương Khớp. Tại Hoa Kỳ hai chất được xếp vào nhóm thực phẩm bổ sung.

Chưa có nghiên cứu khoa học để xác nhận vai trò trị bệnh của chúng.

SAME. Đây là viết tắt của S-Adenosylmethionine, là một hợp chất thiên nhiên trong mọi tế bào còn sống và được sản xuất bằng cách nuôi tế bào các loại men, nấm.

SAME đã được bán theo toa bác sĩ ở Âu châu từ năm 1975 để chữa viêm khớp và trầm cảm. Món thuốc này khá đắt và phải dùng từ 400mg tới 1200mg mỗi ngày. Tác dụng phụ là khó chịu tiêu hóa, như là tiêu chảy.

Ngoài ra, theo kinh nghiệm nhiều người thì Gừng, khoáng Boron, chất DMSO Dimethyl Sulfoxide từ quả Gỗ Cơm (pulp) cũng có công dụng ngăn ngừa viêm của xương khớp. Nói chung, dinh dưỡng có thể giảm thiểu rủi ro mắc bệnh viêm xương khớp cũng như trì hoãn sự tiến triển của bệnh. Tuy nhiên, giảm cân nếu quá mập phì vẫn là điều cần áp dụng, vì sức nặng của cơ thể là một trong những rủi ro chính gây ra bệnh viêm xương khớp.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnquyenynuc.com

GẮM

*Bên kia mây trắng vẫn bay
Biển trời lơ lửng bên đây mây chờ
Núi nghìn năm vẫn trợ trợ
Bút găm xuống đất thẫn thờ tình tươm.*

CHẢY TRÔI

*Mây trôi tình đã nhạt nhòa
Bóng in con nước chảy qua dỗi hờn
Cây đứng gió lạnh tà dương
Dây căng đàn võ tiếng buồn rung đêm.*

NHỚ THƯƠNG

*Mười hai thương nhớ trôi sông
Mười hai bến nước đục trong võ bờ
Nhớ thương từ thuở đại khờ
Đến khi bạc tóc vẫn chờ yêu thương.*

ĐỂ DÀNH

*Thương ai chân cứng đã mềm
Thương tôi giấy có đã quên bện tình
Chân trần đạp sỏi dậm đing
Giữa bạt ngàn gói để dành mảnh chai.*

thơ **MÃN ĐƯỜNG HỒNG**



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



AI ĂN NẤY NO

Có người quá bận rộn làm ăn bèn gửi điện thư đến thầy:
- Bạch thầy! Thầy làm lễ quy y qua NET cho con và cầu an luôn; hôm nào rảnh con lên chùa nhận điệp sau.

Thầy bảo anh ta khi nào rảnh lên chùa rồi hay. Tuần sau anh ta lên chùa, thầy dọn hai phần cơm rồi ngồi ăn một mình. Ăn xong thầy hỏi anh ta:

- Anh no chưa?

Anh ta ngạc nhiên:

- Thầy ăn sao con no được?

Bây giờ thầy dạy:

- Nhà Phật không có chuyện ban phước, giáng họa. Tự mình tu theo lời Phật dạy thì mới giải thoát được!

GIÁC NGỘ

Thời mạt pháp, nhiều người làm việc mê mà cứ bảo là Phật sự. Làm rồi thì than trời sao mà khổ quá! Riêng thầy vẫn cứ cười nói thành thơi, sớm tối công phu chẳng màng khen chê hay luận bàn chi cả. Người bảo gàn, kẻ thì nói "Giả đại qua ải." Có một vị du sĩ nói rằng:

- Vì không thông, các ông cứ ôm đồm nên vướng mắc buộc ràng đủ thứ. Ông thầy giác ngộ nên thoát khổ lụy.



Các ông cứ thấy cái gì ngộ thì vác (*) nên khổ là phải rồi.

(*) Người miền Nam phát âm các vần: V, D, Gi giống nhau

CẦU ĐẠO

Có cặp đào kép nổi tiếng tài sắc vẹn toàn, theo gánh hát rong ruổi bốn phương trời. Nhưng rồi va chạm nhiều, ngán ngẩm tình đời bèn lên chùa xin xuất gia. Thầy quán xét rồi bảo:

- Ngày này sang năm đến đây!

Đúng hẹn họ lên, thầy bèn cho cạo đầu thế phát. Họ sáng dạ lại tinh tấn nên tiến bộ nhanh. Thầy rất hài lòng, nhân lúc hứng khởi thầy viết: "Cậu đào lên chùa cạo đầu cầu đạo" rồi bảo đỡ chúng:

- Ai đối được ta có thưởng

Ấy vậy mà từ năm ấy đến nay vẫn chưa ai đối được.

LUẬT RỪNG

Xứ Cà Tung mấy năm nay coi mỗi tiến bộ lắm. Chủ nhân ông các xứ kéo đến làm ăn rần rần, xung khắc chủ-thợ cao độ nên luật được biên soạn cấp tập. Nhiều người kỳ vọng phen này sẽ văn minh không thua ai. Hôm nọ có một phiên xử quái lạ, dân thiết hại oan ức nên giận dữ phản đối. Quan bèn ra thông cáo:

- Ta xử theo luật, ta có cả rừng luật!

Mọi người đồng thanh hét to lên:

- Quan xài luật rừng!

Quan giận dữ cũng hét lớn không kém:

- Ta là luật! Bọn bay làm gì được bốn quan?

VĂN CÓ ÍCH HƠN

Năm ấy loạn lạc lớn, vương đẹp xong loạn quân và bắt được một văn nhân, kẻ đã viết hịch: "...Triều đình khí dân, cầu thân giặc bắc, Quan lại những lạm, hà hiếp lương dân, quốc gia lâm nguy, quân thần mù cả..." các quan giận dữ đồng thanh tấu:

- Quân phản động, đề nghị nghiêm trị để làm gương!

Ấy vậy mà vương thả cho y đi. Sau đó vương y cứ theo hịch của y mà sửa lỗi, chẳng mấy chốc quốc gia lại thái bình. Bấy giờ vương nói với các quan:

- Lời thật khó nghe nhưng có ích hơn vạn lời xu nịnh.

LIỀU MỘT ĐÁM

Sam là một trong tứ quý của xóm chợ, con nhà giàu nên mặc sức ăn chơi, khắp cả trấn ai cũng biết nhóm tứ quý này rành sáu câu cái vụ "Tứ độ tượng." Một thời gian sau Sam bỗng nhiên thề bỏ cuộc chơi. Bạn bè tiếc, cứ gầy độ rồi gài cho Sam quay lại nhưng không làm Sam thay đổi ý chí được. Có lần một đứa bảo:

- Sam! Cậu bỏ cuộc chơi nhưng hôm nay làm một điều với anh em chứ?

Sam cười nói:

- Minh vẫn quý mến các bạn lắm chứ nhưng mình đã bỏ, nhất định không *liều một đám!*

STEVEN N

Georgia, 7/2017

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH KHOAI TÂY CHIÊN NẤM THUẦN CHAY



(VNAC) - Món bánh khoai tây thuần chay này dùng điểm tâm hoặc ăn trưa, với chút rau sống và sốt cà, vị vừa ngọt ngọt lại vừa chua chua. Trang Âm Thực Chay có hướng dẫn cách làm sốt cà. Món chiên nên sẽ no lâu một chút. Tốt nhất có lẽ không nên ăn các món chiên vào buổi tối.

Chúc các bạn thực hiện các món chay thật thành công và chia sẻ với mọi người, vì có câu hạnh phúc được chia đều là hạnh phúc được nhân lên!

Hồng Hương / Việt Nam Ăn Chay

<http://www.vietnamanchay.com/2011/10/bep-chay-thanh-nhe-banh-khoa-tay-chien.html>

Nguyên liệu:

- 1 củ khoai tây trung bình, thái sợi
- 6 nấm hương tươi băm nhỏ
- 2 muỗng canh boa-rô (tùy thích)
- 1 muỗng canh muối biển (hoặc hạt nêm)
- 1 muỗng canh bột nổi
- 1/2 chén bột mì đa dụng hữu cơ

Thực hiện:

Trộn đều tất cả nguyên liệu, rồi dùng tay nặn thành hình tròn, xong cho vào chảo nóng, chiên vàng hai mặt. Bánh nóng, giòn, ngon, và thuần chay.



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Cha là ngọn nến

DIỆU THANH

... Cha yêu, Cha hay nói "Vô thường không biết được," con ghét câu này nhất đó Cha! Dẫu là thế trọng con Cha sống mãi. Cha biết không, con cần lắm một bờ vai để tựa, bờ vai Cha là chỗ dựa vững chắc nhất đời con... Bàn tay Cha truyền cho con hơi ấm, tựa vào Cha con mạnh mẽ gấp ngàn lần.

... Có lần Cha nói: "Mỗi người đều có một khúc quanh của cuộc đời, hãy nghị lực lên con thương yêu của Cha!"

Ồi... Cha yêu! Cuối đường hầm Cha như ngọn nến, soi sáng đời con vượt tối tăm. Cha đã thắp lên trong con tia hy vọng, tựa vào Cha như được ngủ trong nôi, cho con cái cảm giác bình yên lạ thường.

... Với con:

Mẹ là tảng đá dịu dàng, Cha là chỗ dựa trong đời của con.

Cha là ánh nắng ban mai, vén bức màn đêm cho con ngày mới.

Cha là cơn gió ngày hè, mát lành êm dịu góc trời bình yên

Cha là ngọn nến đêm đông, Lửa hồng sưởi ấm cả đời của con

... Con không biết dùng ngôn từ nào để có thể nói lên hết tình yêu mà con dành cho Cha. Trong giờ phút thiêng liêng này đây, con muốn dâng Cha một ngọn nến, con muốn mượn hình ảnh của ngọn nến thay cho tấm lòng của con.

Bởi trong con Cha là ngọn nến.

Cha là ngọn nến đêm đông.

Cha là ngọn nến cuối đường hầm.

Cha là ánh sáng cả đời của con...

và con chỉ biết trong con Cha là tất cả!



MẸ KẼ

(tưởng nhớ Mẹ tôi, Diệu Ngô)

têm miếng trầu xanh, cau đở
Mẹ kẻ
tội nghiệp người ôm nỗi lo sợ
cưu mang đàn con tan tác giữa chợ đời
như chim non lạc đàn
run rẩy, chim chíp khóc
bàng hoàng trong tang tóc thảng tư

tội nghiệp người đắm chìm trong lo sợ
hoang mang gặm nhấm linh hồn từng phút,
từng giờ
không ngưng nghỉ
cho đến tận cùng hơi thở
chơi vui theo bóng chiều hấp hối

tội nghiệp Mẹ tôi
ngày tháng sau cơn đột quy
xa vắng, tiêu tụy, xác xơ
trôi ngán ngơ trên dòng hệ lụy
nhìn, nghe – trong rỗng lặng
cây đa xóm cùi
trụi lủi, tróc góc, mất tàn

nhìn, nghe – nước mắt hai hàng
đường về gió bụi
bạt ngàn chân mây



MƯA DẦM

đôi vắng, lối hoang
cây khập khểng
nước mắt ngàn mây
chảy. chảy. chảy
muộn màng
ngập ngừng chân bước
theo năm tháng
bước dài, bước ngắn, bước lan man
bước xa, ngày tận
bàng hoàng
hổ người

NHU'

như này, như đây
như đất, như đá
như cát, như bụi
như ruộng, như rẫy
như rơm, như rạ
như nắng, như gió
như mây, như mưa
như lá, như hoa
như suối, như sông
như núi, như đồi
như người, như tôi
như ai, như lai

không từ đâu đến
chẳng đi về đâu
như đây, như này
như lai, như ai
như tôi, như người
tìm cầu chi nữa

THỞ CÙNG TÔI

bơi vôi vãi trên dòng sinh tử
sớm sơ sinh tóc bạc trắng cuối ngày
vân vũ ngang trời
tình nghịch cuộc chơi
tay khô cằn cõi, lòng thôi đại khờ

biển sương mờ mịt
rượu phạt không chờ
ai quy bên dốc đá
cuối đường, cuối đời
bén bờ vời vợi giữa ngàn khơi

ngày ra đời, ngày qua đời
người đứng đợi, người chơi vui
trông chi – ai đi, ai đến
trần ai bao ngã mệnh mang
chén trà trong tay chưa cạn
hương nhài ngào ngọt gọi mời
nặng sớm tắm thơm đôi gió
vắng, lặng – hãy thở cùng tôi

thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

Một giọt máu đào...

LAM KHÊ

- A! Dì Thủy! Dì Thủy về...
Bà Tư ơi!

Nhận ra thằng Cu Tiến, Thủy dừng lại định hỏi thăm bệnh tình của bé Trang thì giật thót người khi nghe tiếng la lớn của mẹ nó.

- Tiến! Về nhà ngay. Người ta là Việt kiều. Về quê làm từ thiện chỗ này chỗ kia để lấy tiếng, để khoe của... chứ họ hàng có chết cũng có thềm nhìn điếm xĩa đến đâu.

Bà Tư đứng trước cửa nhà, đỡ lấy chiếc va-li nhẹ tênh như cội lòng đứa con gái vừa trở về:

- Con đừng để tâm rồi buồn phiền. Con nó đang bệnh nặng... lại mới bị vỡ hụi nên hề gặp chuyện là cứ giận dữ sân si.

Thủy trầm giọng:

- Con đang trải nghiệm điều thầy và má thường khuyên bảo là phải trải lòng yêu thương để hóa giải hận thù; muốn nhận điều tốt đẹp trước hết phải học cách cho đi... nên không còn thấy buồn mà chỉ là thương cảm.

Rồi cô nhìn vào nhà nói tiếp:

- Thôi đi, đừng nói chuyện đó nữa. Ngoại sao rồi má. Con nghe má gọi điện bảo ngoại yếu lắm nên vội lấy vé về ngay.



- Mấy hôm trước cứ tưởng ngoại đi rồi. Sáng nay bác sĩ đến tiêm thuốc, ngoại có tỉnh lại, vừa mới uống chút sữa rồi ngủ thiếp đi. Chắc cũng không còn lâu nữa...

Thủy ngồi xuống nhìn bà hồi lâu rồi thở dài:

- Ngoại cũng đã gần chín mươi rồi. Cả đám con cháu, cho đến cuối đời chỉ có đứa con gái mà ngày xưa ngoại ruồng bỏ là gần gũi chăm sóc bà.

Người mẹ nói khẽ:

- Tại hồi đó má nhất quyết lấy ba con nên ông bà ngoại mới giận rồi bỏ mặc. Sau này khi thấy con cháu sống thiếu thốn, bà ngoại cũng hay đem tiền gạo đến chu cấp giúp đỡ. Rồi khi má bệnh nặng, chính bà đi mua thuốc rồi lo chạy chữa cho má. Lòng mẹ nào mà chẳng thương con. Ông ngoại thì gia phong nghiêm khắc lắm. Vậy mà ngày hôn lễ con tổ chức tại quê nhà, ông đang nằm viện trên thành phố cũng trốn về dự đám cưới để tận tay trao quà cho đứa cháu gái. Khi gần mất... ông vẫn đợi gặp má con mình lần cuối rồi mới chịu nhắm mắt ra đi.

Thủy ngược lên bàn thờ, ánh mắt ngoại vẫn như có tia lửa chăm chăm nhìn vào đứa cháu mà ngay trước ông vẫn cho là lì lợm ương ngạnh:

- Sao mọi người không thể sống ân cần tử tế với nhau ngay khi còn khỏe mạnh mà phải đợi tới lúc gần đất xa trời mới chịu nói ra những lời yêu thương tha thứ. Nếu như con không có sự nghiệp như ngày nay... thì có ai tới nhận cháu con.

- Đừng nghĩ đến những chuyện không vui đó nữa con

à. Do nghiệp nhân mình gây ra từ nhiều đời không tốt thì nay phải chịu lấy quả báo bị xa lánh ghét bỏ. Những gì tốt đẹp mình tạo ra cũng đã đến lúc gặt quả lành. Con thấy rồi đó... có giận hờn ghét bỏ thì cũng là bà con ruột thịt. Một giọt máu đào vẫn hơn ao nước lã...

Thủy cười nhẹ:

- Giọt máu đào có khi còn loãng hơn cả ao nước lã đấy. Nói vậy chứ lòng con đã không còn thù hận oán trách ai nữa. Nhưng má à! Nếu như ngày ấy má không lấy ba thì đã không đau khổ như đã từng đau khổ. Ba mất quá sớm để mẹ con mình bị họ hàng bạc đãi. Có khi nào má thấy hối hận?

Má lắc đầu:

- Má chỉ hối hận là không đem lại niềm hạnh phúc trọn vẹn tuổi thơ cho con. Nhưng bây giờ thấy con thành đạt như vậy, mẹ vui lắm rồi. Chỉ tiếc là không thể gần gũi bên con cháu.

- Con đã làm giấy bảo lãnh rồi. Tại má không chịu qua bên sống với con cháu...

- Má có tâm nguyện... ngoại trăm tuổi sẽ vô chùa, sớm hôm kinh kệ vui với mõ chuông cho thanh thân quảng đời còn lại. Má có ý định này từ ngày ba con mới mất. Lúc ấy má đã cảm nhận sự sống mong manh của kiếp người. Người yêu thương nhất cũng phải xa lìa. Tình thân chia rẽ. Cha con anh em ruột thịt lại chắt chứa sự oán hờn trách móc. Nghiệp lực sâu dày trước đã gây nay phải trả. Trả xong thì không còn gì để phải lo nghĩ vướng bận...

* * *

Một đêm... nó giật mình thức giấc khi nghe nhiều tiếng lao xao ở nhà ngoài, có tiếng má khóc thảm thiết gọi tên ba. Chưa lường hết sự việc, nhưng con bé cũng mừng rỡ tưởng được điều kinh khủng nhất đang xảy ra. Khi nhìn thấy con, người mẹ nói trong tiếng uất nghẹn:

- Thủy ơi ! Ba con chết rồi.

Thủy ngơ ngác nhìn mọi

người. Mới năm tuổi, nó chưa hiểu chết nghĩa là gì, nhưng thường ngày vẫn nghe bà nội nói... người chết là vĩnh viễn rời xa chúng ta để đi sang một thế giới khác. Như vậy là từ đây Thủy sẽ không còn gặp ba nữa sao. Ba thương Thủy lắm mà, sao lại có thể bỏ đi như thế được. Không thể chấp nhận điều này, Thủy ôm lấy mẹ rồi cũng gào khóc.

Vừa xong tuần thất đầu, đôi mắt má còn chưa ráo lệ khóc chồng thì bà nội đã kêu lại nói:

- Thăng Tân không còn. Mẹ con cô cũng lo thu xếp về bên ngoài... chứ ở lại đây không tiện lắm.

Rồi bà gằn giọng nói tiếp:

- Thăng Tân vì mẹ con cô mà lao tâm lao lực rồi phát bệnh. Nó chết vì bệnh lao phổi. Cô sớm muộn cũng bị lây nhiễm, ở lại đây để cả nhà tôi cùng chết hết à. Nhà tôi nghèo không đủ sức để lo cho mẹ con cô đâu.

Mặc cho má khóc lóc xin ở lại thọ tang chồng cho đến bốn chín ngày nhưng nội nhất quyết không nghe. Má đành giọt ngấn giọt dài dẫn con về nhà ngoại. Có lẽ đoán được sự việc, ông ngoại cho người khóa cổng ngoài. Thấy má khóc, Thủy cũng khóc theo. Bên trong ông ngoại giận dữ quát tháo:

- Tao đã nói rồi. Mà lấy cái thằng thầy giáo yếu mạng đó thì dù có khổ có chết cũng đừng vác mặt về đây. Bây giờ nó chết mồ chưa xanh cỏ đã bị người ta đuổi về. Mà đem mầm bệnh của nó về để lây hết cả nhà mới chịu sao.

Đến tận chiều tối, cậu Hai ra mở cổng đưa má đến căn chòi canh lúa cách nhà một khoảng xa và truyền đạt lại lời chỉ thị của ông ngoại..

- Má con mà ở đây... tự làm tự sống. Tuyệt đối không được bước chân về nhà.

Suốt nhiều năm... hai mẹ con sống lặng lẽ trong căn chòi rách nát, tách biệt xa lạ với chính cả những người thân thuộc của mình. Thi thoảng ngoại có cho người ghé qua chỉ để xem... hai mẹ con nó còn

sống không. Để tự làm tự sống... má phải cuốc đất trồng rau, phải lội ruộng mò cua bắt cá đem ra chợ bán. Sau mùa thu hoạch... má lại đi mốt lúa ngay trên cánh đồng mênh mông của ông ngoại. Hằng ngày Thủy chỉ biết quanh quẩn ra vườn với má hoặc ngồi trong chòi nhìn bức ảnh của ba trên bàn thờ mà tự hỏi... không biết ở nơi thế giới xa xôi nào đó ba có nhớ Thủy không? Ba có biết má cực khổ thế nào khi bị cả họ hàng nội ngoại ghẻ lạnh xa lánh.

Bức ảnh nhỏ ấy... má đã lên giầu mang theo lúc ra khỏi nhà nội. Khi về đây, việc trước tiên của má là sửa soạn chiếc bàn nhỏ kê sát vách và đặt di ảnh ba lên đó. Mỗi ngày dù đầu tắt mặt tối làm lung, má vẫn lo cơm nước rồi nhang đèn hoa tươi trái cây đầy đủ để cúng ba. Đêm xuống, dưới ngọn đèn dầu leo lét, má ngồi gõ mõ tụng kinh cầu cho ba siêu độ. Thủy đã ngủ ngon lành trong tiếng tụng kinh trầm buồn da diết của má.

Những đêm khóc lặng bên bàn thờ chồng. Những ngày vất vả làm lung bất kể nắng mưa để nuôi con khiến má đổ bệnh. Thấy con gái bệnh tình trầm trọng lại bị thổ huyết, bà ngoại đi mua thuốc đặc trị lao về bắt uống. Bệnh thêm nặng, má gần như mê man suốt mấy ngày liền. Thế là ngoại bắt người làm khiêng qua chùa nằm chờ chết.

Năm ấy Thủy lên tám tuổi, hiểu biết đôi chút về cái chết cùng sự mất mát thâm tình nên lo lắng ngồi bên má khóc rấm rứt. Sợ bị lây nhiễm, ngoại định đem gởi Thủy cho người bảo mẫu trên thị trấn nuôi. Con bé khóc không chịu đi. Thấy vậy, thầy trụ trì liền nói:

- Bà cứ để cháu ở đây, không sao đâu. Thầy đã bắt mạch... cô Tư bị chứng loét bao tử chứ không phải lao. Do

uống không đúng thuốc nên bệnh mới trở nặng như vậy. Thầy sẽ cho cô uống thuốc nam... bệnh sẽ thuyên giảm thôi.

Được điều trị đúng thầy đúng thuốc lại ở trong môi trường thanh tịnh an lành, được mọi người cảm thông chia sẻ, không bao lâu bệnh của má thuyên giảm dần. Đó là khoảng thời gian vui vẻ nhất của bé Thủy từ ngày ba mất. Ở chùa... Thủy có bạn bè là những chú tiểu cùng vui chơi cùng học tập. Cuối tuần các anh chị Phật tử đến chùa sinh hoạt, dạy múa dạy hát cho mấy em oanh vũ. Về lãnh vực này, cô bé rất có năng khiếu nên sẵn sàng tham gia và nhận được sự yêu mến khích lệ của mọi người.

Niềm vui vụt sáng lên như tia chớp cũng nhanh chóng bị bao phủ bởi đám mây mù thật tại. Mỗi sáng đến trường, Thủy phải nhẫn chịu bao lời chế diễu, những ánh mắt rẻ khinh xa lánh của các anh chị em họ hàng bên nội bên ngoại.

- Đừng chơi với cái đứa không cha đó. Má nó bị bệnh truyền nhiễm cũng sắp chết rồi.

Chạy vội về rồi Thủy òa khóc nói với má:

- Tại sao họ lại nói con như vậy. Tại sao ngày giỗ ba về bên nội, các anh chị được phát bánh mà con thì không. Tại sao mỗi lần về bên ngoại con lại bị mọi người chửi mắng xua đuổi.

Không muốn đứa con gái bé bỏng phải gánh chịu mãi sự tổn thương mặc cảm, nên vừa khỏi bệnh má liền rời bỏ làng quê lên thành phố, cực khổ buôn gánh bán bưng để nuôi con ăn học. Thương má lại ôm lòng oán trách họ hàng, Thủy quyết tâm học hành. Nghị lực của đứa con gái quê mùa cuối cùng cũng đạt được thành quả tốt đẹp. Tốt nghiệp trung học, Thủy nhận học bổng du học nước ngoài.

Cuộc đời của Thủy bắt đầu tiến triển theo trình tự rất logic... ra trường, có việc làm, định cư ở xứ người, lập gia



đình và có con. Cô đang hạnh phúc với những gì đang có. Điều mong muốn duy nhất của Thủy bây giờ là được kề cận bên má để chăm sóc yêu thương bà trong lúc tuổi già. Có điều má lại không chịu rời bỏ quê hương, một nơi chôn chứa quá nhiều những ký ức đau buồn tủi hận.

Nghe tiếng xe hơi đỗ trước cổng, thằng Tiến reo lên.

- Mẹ ơi! Di Thủy về rồi. Có cả Mai Ca, Sô Ca nữa...

Tuyết đang quét dọn trong nhà vội chạy ra:

- Nghe bà cô nói... đi về thẳng đây chứ không muốn mọi người ra sân bay đón... Sáng giờ ai cũng ngóng...

- Trước nay em vẫn vậy mà. Không muốn mọi người phải vất vả chuyện đưa đón bị rịn.

Tuyết đơn đả:

- Dượng không về chung à? Xem kia! Gần hai năm không gặp... hai cháu lớn mau dữ ta. Mai Ca thì to con giống ba. Còn Sô Ca thì xinh đẹp y như mẹ.

- Nhà em hôm nay bận ký cái hợp đồng làm ăn. Phải tận tối mai mới lên máy bay, chắc về kịp giờ ngoại.

- Dạ... con chào di Thủy...

Thủy quay nhìn bé gái đứng khấp nép sau lưng mẹ:

- À! Bé Trang. Cũng đã

lớn lắm rồi. Con vẫn khỏe hả?

Người mẹ trả lời với giọng đầy xúc động:

- Từ ngày được mổ tim, cháu nó khỏe hẳn ra. Bé trang cứ nhắc di mãi... bảo con khỏi bệnh là nhờ di Thủy. Chị không biết lấy gì để cảm tạ ân nghĩa của cô Tư và em. Nhờ hai người mà mẹ con chị như từ cõi chết trở về. Em còn giúp chị trả nợ, không thì nhà cửa đã bị ngân hàng phát mãi rồi.

Thủy cầm tay người chị họ, nhỏ nhẹ thân tình:

- Có gì đâu chị. Em vẫn ủng hộ kinh phí cho hội từ thiện ở chùa, giúp nhiều người mổ mắt mổ tim, hưởng gì là con cháu. Mình là chị em mà. Thấy chị như vậy là em vui rồi. A! Má em đâu rồi?

- Ba thằng Tiến mới chở cô Tư lên chùa thỉnh thầy về cúng cơm cho bà nội.

Căn chòi lá ngày nào nay đã là ngôi Tịnh thất thờ Phật rất trang nghiêm. Sau khi được thầy thể phát xuất gia, má ở chùa một thời gian học thuộc hai thời công phu rồi về đây chuyện tu, sáng chiều tụng kinh lễ Phật. Đưa các con vào lạy Phật xong, Thủy bước qua phía nhà thờ linh... di ảnh của ngoại được đặt trang trọng trên chiếc bàn phía dưới, hoa trái nhang đèn bày trí khá đẹp mắt. Phía trên là khung hình của ông ngoại, có cả di ảnh của ông bà nội

và ba. Thủy mỉm cười tự nhủ. Khi sống họ không thèm nhìn mặt, chết rồi lại về chung một mái nhà linh. Ở nơi cõi âm hồn, không biết mọi người có chịu mở lòng tha thứ cho nhau.

... Cúng trăm ngày cho bà ngoại vừa xong, má thông báo với mọi người sẽ vô chùa tu. Tâm nguyện của má là mong muốn con cháu dù đi đâu về đâu, ngày giỗ kỵ cũng về sum họp dâng mâm cơm cúng lạy cho ấm cúng vong linh ông bà. Cuộc sống mong manh. Vật chất tiền tài cũng chỉ là thứ phù du. Vậy nên mọi người phải sống tử tế với nhau, cùng yêu thương gắn bó, ngọt bùi chia sẻ, máu chảy thì ruột mềm. Dù có lúc giận hờn oán trách, nhưng tình thân vẫn là tinh thân.

Nghe mấy lời tâm sự ruột gan của má, mọi người đưa mắt nhìn nhau. Không khí trầm lắng một lúc thì anh Thái, con trai lớn của cậu Hai đứng dậy thưa:

- Thưa cô Tư... lâu nay cô Tư đã thay gia đình chăm sóc bà nội. Đó là trách nhiệm nhưng trên hết là tấm lòng hiếu đạo trọn tình của cô Tư đối với bậc sanh thành. Dù không nói ra nhưng chúng con ai cũng hiểu điều đó. Con cháu vì cuộc sống phải bươn chải khắp nơi nên không thể chăm sóc cho nội trong lúc tuổi già. Chúng con thấy mình thật có lỗi. May là nhờ có cô Tư. Không chỉ vậy, là người học Phật hiếu đạo, cô Tư luôn đem tâm từ bi của Bồ tát ra để giúp đỡ cứu người. Cháu con trong thân tộc... có người vì mê muội, vì lòng đố kỵ nhỏ nhen đã không hiểu việc làm của cô Tư nên có những lời oán hờn trách móc...

Anh Thái dừng lại khi nghe có tiếng khóc thút thít phía dưới.

- Trước kia bà nội có nói với ba con "Căn chòi lá cùng mảnh đất nhỏ mà trước kia con Tư ở, lâu nay má không chịu bán là để sau này cho nó làm nơi tu hành cải gia vi tự... coi như đền đáp tấm lòng hiếu thuận cùng những thua thiệt



của nó bấy lâu nay, mặc dù nó không bao giờ đòi hỏi điều gì." Bây giờ cô Tư muốn đi xuất gia, xin vì ý nguyện của bà nội và lòng thành kính khẩn cầu của cháu con. Anh chị em chúng con mong được nương nhờ ân đức của cô mà chuyển hóa tâm tánh, biết làm lành hướng thiện, trên dưới thuận hòa hết lòng tương kính.

Chị Tuyết- con cậu Ba, tay dắt đứa con nhỏ đến trước mắt bà cô rồi quỳ xuống sùi:

- Cô Tư... lâu nay con không hiểu... nên đã có những lời oán trách cô Tư và em Thủy, cho rằng hai người vì những chuyện năm xưa mà ghét bỏ thù hận họ hàng thân tộc. Nếu không nhờ tấm lòng độ lượng của cô... thì đứa con gái nhỏ của con đã không còn. Nay con xin được sám hối, xin cảm tạ ân đức của hai người. Cô Tư đi xuất gia... xin hãy dìu dắt hướng dẫn cháu con cùng tu tập, giải trừ hết những hiểu lầm tội lỗi của chúng con lâu nay.

Khi những gút mắt được tháo gỡ, mọi việc trở nên thông thoáng dễ dàng, cõi lòng cũng nhẹ nhõm như trút bỏ cả gánh nặng ngàn cân. Để đạt được điều tưởng chừng như không thể ấy, mọi người đã phải đi gần hết một chặng đường dài đầy sỏi đá chông chênh, cuối cùng mới cảm nhận được chơn lý diệu mầu nằm ngay trong cuộc sống hiện tại./.

The Story of Tissa

Dhammapada, Verses 249 and 250

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (249) and (250) of this book, with reference to Tissa, a young Bhikkhu.

Tissa, a young Bhikkhu, had a very bad habit of disparaging other people's charities and good deeds. He even criticized the charities given by such renowned donors like Anathapindika and Visakha. Besides, he boasted that his relatives were very rich and were like a well where anyone could come for water. Hearing him boast thus, other Bhikkhus were very skeptical; so they decided to test for the truth.

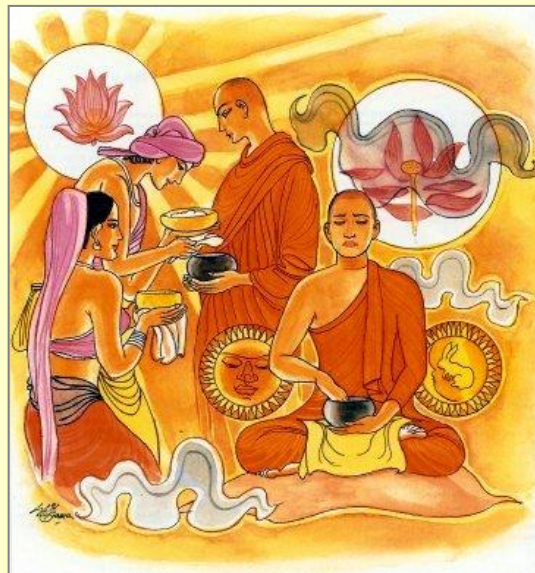
Some young Bhikkhus went to the village from where he came and made enquiries. They found out that Tissa's relatives were all poor and that all this time Tissa had only been making a vain boast. When the Buddha was told about this, he said, "Bhikkhus, a Bhikkhu who is displeased with others receiving gifts and offerings can never attain Magga and Phala."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 249: People give according to their faith and their devotion; one who is displeased with others receiving food and drink cannot attain Concentration (samâdhi) by day or by night.

Verse 250: He who has this feeling of displeasure cut off, uprooted and removed, will surely attain Concentration (samâdhi) both by day and by night.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



HÌNH ẢNH LỄ KHAI GIẢNG KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7 TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ SKOKIE, TIỂU BANG ILLINOIS, HOA KỲ TỪ NGÀY 20 ĐẾN 23 THÁNG 7 NĂM 2017



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com

Photos by Võ Văn Trường

HÌNH ẢNH LỄ KHAI GIẢNG KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7 TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ SKOKIE, TIỂU BANG ILLINOIS, HOA KỲ TỪ NGÀY 20 ĐẾN 23 THÁNG 7 NĂM 2017



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com



Lễ Khai Giảng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần 7 - 2017 - Hoavouu.com

Photos by Võ Văn Tường

Hành trình của một chiếc lá

CHƠN HẠNH



Đêm đã về khuya. Trăng sáng vắng vặc, bao trùm lên không gian yên tĩnh một thứ ánh sáng vàng nhạt. Ánh sáng ấy như dải lụa mượt mà, mỏng manh được dệt từ một loại tơ thượng hạng. Nó nhẹ nhàng lách mình qua kẽ lá, rồi đột nhiên tràn xuống chảy dọc theo dòng sông lấp lánh. Màn sương băng lạnh quện quanh, thấm vào người, se lạnh. Nghĩ về một dĩ vãng đã qua, một kỷ ức ngọt ngào về mẹ, lòng tôi chợt xoắn xang buồn.

Mùa thu, ngày ấy, trên con đường này, lá vàng xào xạc dưới mỗi bước chân. Cả khu rừng già nua, cằn cỗi, chỉ còn trơ lại những cành cây khẳng khiu, hiên ngang giữa giông bão cuộc đời. Và sóng, bên kia, dòng sông xanh không gợn sóng, uốn lượn một vòng duyên dáng trước khi trôi về phía chân trời xa tít, vô định. Mẹ xiết chặt tay tôi, nói như tự nói với chính mình:

- Đời người là hành trình của một chiếc lá. Úa vàng rồi rụng rơi. Nó nằm yên trong đất, theo thời gian mà đi vào quên lãng. Con có hiểu không?

Tôi đưa đôi mắt tròn xoe nhìn mẹ. Người mỉm cười rồi nói tiếp:

- Chiếc lá vàng sắp rụng kia là mẹ, và chồi

non đầy nhựa sống này là con. Con là niềm vui tinh thần của mẹ. Hãy cố vươn lên con nhé!

... Mùa đông về. ngoài trời mưa không dứt. Gió từng cơn thổi mạnh, lùa qua những tấm phen mục nát, lạnh ngắt. Mẹ ngồi bên tôi, ôm tôi vào lòng, truyền cho tôi từng hơi ấm. Đôi mắt người mẹ ứa lệ. Trong vòng tay ấm áp của người, tôi chợt hỏi:

- Mẹ ơi! Sao mẹ lại khóc?

- Không! Mẹ không khóc. Và con cũng sẽ không khóc. Cuộc đời này không còn gì để phải khóc con à!

Tôi hồn nhiên, không hiểu, hỏi lại một câu khác:

- Mẹ ơi, cái ông áo vàng thường xin ăn qua đây, con thấy ông ấy thường ngồi nhắm mắt, để làm gì thế hở mẹ?

- Ông ấy nhắm mắt để nhìn thấy con, để nhìn thấy mẹ, để nhìn thấy mọi người đau khổ trong tấm lòng an nhiên mà tử mãn của ông ấy.

- Mà vì sao phải nhắm mắt mới nhìn thấy, hả mẹ?

- Ôi! con yêu, lớn lên rồi con sẽ hiểu. Giữa cuộc đời tăm tối này, người ta không cần phải mở mắt mới nhìn thấy. Hãy cứ nhắm và bước. Ánh sáng trong lòng con sẽ dẫn dắt từng bước chân của con trong cuộc đời. Nơi nào con được đưa đến, ở đó sẽ là thế giới, là căn nhà đích thực của con. Hãy nhắm mắt và ngủ đi. Khi thức dậy, con sẽ thấy và hiểu. Ngủ đi con!

... Giờ đây, trên con đường mùa thu, xào xạc lá vàng, chỉ còn có một mình tôi bơ vơ, lạc lõng. Trong cái cô liêu, tịch mịch của đất trời, tôi chợt nhận ra mình đã nhắm mắt mà bước đi tự bao giờ. Và kia, bên mái già lam, ánh đèn khuya le lói ẩn hiện một nụ cười bao dung của Người nhìn tôi. Và tôi chợt đã hiểu ra đâu là ngôi nhà đích thực của chính mình. Kể từ đó, tôi đã là hành trình của một chiếc lá, nhưng không phải là một chiếc lá để chờ vàng và rụng. Mà nó sẽ xanh và xanh mãi, mẹ ơi!

CHƠN HẠNH

(huyenkhongsonthuong.com)

thơ DU TÂM LĂNG TỬ

THÁNG CHÍN VÀO THU NHỚ MẸ HIỀN

Mùa đã lên rồi thôi bớt xanh
Sắc vàng man mác nắng hanh hanh
Sơn hà một sáng long lanh lắm
Đẹp từng khoảng khắc cảm diệt - sanh

Đã chớm thu rồi nhớ mẹ sao
Mẹ già như lá ở trên cao
Vô thường chẳng đợi mùa đi - đến
Thương mẹ lòng con mãi xuyên sao

Mặt hồ in bóng cả trời mây
Đẹp lắm vàng thu ở chốn này
Mẹ ở quê nhà xa biết mấy
Tâm con thương nhớ vẫn đong đầy

Muôn cảnh mùa thu muôn sắc tâm
Công lao cha mẹ mấy mươi năm
Giờ đây tuổi tác như mùa vẩy
Lá vàng trước gió dậy tâm tư

Một khoảng trần gian khoác áo vàng
Gấm hoa pha sắc dạ mang mang
Mùa lên bất tận hồn rong ruổi
Lòng con nhớ mẹ chữa hề nguôi.

ĐẤT NƯỚC TÔI (III)

Đất nước tôi!
Mấy ngàn năm dựng xây
Cha ông tốn bao công sức tô bồi
Chống giặc Phương Bắc
Mở cõi về Nam.
Xương máu đổ để kết thành hoa trái
Nhưng lịch sử thường có những suy vi nghiệt ngã
Có anh hùng có cả lưu manh
Vinh thân phì gia
Tranh quyền lực và đồng tiền bằng mọi giá
Rước giặc vào nhà, phản bội ông cha.
Từng mảnh giang sơn là món hàng đổi chác
Phá hoại môi trường sinh thái
Dân chẳng bằng rơm rác thì nói chi đến động vật muôn loài
Họa vong quốc bởi nội tặc từ trong
Dân cùng khổ chẳng còn gì để trông mong!
Đất nước tôi đã nhiều phen bão giông sấm động
Không lẽ nào giờ đành chịu diệt vong
Đất nước tôi nằm bên bờ biển đông.
Vẫn im lặng mặc giặc Tàu quấy sóng
Từng mảng tâm hồn trôi giạt mất non sông
Đất nước tôi mai này sẽ ra sao?
Người thờ ơ, xã hội đầy vô cảm
Xám một màu ảm đạm tương lai
Đất nước tôi!
Lịch sử chưa bao giờ tuyệt vọng
Hào khí Đông A và sức mạnh Diên Hồng
Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... Vinh viễn niềm kiêu hãnh
Chiến tích oai hùng còn lưu mãi sử xanh
Lòng yêu nước, sức quật cường âm ỉ cháy
Rồi sẽ bùng lên, rồi sẽ có một ngày...
Lịch sử lại viết thêm trang sử mới
Đất nước này không thể mất em ơi!

Georgia, Sep 16/16

Lòng Mẹ

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Thuở xưa, có một bà mẹ bồng con ra sông tắm. Tắm xong, chị đặt nó ngồi dưới bóng cây, choàng khăn cẩn thận rồi mới xuống bên sông giặt giũ.

Một người đàn bà hiểm hoi đi ngang qua, bế lấy đứa bé đi thẳng. Người mẹ mất con, cuống quít đuổi theo, bắt kịp, nhưng chị đàn bà kia trở mặt bảo đứa bé là con của y và nhất định giữ lấy. Vì vậy, nộ vụ được đưa lên quan.

Quan vạch một đường dưới đất, đặt đứa bé ngồi ở giữa rồi ra lệnh cho hai bà mẹ, mỗi người nắm lấy một tay đứa bé:

- Ai kéo được đứa bé về phía mình, người ấy có quyền giữ lấy nó.

Hai chị đàn bà y lời, thi nhau kéo. Đứa bé đau quá khóc thét lên, người mẹ ruột thương con buông tay và ôm mặt khóc. Quan phân xử:

- Chị kia kéo được đứa bé về phía mình nhưng lòng chị không có sự bi mẫn, đích thị không phải là mẹ ruột của nó rồi. Chị này thương con, không nỡ làm nó đau, mới thật là mẹ nó.

Người mẹ lau nước mắt, bế con vào lòng.

*

Em thân mến!

Một bà mẹ, không phải do nhan sắc, quyền uy, tài sản hay chức tước có thể tạo thành, mà chính là tấm lòng đối với đứa con.

Cũng thế, một bậc giác ngộ không phải chỉ do hình dáng bên ngoài, công phu tu luyện, sự cung kính của người khác đối với ngài, mà chính là tấm lòng từ bi, yêu thương đối với tha nhân. Do đó mà trong kinh thường nhắc nhở chúng ta rằng, lòng yêu thương của đức Phật đối với chúng sanh hết như tấm lòng bi mẫn. Có khác chăng là một bậc giác ngộ yêu thương hết thầy chúng sinh bất kể thân sơ, vì các ngài không còn cái tính chấp về ta và của ta nữa. Một bậc giác ngộ mà không có tấm lòng bi mẫn đối với chúng sinh thì chỉ được gọi là độc giác mà thôi.

*Như người đang hái hoa
Lòng say đắm lạc thú
Bị tử thần lôi xa
Như lạt trôi làng ngữ.*

(PC 47)

(trích *Hư Hư Lục*, Phần 8, của NS. Thích Nữ Như Thủy)



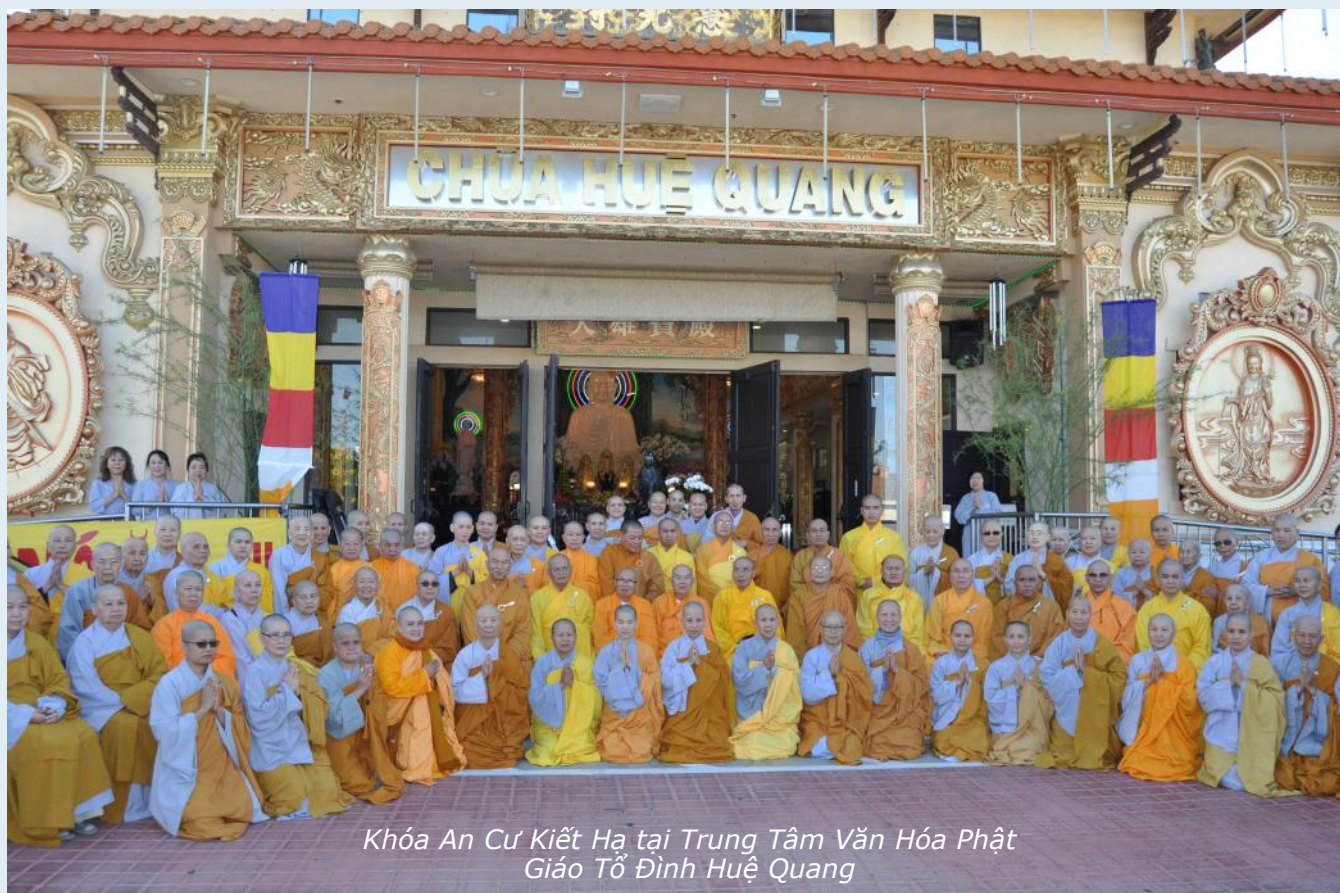
AN CƯ KIẾT HẠ: TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO TỔ ĐÌNH HUỆ QUANG

Santa Ana (VB)- Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Tổ Đình Chùa Huệ Quang tọa lạc tại số 4918 W. Westminster Ave, Santa Ana, CA 92703. USA, điện thoại: (714) 530-9249, (714) 534-2525 do HT. Thích Minh Mẫn, Viện Chủ đã tổ chức Lễ An Cư Kiết Hạ 2017 kể từ ngày 25 tháng 6 đến ngày 2 tháng 7 năm 2017.

Lễ khai mạc đã được long trọng tổ chức vào lúc 6:30 sáng Thứ Hai ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại chánh điện chùa Huệ Quang.

Lễ Kiết Giới An Cư năm nay có 185 Chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ các Chùa, Tự viện phần đông là tại Nam California và các vùng phụ cận. Chư Tôn Đức có: Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, HT, Thích Phước Thuận Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo

Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; (GHPGVNTNKH), Viện Chủ Chùa Trí Phước; HT, Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH Viện Chủ Chùa Bát Nhã; HT. Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; Viện Chủ Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Bảo Quang; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang; HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, HT. Thích Huệ Minh, HT. Thích Thiên Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh GHPGVNTNKH, Viện Chủ Chùa Phật Tổ; HT. Thích Giác Sĩ,



Khóa An Cư Kiết Hạ tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Tổ Đình Huệ Quang

Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Hoằng Pháp GHPGVNTN/
HK, Viện Chủ Tổ Đình Giác Lý...

Trước khi trường hạ khai mạc đã có một buổi họp để cung thỉnh chức sự gồm có: Thiền Chủ, Hòa Thượng Thích Chơn Thành; Đệ nhất Phó Thiền Chủ, HT. Thích Nguyên Trí; Đệ Nhị Phó Thiền Chủ, HT. Thích Quảng Thanh; Sám Chủ, HT. Thích Nhật Quang; Tuyên Luật Sư, HT. Thích Phước Thuận; Hóa Chủ, HT. Thích Minh Mẫn Viện Chủ Chùa Huệ Quang, Trưởng Ban Tổ Chức Trường Hạ; Giáo Thọ, HT. Thích Nguyên Siêu, Xưởng Ngôn Đại Đức Thích Hạnh Tuệ, Phụ tá Xưởng ngôn viên Đại Đức Thích Huệ Đức, Thư Ký, Đại Đức Thích Huệ Đức, Sư Cổ Diệu Như, Sư Cô Huệ Minh, Thủ quỹ Sư Cô Như Nguyên.

Ung Hộ Trường Hạ: HT. Thích Minh Tuyên, HT. Thích Thiện Long, HT. Thích Giác Sĩ, HT. Thích Huệ Minh.

Ban Giáo Thọ Tăng Ni: HT. Thích Quảng Thanh, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Minh Trí, HT. Thích Nguyên Siêu, Ni Trưởng Như Hương, Ni Trưởng Như Định, Ni Sư Minh Huệ.

Ban Giáo Thọ Phật Tử: Thượng Tọa Thích Ân Long, Đại Đức Thích Thường Trí, Đại Đức Thích Minh Chánh.

Chương trình Kiết Giới An Cư dành cho chư tôn đức Tăng Ni, nhưng trong những giờ như: tụng niệm, tọa thiền, nghe pháp và thực tập trai đường cũng có một số Phật tử tham dự.

Hòa Thượng Thích Minh Mẫn cho biết: "Vâng lời Phật dạy, hằng năm Chư Tăng Ni dù ở bất cứ phương sở nào đều vân tập về một trụ xứ để tịnh tu đạo nghiệp, vun bồi giới thể gọi là lễ hội Chư Tăng kiết giới an cư từ nếp sống quy củ thiền môn đó. Tăng Ni hải ngoại, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Orange County, Chùa Huệ Quang năm nay là một trong những nơi qui tụ Chư Tôn Đức Tăng Già về tu tập một tuần..."

Nhân dịp này Hòa Thượng Viện Chủ chuyển lời cảm tạ đến các chùa, các tự viện và đồng hương Phật tử đã cúng dường cho Lễ Kiết Giới An Cư năm nay thành tựu viên mãn.

Vài nét sơ lược về Ý nghĩa an cư: "Những năm đầu sau khi đức Thế tôn thành đạo, những vị Tỳ kheo đi hoằng pháp từ làng này sang làng nọ, mùa nào cũng đi, dẫu mưa, dẫu nắng, rất cực nhọc. Vì sự chu du của các Tỳ kheo như vậy nên những ngoại đạo nói rằng: "Đến mùa mưa, chim, kiến còn biết làm tổ để trú mưa, các đệ tử Sa môn Cổ Đàm cứ đi mãi và giẫm phải côn trùng". Đức Thế tôn dùng huệ nhãn để quán xét, ngài nhận thấy nhân duyên đến, nên ban hành lễ An cư Kiết vũ hằng năm để những người xuất gia hành trì có an lạc. Lý do ngài ban hành An cư là nhằm mục đích duy trì truyền thống chư Phật trong quá khứ; với lòng từ bi lớn của người xuất gia đối với côn trùng và những chồi non khi mưa dầm chồi nảy nở; Để người xuất gia có 3 tháng trau dồi thân tâm, phát huy giới định tuệ, trở về sống nội tâm nhiều hơn là ngoại cảnh..."

QUÊ HƯƠNG

*Bước chân trên vạn nẻo đường đời
Quê hương hồn mẹ mãi gọi về
Bao năm lang bạt càng xa thăm
Ngoảnh lại nhìn lui bạc mái đầu*

*Quê hương hai chữ thật thân thương
Nhớ mãi ngày xưa tuổi vỡ lòng
Chạy nhảy nô đùa khắp thôn xóm
Thả diều tắm sóng thả hồn thơ*

*Sáng sớm nông dân ra đồng ruộng
Tay cày tay cuốc chân bì bõm
Cây cày trời tằm bao tháng năm
Vất vả ngày qua miệng mỉm cười*

*Trưa hè tiếng nhạc nhà ai trôi
Văng vẳng đâu đây tiếng mẹ hiền
Ký ức quay về bao kỷ niệm
Một thời thơ ấu sống quê hương.*

*Lúa thơm đầu mùa đang thổi nấu
Khói chiều lam nhẹ len vách lá
Mục đồng thổi sáo chiều thôn dã
Đàn nghề bình an ngâm cổ cười*

*Hàng tre kéo kệt theo chiều gió
Nãi chuối buông cau thả đượm tình
Trăng lên sáng tỏ khắp thôn xóm
Che chắn làng tôi hưởng thái bình*

*Bây giờ phiêu bạt thân viễn xứ
Những buổi chiều tà nhớ làng quê
Mẹ cha thăm thăm nghìn xa vắng
Ngán lệ tuôn rơi phố đông người.*

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



Tưởng Niệm Đức Đệ Tứ Tăng Thống ĐLHT. Thích Huyền Quang Do GHPGVNTNHK & Chùa Huệ Quang Tổ Chức

Santa Ana (VB)- - Nhân mùa An Cư tại Tổ Đình Chùa Huệ Quang, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ phối hợp cùng Tổ Đình Chùa Huệ Quang, do HT Thích Minh Mẫn làm Viện Chủ, đã long trọng tổ chức Lễ Tưởng Niệm và Húy Kỳ Lần Thứ 9 Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, vào lúc 10 giờ sáng Thứ Bảy ngày 01 tháng 7 năm 2017 tại chánh điện Chùa Huệ Quang.

Hơn 200 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm đồng hương Phật tử tham dự.

Tham dự lễ gồm có HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, cùng các HT Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh GHPGVNTNHK; HT. Thích Minh Dung, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTN/HK; HT. Thích Minh Mẫn Viện Chủ Tổ Đình Chùa Huệ Quang cùng nhiều Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, quý Ni trưởng, Ni Sư, Sư Cô, nhiều nhân sĩ trí thức Phật Giáo, đại diện các cơ quan truyền thông báo chí, và đồng hương Phật Tử, v.v...

Điều hợp chương trình do Đại Đức Thích Hạnh Tuệ, Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK.

Trước khi buổi lễ bắt đầu, Ban nghi lễ cung thỉnh chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng, Ni từ trai đường quang lâm chánh điện.

Chương trình bắt đầu với nghi thức thỉnh chung trong không khí tĩnh lặng, trang nghiêm.

Sau đó HT. Thích Nhật Quang, thay mặt Ban tổ chức lên tuyên bố lý do buổi lễ.

Tiếp theo HT. Thích Nguyên Trí lên Tuyên đọc tiểu sử Đức Đệ Tứ Tăng Thống. Trong tiểu sử cho biết một số sự kiện về cuộc đời đạo hạnh của Đức Đệ Tứ Tăng Thống rằng, "Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang thế danh là Lê Đình Nhàn, sinh năm Canh Thân, ngày 19-9-1920 (tức ngày mồng 8 tháng 8 năm Canh Thân), quê thôn Háo Đức, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thân phụ là cụ ông Lê Vỹ pháp danh Như Hương, thân mẫu là cụ



bà Ngô Thị Tư pháp danh Như Tâm cùng ở làng Háo Đức.

Năm 1934: Vì thấy tư chất thông minh của Ngài, cụ thân sinh cho Ngài đến Chùa Vĩnh Khánh học thuốc Đông y với Cố Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo, hiệu Chí Tâm, là một vị Đông y nổi tiếng. Hòa Thượng thấy Ngài có khả năng chữ Nho giỏi lại viết chữ đẹp, thông tuệ khác thường nên không dạy thuốc lại dạy Kinh Luật, rồi cho Ngài xuất gia quy y Tam Bảo.

Năm 1935: Ngài đầu giáo với Cố Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo cho pháp danh Như An, pháp tự Giải Hòa, Ngài thọ Sa Di Giới tại đại giới đàn năm 1935 và đậu thủ khoa trong tập chúng, cũng trong năm này Bốn Sư của Ngài là Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo viên tịch ngày 30-9-1935.

Năm 1937: Ngài đầu giáo với Hòa Thượng thượng Chơn hạ Giám, hiệu Trí Hải trụ trì Chùa Bích Liên làm Bốn Sư và được phú pháp hiệu Huyền Quang, pháp danh Ngọc Tân, pháp tự Tịnh Bạch. Ngài được thọ Giới Cụ Túc tại giới đàn Chùa Hưng Khánh thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, do Hòa Thượng thượng Chơn hạ Hương, hiệu Chí Bảo làm đường đầu. Lúc này Ngài chưa đủ tuổi để thọ giới nhưng vì với tư chất thông minh đặc biệt nên ban kiến đàn đã cho đặc cách miễn tuổi để Ngài thọ Cụ Túc Giới và Bồ Tát Giới. Kỳ khảo hạch giới tử lần này Ngài cũng đứng đầu trong chúng (đậu thủ khoa). Bắt đầu từ đó Ngài lấy pháp hiệu Thích Huyền Quang làm danh xưng phổ thông.

Năm 1963: Ngài tham gia cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo dưới chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm và đòi hỏi yêu sách xóa bỏ Dự số 10 (Dự số 10 quy Phật giáo là một hiệp hội như thế tục).



Ngày 31-12-1963 đến ngày 04-01-1964 Đại Hội Phật giáo toàn quốc tổ chức tại thành phố Sài Gòn, qua đại hội này GHPGVNTN ra đời. Ngài được cung thỉnh vào chức vụ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ.

Đại hội kỳ 6 của GHPGVNTN, tổ chức vào ngày 27-12-1974, Ngài được cung thỉnh vào chức vụ Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1975-1978: Với tư cách Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Ngài cho tiến hành điều tra và phúc trình các vụ bắt bớ, chiếm dụng chùa chiền và cơ sở Giáo Hội một cách trái phép, phá hủy các tượng Phật, các di tích Phật Giáo của chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 06-04-1977, Ngài bị bắt cùng lúc với Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thích Huyền Ấn, và Cố HT Thích Thông Bửu, v.v... và bị biệt giam tại nhà số 4 Phan Đăng Lưu quận Bình Thạnh, Sài Gòn. Sau 18 tháng tù, Ngài bị đưa ra tòa xét xử, kêu án 2 năm và quản chế tại chỗ.

Ngày 23 tháng 4 năm 1992: Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu viên tịch. Ngài xin chính quyền Quảng Ngãi ra Huế dự lễ tang, nhưng chính quyền Quảng Ngãi không cho Ngài đi. Ngài tuyên bố! "Nếu nhà cầm quyền Quảng Ngãi không cho tôi đi dự tang lễ, tôi sẽ tuyệt thực vô thời hạn và sẵn sàng cúng dường thân này lên Chư Phật và tạ lỗi lên Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, vì tôi đã không làm tròn nhiệm vụ mà Hòa Thượng giao phó". Chính quyền nghe Ngài tuyên bố như vậy nên đành để Ngài đi. Tại tang lễ này, Hòa Thượng Thích Nhật Liên, là trưởng tử của Cố Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống đã trao lại cho Ngài ấn tín của Giáo Hội và lời di chúc của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Đứng trước Kim quan Đệ Tam Tăng Thống, Ngài dâng lời tác bạch, thể hiện nội dung dạy đạo

tình đối với bậc lãnh đạo tối cao của Giáo Hội và trình bày khẩn thiết tâm nguyện phục hồi GHPGVNTN.

Trở về Quảng Ngãi sau khi nhận di chúc và ấn tín ủy thác Giáo Hội của Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Ngày 25 tháng 6 năm 1992, Ngài viết yêu sách 9 điểm gửi các cơ quan cao nhất của chính quyền Cộng Sản Việt Nam nhằm mục đích nói lên thảm trạng của GHPGVNTN đang bị nhà nước Cộng Sản đàn áp, khủng bố các hàng giáo phẩm của Giáo Hội và các Phật tử trong nước.

Tháng 3-2003, vì bị khối u gần mắt Ngài được nhà nước cho phép ra Hà Nội để chữa bệnh. Nhân thời gian này Ngài có dịp tiếp kiến thủ tướng Phan Văn Khải vào ngày 02-04-2003. Trong cuộc gặp trực tiếp giữa Ngài và thủ tướng, Ngài yêu cầu chính phủ giải quyết về sự đình chỉ sinh hoạt của GHPGVNTN gần 30 năm qua, sự quản chế của Ngài và Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng một số Tăng Ni Phật tử khác. Nhưng thủ tướng không đáp ứng được những yêu cầu của Ngài.

Ngày 02-05-2003: Ngài thực hiện chuyến viếng thăm Sài Gòn, trong thời gian này với mục đích thăm định quan điểm quần chúng và Tăng Ni Phật tử đối với GHPGVNTN như thế nào. Qua chuyến thăm viếng này Ngài nhận định rằng: "Tinh thần Tăng Ni Phật tử vẫn còn niềm tin ở GHPGVNTN mặc dù gần 30 năm Giáo Hội không sinh hoạt". Rồi Ngài trở về Tu Viện Nguyên Thiều đúng ngày Phật Đản 14-04 Quý Mùi (2003).

Ngày 01-10-2003 (tháng 9 năm Quý Mùi âm lịch) Ngài và Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã tổ chức được Đại Hội với danh xưng là Đại Hội Bất Thường GHPGVNTN tại Tu Viện Nguyên Thiều. Đại Hội này thành công một cách tốt đẹp.

Sau Đại hội Bất Thường tại Tu Viện Nguyên



Thiều ngày 01-10-2003, Ngài cùng Hòa Thượng Thích Quảng Độ ủy thác cho các GHPGVNTNHN tổ chức Đại Hội Bất Thường GHPGVNTN tại hải ngoại. Thừa hành ý chỉ này, chư tôn đức Giáo Phẩm Tăng Ni và Phật tử lãnh đạo GHPGVNTN hải ngoại đã tổ chức Đại Hội Bất Thường mở rộng tại Tu Viện Quảng Đức thành phố Melbourne Úc Châu, ngày 10/12-10-2003. Chính Đại hội này công bố đầy đủ nhân sự lãnh đạo Giáo Hội trong nước và hải ngoại. Cũng trong Đại Hội này, toàn thể Tăng, Ni và Phật tử hải ngoại suy tôn Ngài lên ngôi vị Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN.

Ngày 27 tháng 5 năm 2008, vì bệnh tim tái phát, lại trong phổi có nước, nên Ngài đã được đưa vào Bệnh viện Đa Khoa Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, để điều trị.

Biết trước không tránh khỏi cơn vô thường, Ngài đã tỏ ý muốn về lại Tu Viện Nguyên Thiều để an tịnh. Ngày 4 tháng 7 năm 2008, lúc 3 giờ chiều, chư tôn giáo phẩm Viện Hóa Đạo và môn đồ pháp quyền đã cung đón Ngài về lại Tu Viện Nguyên Thiều.

Đến 1 giờ 15 phút chiều ngày 5 tháng 7 năm 2008, Ngài đã an nhiên thân thần thị tịch tại Phưởng Trượng Tu Viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định. Ngài trụ thế 89 năm và 69 hạ lạp.

Ngài đã phiên dịch và trước tác nhiều tác phẩm như:

- Thiền Môn Chánh Độ,
- Sư tăng và Thế nhơn,
- Nghi cúng chư Tổ và Chư vị Cao Tăng,
- Đạo Tràng Công Văn Tân Soạn,
- Thiếu Thất Lục Môn,
- Phật Pháp Hàm Thụy,
- Pháp Sự Khoa Nghi,
- Nghi Thức Cúng Giao Thừa,
- Phật Pháp Áp Dụng Trong Đời Sống Hằng ngày, ...

Trong lời Đạo Từ HT. Thích Phước Thuận đã nhắc lại công hạnh của Đức Đệ Tứ Tăng Thống. Hòa Thượng cho biết rằng chúng ta làm lễ tưởng niệm Ngài để nhớ đến công trạng của Ngài. Ngài lúc nào cũng luôn xứng đáng là con của đức Phật. Cho đến những năm cuối, Đại Lão Hòa Thượng bị quản thúc nhưng Ngài vẫn lên tiếng kêu gọi chính quyền CSVN phải tôn trọng tự do tín ngưỡng và để các tôn giáo hành đạo không qua sự chỉ đạo của nhà nước." Tiếp theo nghi thức lễ tưởng niệm bắt đầu dưới sự chủ sám của Hòa Thượng Thích Phước Thuận.

Cuối cùng Hòa Thượng Thích Minh Dung, thay mặt Môn Đồ Pháp Quyền lên có lời cảm ơn đến Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử.

Qua sáng Chủ Nhật, ngày 2 tháng 7, Trưởng Hạ Tổ Đình Chùa Huệ Quang cũng đã làm lễ Tự Tứ, giải hạ và sau đó vào buổi trưa là Lễ Cúng Đường Trai Tăng hoàn mãn một tuần lễ An Cư Kiết Hạ tại trú xứ già lam Huệ Quang.

BA MANG MÙA THƯƠNG NHỚ ĐI XA

*Ba đi xa giữa mùa xoài hoa nở
bông ngút ngàn tung cánh tiễn đưa
Nhà vắng ba
gió bỗng lặng thinh
Chim đang hót
bỗng ngừng im bất tiếng,*

*Nhà vắng ba
không tiếng ai trò chuyện
Ghế thiếu chỗ ngồi
bàn ăn thiếu một chén cơm
Nhà vắng ba
thiếu tiếng bước chân
Tiếng tăng hằng,
lượt ho khe khẽ*

*Bữa cơm tối
mấy đứa con nhìn nhau ứa lệ
Chỗ ba ngồi
vẫn để đó chờ ba...
Ba mang mùa thương nhớ đi xa
Bỏ lại chúng con –
tóc điểm sương,
chưa chịu thành người lớn...*

*Ba đi xa,
mùa xoài thương nhớ,
bông nhuộm vàng
hương nắng đợi chờ ba...*

thơ

NGUYỄN PHAN THÙY CHI



Khế cơ

ĐỒNG THIÊN

Buổi cơm tối sum họp cả nhà rất vui vẻ sau ngày làm việc mệt mỏi, nhưng khi cả nhà quây quần bên mâm cơm thì tự nhiên khoẻ hẳn lại. Tài lanh miệng khen:

- Thức ăn ngon quá, mẹ thật là khéo tay.

Bà Mai cười cười, nhìn Tài đầy triu mến:

- Thôi đi ông tướng, được cái dẻo miệng!

Mấy anh chị cười như nắc nẻ phụ họa thêm vào:

- Đứng đó mẹ, thẳng Tài miệng như thoa mỡ vậy nên mấy cô theo rần rần!

Bà Mai bảo:

- Minh con nhà Phật, đào hoa thì đào hoa nhưng phải sống sao cho có đạo đức nghen con. Mai con chở mẹ lên chùa lễ Phật và dâng sớ cầu an luôn thể.

Tài cãi lại:

- Lên chùa lễ Phật thì được nhưng việc dâng sớ, cúng sao... là hồng nên làm. Mẹ biết không? Đó là đức tin của người Tàu, dần dần đưa vào cửa chùa riết rồi thành ra vàng thau lẫn lộn!

Bà Mai không chịu:

- Mẹ không biết nhưng ông bà mình xưa nay làm thì mẹ cũng làm theo thôi!

Tài biết không thể làm mẹ thay đổi định kiến được nên không nói gì thêm.

Hôm sau Tài chở mẹ lên chùa; bà Mai vào đội sớ, viết danh sách cầu an cho cả nhà... Tài thì ra ngoài sân tìm bóng mát ngồi và hí hoáy lướt mạng trên điện thoại di động. Chơi chán Tài lại ngồi suy nghĩ vẩn vơ. Tài không thích cảnh hàng ngàn người đang đội sớ và hy vọng vào sự cầu nguyện sẽ giải được hạn từ các ngôi sao trên bầu trời kia. Tài thương mẹ, biết mẹ cũng như

những bà, những cô đang tin vào một thứ phi pháp nhưng mượn danh Phật pháp. Những ngôi sao xa xăm trên bầu trời với những cái tên đậm chất Tàu kia làm sao có thể gây họa hay đem lại phước lành cho con người được! Năm xưa Thế Tôn còn tại thế ngài từng dạy cho một vị Bà La Môn ném viên sỏi xuống hồ rồi bảo ông ta cầu nguyện cho nó nổi lên đi, dĩ nhiên nó không thể nổi. Xong ngài thả chút dầu trên mặt nước, đoạn bảo ông ta nguyện rửa cho nó chìm đi, dĩ nhiên dầu không chìm. Sau đó ngài mới nói với ông ấy, phước hay họa đều do từ tư tưởng, hành vi, lời nói của mình mà ra. Không có ai và cũng không có vật gì có thể gây họa hay ban phước cho con người cả! Đạo Phật được truyền qua Trung Quốc, rồi bị Tàu hoá, thêm vào những phong thủy, bói toán, xin xăm, cúng sao... rồi từ đó truyền sang Việt Nam. Người Việt lại rập khuôn y vậy. Có thể ban đầu các tổ dùng nó như là phương tiện để dẫn dụ nhưng dần dần hóa ra thâm lam. Bây giờ chùa chiền không có giảng kinh, học pháp... mà phần nhiều chỉ lo xây cho to, tổ chức cúng sao, dâng sớ rầm rộ, thậm chí mời ca sĩ về chùa hát hò... coi đó là Phật sự! Tài biết mẹ cũng như những phụ nữ kia đã tin sâu vào việc ấy, không thể một sớm một chiều thay đổi được; và lại cũng không thể trách vì nếu đem Pháp Hoa, Bát Nhã, Tánh Không ra mà giảng thì các bà các cô ấy cũng làm sao mà tiếp thu được! Tài thấy những tín đồ các tôn giáo khác họ am hiểu và nắm vững giáo lý của họ lắm. Còn hàng Phật tử chúng

ta thì rất mơ hồ về giáo lý Phật pháp, không biết Phật dạy gì... Phần nhiều cứ lên chùa đốt nhang, bỏ ít tiền vào thùng phước sớ, khăn vái sao cho gia đình bình an, làm ăn phát tài, vận hạn hanh thông... thế là hết! Sự việc này quả thật là vấn đề nan giải, khó mà trách ai, "Tại anh tại ả, tại cả đôi đàng." Phần Phật tử không chịu học, phần các chùa cũng không biết cách làm sao cho Phật tử biết cái cốt lõi của giáo lý Phật Pháp là gì! Phật pháp minh mông, kinh điển chất như núi... Hàng Phật tử sơ cơ làm sao mà biết bắt đầu từ đâu? Thế nên cứ theo cái lệ cũ xưa nay. Tài từng thưa với thầy về chuyện này, thầy cũng bảo:

- Vấn đề này lớn và nan giải lắm, hiện thời cũng chưa biết làm sao! May ra giáo dục từng chút một. Nếu mình đốt ngột xoá bỏ hết xin xăm, cúng sao, dâng sớ... hay những việc tương tự thì sẽ gây ra một sự xáo trộn không nhỏ! Và lại chỉ chùa mình làm không thì sẽ thất bại. Việc này phải cậy vào cả cộng đồng tăng-tục cùng làm và làm từ từ từng chút một mới có thể thay đổi! Con biết không? Phật giáo nước mình rục rở ở thời đại Lý-Trần mà đỉnh cao là dòng Thiền Trúc lâm. Sự hưng thịnh đến nỗi sử gia Ngô Sĩ Liên viết: "Dân trong nước quá nửa cạo đầu làm sư sãi." Sau đó thì suy tàn kéo dài suốt thời Lê Trung Hưng, rồi hai trăm năm Trịnh-Nguyễn phân tranh, sau nữa thì Pháp thuộc... Những hình thái không phải của Phật giáo pha trộn vào. Hàng Phật tử không còn biết đến giáo lý... Tất cả chỉ đơn giản là ăn chay vài ngày trong tháng, đốt nhang khăn vái... Và hiện nay khi có chút cởi mở trong nghi lễ tôn giáo và có sự lèo lái mục đích của thế lực thế tục. Việc cúng bái mê tín càng trở nên trầm trọng hơn! Thầy trần trở nhiều lắm, thầy cũng có đưa ý kiến lên các bậc có trách nhiệm nhưng không thấy trả lời. Thầy chỉ còn cách làm những gì trong giới hạn của mình mà thôi! Thầy vẫn cúng

sao, đọc số cho các bà, các cô... nhưng thầy vẫn tìm mọi cơ hội để nói về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo cho họ. Thầy biết hàng Phật tử sơ cơ thích gì và quán sát khả năng tiếp thu của họ. Con là Phật tử có chánh kiến nhưng không vì vậy mà cản trở việc lễ cúng của mẹ con. Bà ấy chừng tuổi đó làm sao thay đổi tư duy được! Có thể bà ấy và những bà khác không nắm vững giáo lý nhưng việc làm cúng kiếng, bố thí, ăn chay... vẫn là nội hàm Phật Pháp đấy! Con là người trẻ, tư duy nhạy bén, chịu đọc chịu học giáo lý thì con phải biết tính kế cơ khế lý, không thể cứng nhắc, chấp chặt được. Nếu đạo Phật mà không uyển chuyển thì không thể lan tỏa đến nhiều vùng với nền văn hoá khác nhau và cũng không thể tồn tại hơn hai mươi lăm thế kỷ qua! Cốt lõi của đạo Phật là giải thoát chứ không phải ở văn tự, kiến thức!

Hai thầy trò tâm sự khá lâu, mọi người ăn uống và dọn dẹp bên trái đường cũng xong. Bà Mai bước ra gặp thầy bèn chấp hai tay xá thầy:

- Bạch thầy, Thầy nói giùm với ông tướng của con vài lời, ông cứ phàn nàn con mê tín, không chịu vào chùa dâng số giải hạn. Nếu con mà không cúng giải hạn thì lấy đâu cả nhà an ổn bao năm nay!

Thầy cười:

Mô Phật, bác thật thành tâm nhưng bọn trẻ nó có tư duy của nó, hơn nữa cậu ấy có chánh kiến đấy bác! Giữa hai thế hệ cũng có chút khác biệt. Bác cứ làm theo lối của bác, cậu ấy thì học và hành theo lối cậu ấy!

Hai mẹ con cúi đầu chào thầy rồi ra về. Bà Mai ngồi sau xe có vẻ tự hào:

- Đấy, con thấy không? Thầy có bảo mê tín gì đâu! Mẹ nhất định hàng năm phải lên chùa dâng số giải hạn!

Tài mỉm cười:

Thôi thì mẹ cứ làm vậy nhưng phải chọn ngôi sao nào sáng nhất cho con đấy!

Georgia, 7/2017

VU LAN BUỒN

*Công ơn dưỡng dục sinh thành
Lớn tày non bẻ con đành khát sao
Chưa nuôi cha mẹ ngày nào
Kể từ chân trót bước vào bể dâu
Chiều nay phiêu dạt về đâu
Mà hồn lữ thứ nhuộm màu Vu Lan
Mẹ hiền chín tháng cưu mang
Hai năm bú mớm vì con trọn đời
Hiếu làm sao cảm đất trời
Mấy mươi năm nặng những lời nhớ mong
Ước gì như Lê Thánh Tông
Chăm hoàng thái hậu dốc lòng khẩn xin
Thuốc thang ăn uống tự mình
Thay áo khâm liệm thực tình đạo con
Để ba mươi sáu năm ròng
Ngự triều ngày lễ chần thắm mẹ già
Vua Tự Đức của Nguyễn gia
Triều thần hủ bại nước nhà lâm nguy
Từ Huân Lục tháng năm ghi
Lời mẹ dạy đáng trị vì quốc gia...
Làm trai phụng dưỡng mẹ cha
Trung quân ái quốc sau là lập thân
Bao năm quảy bước phong trần
Hao gầy hiếu hạnh muôn phần xót xa
Vu Lan treo nổi nhớ nhà
Xa mờ cổ quận biết là thấu chăng.*

thơ LƯU LÃNG KHÁCH



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương một

(tiếp theo kỳ trước)

Nhà tôi là kiểu nhà xưa lợp ngói âm dương, gồm có ba gian. Gian giữa phía trước có bàn thờ Phật. Sau bàn thờ Phật là bàn thờ ông bà tổ tiên. Hai bên là hai phòng ngủ của bà ngoại và ba mẹ tôi. Trên bàn thờ ông bà và hai phòng ngủ ấy có gác bằng gỗ lim rất chắc. Ba gian gác không dùng để ở mà để cất chứa những vật dụng ít dùng đến của gia đình, có thể coi căn gác gỗ đó như là kho chứa vậy thôi. Riêng một nửa phần gác chính giữa, ở phía trước, lại đặt chỗ thờ đức Phật Thích Ca bằng tranh rất lớn. Tôi thường ngược nhìn lên đức Phật ở trên cao ấy, cầu nguyện, ao ước... và trong một lúc quay quắt nhớ cô bạn nhỏ, tôi đã viết tràn một xấp giấy học trò dòng chữ: "Ước gì Trang của con trở về." Viết xong, tôi cuộn tròn xấp giấy lại, ràng giấy thun cho gọn rồi ném cuộn giấy lên trên gác—tôi không dám ném lên trên bàn Phật, vì nơi đó mẹ tôi thường thay nước cúng mỗi sáng có thể phát giác được lời nguyện âm thầm của tôi. Lời nguyện đó tôi chỉ dám thổ lộ với đức Phật mà thôi. Ngồi ngự ở trên cao, hẳn ngài biết tôi gửi lời

ước của tôi lên đó—tuy không đúng ngay bàn thờ của ngài thì cũng gần gần đó chứ có ở đâu xa! Ném cuộn giấy lên gác rồi, tôi mới thấy nhẹ nhõm trong lòng. Và tôi bắt đầu hy vọng Trang sẽ quay trở lại một ngày nào đó. (Lúc đó tôi không biết rằng chuyện tôi viết lên giấy như vậy cũng chẳng khác gì hình thức dâng sớ trong triều đình, hay trong các khóa lễ cầu nguyện trong chùa; chỉ khác là hành động ném "sớ" lên gác trông không được nghiêm trang cung kính mà thôi).

Vài tháng sau, khi tôi quên bém luôn về cuộn giấy gói gắm ước nguyện thì mẹ tôi sai hai anh lớn lên gác lục soạn và quét dọn. Chính anh Hậu, người đã "cặp đôi" tôi và Trang, người vô tình làm "mai mối" đã phát giác ra cuộn giấy đó. Anh vừa phui bụi trên cuộn giấy vừa nói:

"Cuộn giấy gì vậy ta? Chắc di chúc gì của ông ngoại hay ông cố để lại kho tàng cho nhà mình đây."

Rồi anh tháo ra đọc, đọc xong đưa anh Chu là anh lớn nhất trong nhà:

"Đứa nào viết tầm bậy tầm bạ gì đó. Chử này là chử mấy đứa nhỏ mà. Anh đọc thử coi nè. *Ước gì Trang của con trở về*. Nghĩa là sao? Viết cả trăm câu giống như bị

chép phạt vậy."

Anh Chu đọc xong, cười ngất, hỏi:

"Chử đứa nào vậy?"

"Chắc chử thằng Khang chứ gì. Thấy nó hay qua chơi với con nhỏ gì bên nhà anh Long đó. Chắc con nhỏ đó tên Trang."

Tôi đứng ở dưới nghe được thì hết hồn tính lảng đi chỗ khác, nhưng đã bị anh Hậu gọi lại:

"Khang, xấp giấy này của mày phải không?"

Từ trên gác, anh ném cuộn giấy xuống chỗ tôi. Tôi lượm lên là biết đích xác đây là tác phẩm của mình chứ không còn chối chạy đi đâu được nữa. Nhưng tôi ráng nói quanh khi mở ra đọc được chính dòng chử và giọng vẫn rất thiết tha của mình:

"Đâu biết của ai."

"Xạo đi mày, thằng ranh. Chử mày chứ không ai khác. Còn Trang là con nhỏ bên kia, phải không?"

Tôi cứng họng, xấu hổ, nhưng cũng không chịu thua:

"Nhớ rồi. Chử của em đó. Nhưng mà Trang là chị Trang ở Mỹ sắp về thăm nhà chứ đâu phải con nhỏ nào đâu."

"Vậy chử con nhỏ bên nhà anh Long tên gì, nói mau, nói mau, không được suy nghĩ!"

Tôi đáp liền:

"Tên Xù!"

"Hà? Nói gì, nói lại coi? Tên gì?"

"Tên Xù!"

Hai anh tôi ôm bụng cười nghiêng ngả:

"Tên Xù! Ha ha, ha ha..."

Cười đã rồi, anh Chu kêu tôi lại, nghiêm giọng nói:

"Lo học đi nghe. Không có xù xì gì nữa hết. Mới bi lớn mà đã biết trồng cây si, bị người ta "xù," rồi ước mơ hả? Lãng mạn! Ranh! Chưa tới tuổi đâu nhóc!"

Tôi chẳng hiểu anh nói gì. Thích thì làm bạn với nhau chứ có đi trồng cây si cây siếc gì đâu! Dù sao, cũng đã thoát nạn. Tôi đem xấp giấy ra ngoài sân đốt. Ngay lúc đó tôi mới thấy buồn trong lòng vì bị xúc phạm. Phải, anh tôi cười cái tên ở nhà không được hay của Trang chính là đã xúc phạm tôi rồi. Người lớn thường hay chú trọng cái tên lắm. Thực ra tên Xù có gì là xấu đâu. Phải nhìn, phải ngắm, phải nói chuyện, phải cùng đi chùa, cùng ngồi tụng kinh bên cô gái ấy mới thấy được cái đẹp, cái dễ thương của cô ta. Cái tên thì nghĩa lý gì! Nhưng mà anh Hậu này cũng kỳ khôi! Chính anh đã cặp đôi tôi với Trang, vậy mà anh cũng chẳng thông cảm cho thằng em này chút nào. Trái tim của thằng con trai này đâu phải tim heo tim bò bán ngoài chợ thịt đâu! Nó có cái rung động rất nhiệt thành của nó chứ. Đầu phải lấy nó ra giỡn chơi, rồi bỏ bê không ngó ngang giúp đỡ, rồi còn bắt bẻ, la rầy! Tôi còn tự trách mình, cảm thấy mình đã làm một việc lỗi rất hèn nhát đối với Trang. Tôi nhớ nhiều lần Trang đã yêu cầu tôi đừng gọi Trang bằng tên Xù nữa. Tôi đã hứa, đã từ bỏ (dù rằng tôi thấy cái tên đó rất dễ thương!), nhưng bây giờ, vì sợ bị đánh đòn hay rầy la mà tôi đã khai ra cái tên ấy để các anh cười gheo bạn mình. Tôi hối hận vô cùng. Nhưng quả tình là tôi không đủ can đảm để quay trở vào, cãi chính; và có cãi chính chẳng thì cũng trễ rồi. Các anh ấy sẽ chẳng bao giờ chịu chấp nhận tên Trang khi đã biết được tên Xù.

Vậy rồi mùa hè lại tới. Tôi thấp thỏm chờ đợi Trang "trở về," bất kể lời cảnh cáo của anh Chu. Anh cảnh cáo vậy thôi chứ chuyện con nít hàng xóm kết bạn với nhau thì có gì trầm trọng để quan tâm. Rồi nhiều ngày qua, nhiều ngày qua. Vẫn không thấy bóng "người xưa" trở lại. Cho đến tận tháng bảy, giữa mùa hè, sau khi đi tắm biển về, tôi mới thấy dáng Trang với mái tóc đen nhánh xõa ngang vai, thấp thoáng sau cánh cửa sổ quen thuộc ấy. Tôi không ngăn được vui mừng, xúc động, chạy nhanh đến gần, gọi với giọng vừa hân hoan vừa bồi hồi:

"Trang!"

Cô bé quay lại, hơi ngỡ ngàng một chút, rồi cười ngay:

"Trang đâu mà Trang! Mơ hả? Mới hồi sáng nói rồi mà còn Trang, Trang cái gì!"

Tôi ngớ ngẩn hỏi lại:

"Hồi sáng nào? Nói cái gì đâu?"

Cô bé trợn mắt nguyệt dài một cái rồi nói:

"Hồi sáng này chờ hồi sáng nào. Người ta nói rồi mà không nhớ hả? Người ta tên Thúy chứ đâu phải tên Trang đâu!"

Nói rồi cô bé quay qua giỡn với bé Hằng, bỏ tôi đứng như trời trồng ở đó. Ban đầu tôi nghĩ chắc Trang muốn đùa với tôi, hay đã quên mất tôi rồi chẳng. Nhưng chỉ một giây ngắn ngủi là tôi sức nhớ lại lời cô bé vừa rồi mới nói. Rõ ràng cô ta không phải là Trang "của tôi." Trang của tôi đâu có nói nhiều, đâu có nguyệt người ta với đôi mắt sắc lém như vậy, đâu có "ít hiền" như vậy! Và tôi cũng đâu có nói chuyện với cô ấy hồi sáng bao giờ. Chắc chắn là có gì lầm lẫn, cả tôi lẫn cô ấy.

Cô bé này có lẽ là em kế của Trang. Dù có khuôn mặt rất giống nhưng cô ấy ốm, thấp người hơn, mà tính tình cũng khác với Trang nữa. Cô có vẻ liến thoắng, nhanh nhẹn, vui vẻ chứ không trầm lặng, buồn buồn và hiền dịu

như Trang. Vậy là tôi đã lầm. Tôi chỉ còn hy vọng là có Trang cùng đi với cô bé này, và có lẽ Trang đang ở đâu đó trong nhà. Tôi đứng nán lại một chút để xem Trang có xuất hiện không. Một lúc thì Minh bước đến gần cửa sổ. Tôi mừng quá ngoắc Minh, hỏi liền:

"Trang đâu rồi?"

"Con Xù đó hả? Nó đâu có đi."

"Vậy chứ ai mà giống... quá vậy?"

"Ô, con Thúy đó mà. Nó là em con Xù đó. Kỳ này tới phiên nó."

"Vậy hả?"

Té ra là vậy. Đúng là em của Trang chứ không phải là Trang. Tôi tiu nghỉu quay vào nhà. Không biết Trang có tất cả mấy chị em và khi nào mới đến phiên Trang được ra Nha Trang nghỉ hè. Thôi thì cứ chờ đợi vậy.

Vào nhà, gặp Hữu, đưa em trai kế của tôi đang ngồi viết vẽ gì đó. Tôi bỗng sức nhớ lại là thằng em này có khuôn mặt hao hao giống mình, chắc là hồi sáng nó đã nói chuyện với Thúy, bây giờ Thúy tưởng lầm mình là nó. Tôi buồn bã ngồi xuống gần Hữu, nói:

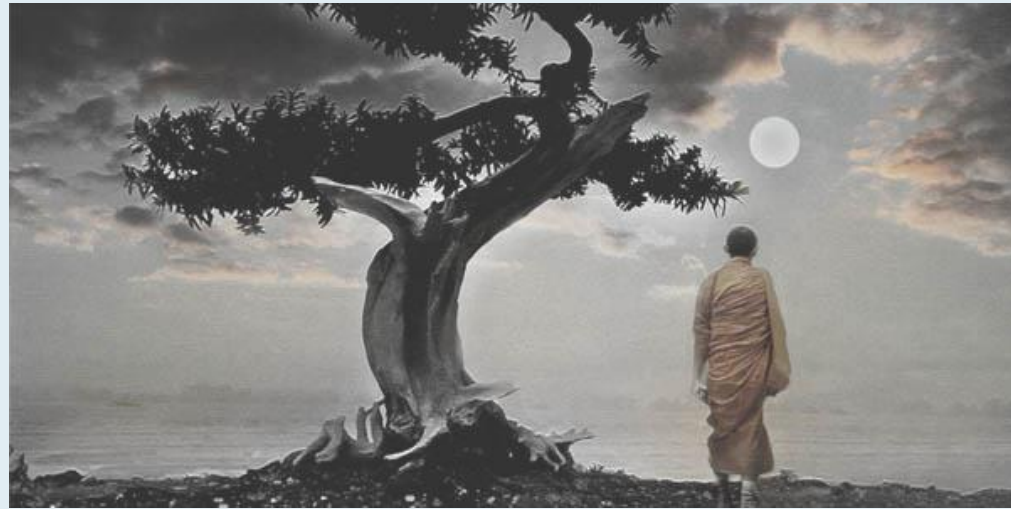
"Bên nhà thằng Minh có con Thúy giống hệt Trang, tao tưởng Trang nên kêu. Té ra không phải."

Hữu cười lăn trên giường. Cái thằng! Chuyện có gì đâu mà cũng cười dữ vậy đó. Tôi gượng gạo cười theo. Hữu nói:

"Hồi sáng em thấy nó, cũng tưởng là chị Xù. Vậy mà không phải. Nó tên là Thủy. Nó thích em lắm đó!"

Thằng ranh! Tôi bỏ đi chỗ khác cho Hữu cười một mình. Đã tới phiên của Hữu và Thúy. Tính ra thì bây giờ tôi và Trang được chín tuổi, Hữu mới bảy tuổi (có lẽ Thúy cũng cỡ đó). Như vậy, năm ngoái khi tôi và Trang quen nhau thì hai đứa cũng tám tuổi rồi chứ đâu có "quá nhỏ" như Hữu và Thúy! Thiệt "hậu sinh khả úy!"

Ấy vậy mà sang năm, rồi năm kế, rồi năm kế tiếp nữa, cũng chẳng thấy Trang trở lại bao giờ. Tôi không ngờ là chúng tôi chưa nói lời từ biệt



cuối cùng nào với nhau mà đã xa nhau mãi mãi như vậy. Thúy cũng không trở lại sau mùa hè đó. Nhưng tôi thấy Hữu không có vẻ gì buồn bã quay quắt như tôi cả, có lẽ vì Hữu và Thúy không thân nhau như tôi và Trang. Vậy cũng mừng. Tôi không muốn em tôi phải vất vả nhằm cái "kinh nghiệm khổ đau" mà tôi đã trải qua.

Bốn năm sau mùa hè quen Trang, tôi đã vào chùa làm chú tiểu. Kể từ đó, hầu như tôi đã không còn nghĩ gì đến cái quá khứ "lãng mạn" ấy nữa. Và từ ngày vào chùa đến giờ, cũng đã được năm năm. Vị chi là chín mùa hè trôi qua từ khi tôi quen Trang. Ngồi sao hôm hầy còn mọc lên mỗi chiều tối nhưng con sông xưa nay đã thành bình địa và thay vào đó là khu chợ Đầm và những dãy chung cư cao ngất. Những hoa phượng năm ấy đã hóa thân thành cát bụi và đêm về, không có những ánh đèn lấp lóa, lung linh dưới dòng nước đen kịt nữa. Vậy mà hôm nay, tự dưng tôi lại thả hồn quay về với những kỷ niệm xa xưa ấy. Tôi lắc đầu, ngồi xuống bên hiên của dãy phòng học bỏ hoang và tự chế tâm mình bằng cách nhìn chăm chú vào một viên sỏi màu nâu lú lên giữa bãi cát trắng trước mặt.

Khi tôi đứng dậy thì mặt trời đã lên khá cao. Lại có một đám tang với đoàn người lặng lẽ kéo vào khu nghĩa trang. Nghe nói chính quyền mới cấm tụ họp đông đảo và cấm luôn

những hình thức có vẻ mê tín theo cách nhìn của họ. Cho nên đám tang đã ít người mà lại không kèn không trống, không sư sãi hay cha xứ nào đi theo, tang quyến ủ rũ, khách đưa tang thì có vẻ như đang dè chừng nguy hiểm bao quanh; trông cảnh ấy còn thể lượng thảm hại hơn cái thực tế là có một người thân vừa nằm xuống vĩnh viễn.

Khung cảnh ngôi chùa được bao quanh bởi một bãi tha ma quả nhiên là có phần ích lợi cho vấn đề tu dưỡng. Nhưng mặt khác, hình như nó cũng tàn bạo dim chết trong tôi bao sức sống và ước vọng căng tràn của tuổi trẻ. Sau những phút êm đềm ôn lại chuyện xưa, lần đầu tiên từ ngày xuất gia, tôi cảm thấy ngán ngẩm cái dấu hiệu buồn tẻ, tiêu điều nơi cảnh sống này. Mỗi sớm mai thức dậy chỉ nhìn thấy chung quanh là mờ mịt. Chiều xuống, nắng hồng cũng trải những vết buồn trên những nắm cỏ hoang lạnh. Giữa khung cảnh ấy, thử hỏi một khát vọng tươi vui đẹp đẽ nào có thể đâm chồi nảy lộc được! Dĩ nhiên xuất gia rồi thì bao khát vọng thế tục cũng phải dẹp bỏ mới có thể nhẹ nhàng bước vào khung trời tự tại giải thoát. Nhưng rõ ràng là hình ảnh sự chết—một mặt khác của cuộc đời—cũng có khả năng như sự sống: có thể hủy hoại và làm đắm chìm tâm hồn người ta. Khác chẳng là một bên tĩnh, một bên động; một bên khó cản, một bên tươi tắn. Mà đã dim đắm thì không còn có thể nói đến cơ

hội để vươn thoát được.

Lưng tôi rịn ướt mồ hôi khi nảy sinh những ý nghĩ ấy. Tôi không biết tôi nghĩ như vậy có đúng chẳng. Và tôi bỗng nghi ngờ về khả năng tu tập của mình. Nếu ở một hoàn cảnh sống khác, tâm tôi sẽ như thế nào? Tôi có thể bước ngang cuộc đời với một tâm thái tự tại vô ngại chẳng. Một điều rất rõ là khi nhìn đám tang kia, lòng tôi bỗng chùng xuống, chán chường, mệt mỏi. Cái gì đã khiến tôi như vậy? Phải chăng là lòng bi mẫn? Hay chỉ vì cái thói quen nhìn cuộc đời như là miếng giẻ rách vô giá trị? Nếu quả là vĩnh viễn thoát ly hẳn thế tục, tôi sẽ không còn thờ dãi, buồn bã khi chứng kiến những thăng trầm, sinh tử đang diễn ra bất tận trước mắt nữa. Tôi chưa làm được điều đó. Thịnh thoảng, lòng tôi vẫn thấy xao, lay động. Và hình như trong tôi có một thôi thúc nào đó rất mơ hồ, mà lại dễ chịu. Cái thôi thúc ấy tôi không hiểu nổi nhưng có thể cảm nghe được sự mãnh liệt của nó vẫn còn âm ỉ ở một góc nào đó trong tâm mình. Những dấu hiệu ấy chẳng bao giờ thích hợp với Thiền đạo. Như vậy, tôi còn cần phải cố gắng, cần phải nỗ lực tu tập nhiều hơn nữa để đạt được trạng thái hoàn toàn tịch lặng không còn bóng dáng của những đau khổ, buồn thương...

Một làn gió nhẹ từ vườn rau thổi tới, mát rượi. Tôi hân hoan quay trở về phòng và sự nhớ rằng hôm nay tôi có hứa sẽ đi cùng chú Tử qua chùa Phước Lâm thăm thầy Thiện Phước và vài người bạn bên đó, đồng thời để tôi mượn bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán. Tôi đang có hứng thú để chép lại bộ kinh Pháp Hoa này, một phần để hiểu sâu hơn về bộ kinh mà tôi đã có tụng đọc từ thời bé thơ đầy kỷ niệm ấy, phần khác để ôn và học thêm chữ Hán mà từ khi Phật học viện giải tán, tôi không có dịp nhìn tới.

(mời xem tiếp chương 2)



Hoàng tử hiếu thảo

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

Xưa có vị hoàng tử tên là Nhân Nhục, tướng mạo khôi ngô, trí rất thông minh, lòng rất nhân đức. Ngài đem lòng thương xót hết cả mọi người, nên rất được mọi người thương mến. Đối với Vua cha và Hoàng hậu, Ngài rất kính yêu và hiếu thảo, không bao giờ từ chối một việc gì mà Ngài có thể làm cho cha mẹ vui lòng.

Một ngày kia Vua cha đau nặng, thuốc thang chạy chữa đã hết phương mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Hoàng tử lo buồn lắm. Ngài hội các đình thần lại để hỏi xem ai có cách gì cứu chữa cho Vua cha.

Trong triều có một kẻ gian thần, vì muốn giết Thái tử để cướp ngôi sau khi vua mất, liền đứng dậy thưa rằng:

"Thưa Thái tử bệnh của

Hoàng đế chỉ có một thứ thuốc có thể chữa được, nhưng khó kiếm."

Hoàng tử tỏ vẻ vui mừng, vội hỏi:

"Chẳng hay thứ thuốc ấy là thuốc gì thế? Nếu chữa được bệnh cho Phụ vương tôi, thì dầu khó thế nào, tôi cũng cố tìm cho được."

"Bẩm, ấy là cái não của một người trẻ tuổi mà từ nhỏ đến lớn rất hiếu thảo với cha mẹ và nhân đức với mọi người."

Hoàng tử hỏi:

"Vậy não của tôi có thể đem dùng để làm thuốc được không?"

Kẻ đại thần nghe nói, trong lòng lấy làm mừng rỡ, nhưng giả vờ buồn bã mà thưa rằng:

"Thưa chắc được, vì còn ai

hiếu thảo và nhân đức hơn Ngài. Nhưng chúng tôi không dám và cũng không nỡ làm một việc nhân tâm như thế."

Hoàng tử khẳng khái trả lời:

"Nếu tôi chết mà cứu sống được Phụ vương tôi, thì tôi rất sung sướng. Xin các Ngài đừng lo ngại."

Nói xong, Ngài liền truyền đem cắt đầu mình, lấy não đem hòa với thuốc để Vua cha uống. Lòng hiếu thảo của Thái tử động đến trời đất, nên khi vua uống xong chén thuốc thì bệnh liền thuyên giảm ngay.

Hoàng tử hiếu thảo trên đây, chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

(Trích Viên Âm)

